

THƯ QUÁN

B ẢN T H Ả O

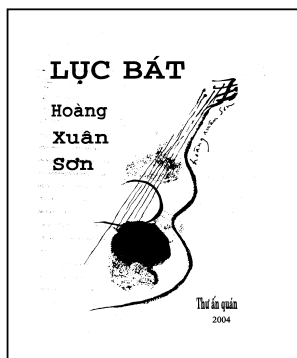


Hải Phương * Trần Hoài Thư * Phạm Thị Ngọc Liên * Mang
Viên Long * An Phú Vang * Sử Mặc * Trần Bang Thạch *
Hoàng Xuân Sơn * Hạc Thành Hoa * Phạm Văn Nhân * Đoàn
Thạch Biên * Lữ Kiều * Đỗ Hồng Ngọc * Nguyễn Phan Thịnh *
Nguyễn Nhung * Nguyễn Đức Nhơn * Đoàn Chinh Nam *
Nguyễn Văn Sâm * Cao Vị Khanh * Triều Tụ Truyện * Hoài
Khanh * Nguyễn Lệ Uyên * Phạm Ngọc Lữ * Nguyễn Minh *
Thanh Hồ * Thanh Đào * Nghi Hữu * Trần Quý Thoại

Tập 15 tháng 6, 2004

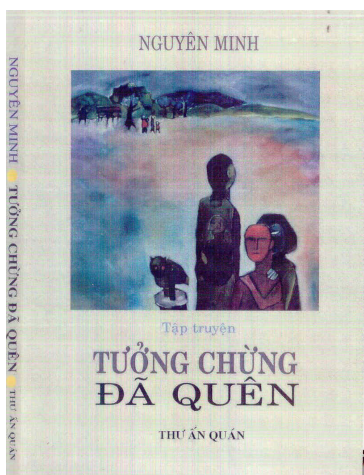
Thư Ấn Quán xuất bản trong tháng
4/2004

Lục bát
Hoàng
Xuân
Sơn



Tưởng
Chứng
đã quên

Nguyễn
Minh



Thư Quán Bản Thảo
Tuyển tập văn học nghệ thuật
TẬP MƯỜI LĂM, THÁNG SÁU NĂM 2004

Độc trong số này:

Viết chung 5* Hải Phương: *thơ* 37 * Trần Hoài Thư: *Những ngọn đèn cây của ngày sinh nhật* 43 * Phạm Thị Ngọc Liên: *thơ* 52 * Mang Viên Long: *Những đóa hồng của đời sống* 54 * An Phú Vang: *thơ* 67 * Sử Mặc: *thơ* 70* Trần Bang Thạch: *Trên vách núi có một dòng sông* 72 * Hoàng Xuân Sơn: *thơ* 82 * Hạc Thành Hoa: *thơ* 84* Phạm Văn Nhân: *Hấn* 85 * Đoàn Thạch Biền: *thơ* 92 * Lữ Kiều: *Trên đồi là lô cốt* 95 * Đỗ Hồng Ngọc : *thơ* 106 * Nguyễn Phan Thịnh : *thơ* 108 * Nguyễn Nhung: *Người lính già trên chuyến tàu đêm* 112 * Nguyễn Đức Nhơn: *thơ* 127 * Đoàn Chính Nam: *thơ* 130* Nguyễn Văn Sâm: *Âm dương* 131 * Cao Vị Khanh: *thơ* 144 * Triều Tự Truyện: *thơ* 146 * Hoài Khanh: *thơ* 147 * Nguyễn Lệ Uyên: *Người đàn bà chết trôi* 149 * Phạm Ngọc Lư: *thơ* 158 * Nguyễn Minh: *Mây trôi* 159 * Thanh Hồ: *thơ* 183* Thanh Đào: *thơ* 184 * Trần Hoài Thư: *thơ* 185 * Nghi Hữu: *thơ* 186 * Tác giả tác phẩm: *Độc thơ của hai tác giả: Hoàng Xuân Sơn (canada) và Phạm Ngọc Lư (VN)* 188*

Tranh bìa: Trần Quý Thoại

Thư Quán Bản Thảo 16 sẽ phát hành vào tháng 10 năm 2004. Bài vở gửi về: nhanvanpham@yahoo.com. Hay: tranhaoithu@yahoo.com trước tháng 9 năm 2004.

Viết chung

Tâm sự với NG~

Phạm Văn Nhân

THÁNG TƯ NĂM NAY, NHỮNG NGƯỜI BẠN Ở Dallas, ở Houston đến thăm tôi. Những người bạn đã một thời quen biết nhau, đã một thời cầm bút, đã một thời "trần trở" cho thân phận trong chiến tranh, và đã một thời khoác áo lính. Gặp nhau, không phải để chỉ có cái ăn, cái nhậu. Nó tầm thường quá, phải không? Mà, gặp nhau, để ôn lại chặn đường hơn hai năm một tạp chí ra đời (TQBT). Và, gặp nhau, để còn giới thiệu cho nhau những người bạn chỉ biết nhau trên chữ nghĩa, chưa gặp nhau lần nào. Ngày ấy, có: vợ chồng Trần Bang Thạch, vợ chồng Phạm Quang Tân (Houston- tạp chí Văn Hóa Việt Nam), Nguyễn Đức Nhơn (Dallas). Mà bạn ở trong nước đã e. mail cho tôi chúc ngày họp mặt vui. Cũng như năm nào tôi và THT chúc bạn cùng với những người bạn văn đến gặp bạn trong đêm " nguyên tiêu " ở T.H.

Nhưng trong ngày ấy, tôi không ngờ lại có thêm một người bạn khác nữa, cũng đến, đó là Trần Hoài Thư (New Jersey) Ngay cả ba người bạn của tôi ở Dallas, Houston như Thạch, như Tân, như Nhơn chẳng hay biết. Còn tôi vừa ngạc nhiên vừa vui quá đổi. Thư đến như ngày nào thật xa, nhìn lại, trong tấm hình mà bạn gửi qua cho tôi (gần 40 năm rồi phải không). Vẫn ốm, vẫn cao, và vẫn nụ cười như ngày nào... Mà có lần, bạn viết thư cho tôi, bạn nói: " hai thằng lính ốm quá, đánh đấm gì

được. Thua là phải ". Vâng, nhìn vào hình gần 40 mười năm trước và nhìn Thư thực tế hôm nay: ồm thật.(tôi hay nói giỡn: giống như ở kinh tế mới về).

Khi những người bạn nhìn vào tấm hình, anh em hỏi: ai? Tôi nói: Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Lê Uyên, Trần Hoài Thư và tôi. Đấy, những người bạn một thời, còn sống cả. Hai trong nước. Hai ngoài nước. Nguyễn Đức Nhơn bảo tôi in ra cho hắn một tấm đem về Dallas làm kỷ niệm. Thế mới biết tình của bạn bè, dầu Nhơn chưa một lần gặp bạn.

Không biết đến ngày nào tôi gặp lại các bạn. Xa vời quá phải không? Mặc dù hôm nay người ta cứ đi đi về về như đi chợ. Còn tôi cứ giậm chân tại chỗ. Tối nào cũng ngồi gõ máy trong căn phòng để làm TQBT, nhìn mãi tấm hình bạn bè, để nhớ những ngày mà: mỗi người chúng ta đều mang trên người một nỗi âu lo chung. Chiến tranh. Chiến tranh đẩy chúng ta đi nhiều nơi nhiều ngả. Cho nên, tôi vẫn nhớ đến câu viết của LK trong bài viết bạt cho tập truyện : Chim Trong Thành Quách Cũ của TDP." Quả thật chúng tôi không chọn lịch sử. Lịch sử đã chọn chúng tôi ".

Vâng, lịch sử đã chọn chúng tôi. Đã đẩy chúng tôi lên rừng, ra tận hải đảo xa. Nhưng dù có đẩy đi đâu qua bao biến cố lịch sử thì chúng ta vẫn còn giữ cho nhau một tấm lòng nhân ái qua ngòi viết mà các bạn đã viết. Dù khi ấy bạn đứng trước bục giảng, hay có bạn đang cầm súng trực diện với cái chết ngoài mặt trận.

Và tháng tư năm ấy, nói theo anh Hải Phương: tháng tư thương tích. Lịch sử, có phải thế không. Đã đẩy bạn bè vào tù, đã đẩy bạn bè đi xa, ra ngoài mảnh đất đã nhiều lần khổ đau qua bao biến cố lịch sử ấy.

Nhưng xa nhau, không có nghĩa là, nói theo Trần Hoài Thư : không có nghĩa là phần lãnh thổ, địa dư , mà ngăn cách chia lìa nhau. Tôi đồng ý trên câu nói của người bạn chúng ta. Gần thật. Gần cả mấy năm nay. Từ năm 2001 cho đến hôm nay 15 số báo Thư Quán Bản Thảo ra đời. Gần thật. Như ngày 9 tháng tư năm này, ngoài TQBT 14 ra Trần Hoài Thư đến và còn mang theo cả YTBT 7 nữa. Với YTBT 7 còn thơm mùi giấy, mùi mực, với những anh em viết quen thuộc ngày nào. Tôi thấy vui, khi tên tuổi của anh em vẫn hiện diện trên trang báo trong nước, và ngoài nước. Gần thật.

Phải nói gì đây? Phải cảm ơn bạn bè vẫn còn cái " chất văn nghệ văn gừng " đấy chứ. Cho dù tuổi đã trên dưới 60. Ngày nào, vẫn còn cái háo hức của tuổi 20, vẫn còn nhớ nhau, kêu gọi nhau để dựng lại ngôi nhà(chữ của NPT), tưởng rằng nó đã bị dòng nước lũ cuốn trôi. Tôi muốn nói đến YTBT. 30 mười năm qua, tưởng chừng im hơi lặng tiếng. Để mỗi người lằm-lũi-sống-và-thời-gian-vẫn-trôi-di. Và, quên đi, dù rất nhớ những trang giấy bản thảo viết đi rồi xóa, rồi bỏ.... Nhưng không, cái chất văn nghệ đam mê ấy như một " nghiệp chướng " đeo đuổi làm sống lại một tạp chí đã ít nhiều gây được tiếng vang trước 1975.

Như Trần Hoài Thư viết trên TQBT 14, phần viết chung: *nói đến những nhóm làm nên những hiện tượng văn học thời trước 1975, người ta chỉ nhắc đến Hiện Đại, Sáng Tạo, Thế Kỷ 20 và trước hơn nữa là Tự Lực văn Đoàn...Thử hỏi có nhóm nào tồn tại hơn hai mươi năm, chứ nói gì đến 40 năm, và bây giờ họ vẫn tiếp tục ngồi chung lại với nhau...*(ý Trần Hoài Thư muốn nói đến YT). Vâng! Đúng như thế. Họ (hay nói khác hơn là bạn bè mà một thời lịch sử đã chọn họ, nay ngồi lại với nhau)

hình thành trở lại một tạp chí văn học đầy tính nhân bản này, trong muôn vàn khó khăn trước mắt, sau lưng, bên trái, bên phải.

Ở Hải ngoại, sách báo thì muôn trùng đếm không xuể. Báo Tuần, Báo Nguyệt San, Nguyệt San. Có những tờ báo đầy cộm, có những tờ báo mỏng. Nhưng tờ nào cũng ít nhiều quảng cáo. Có tờ đặt nặng quảng cáo thương mại hơn. Có tờ đặt nặng văn học nghệ thuật hơn. Có tờ mới thấy tháng trước, tháng sau không còn. Hỏi ra vì thương chủ không chịu quảng cáo...Nhìn chung, báo chí ở bên này, muôn màu muôn vẻ. Nhưng tìm lại những cây bút cũ của miền Nam mà " lịch sử chọn " cầm súng ra chiến trường, hay ra hải đảo xa, hay lên tận cao nguyên...còn ở quê nhà thì ít lắm. Thỉnh thoảng mới đọc được một hai người trên một tạp chí văn học, mà thôi. (những cây bút này trước 1975 cũng chỉ sống và làm việc quanh quẩn ở Sài Gòn). Có lẽ vì không liên lạc được với anh em, hay có lẽ vì một " cái gì đó " không thỏa mãn được...??

Nhưng. Với TQBT và với YTBT thì khác. Sợi dây càng ngày càng nối chặt anh em lại, không một điều kiện gì cả, như ở cái tuổi đôi mươi ngày nào yêu " chữ nghĩa " và đam mê.

Gần gũi quá phải không Ng~, phải không NM, phải không LK, phải không PNL, phải không THT, phải không LKT. Bởi vì bọn mình cùng một thời, và cùng nhau xóa đi cái ranh giới " cái gì đó " để cho một tạp chí văn học tồn tại và sống lại hôm nay trong nước: YTBT. Và sống lại hôm nay, ngoài nước: TQBT.

Cảm ơn bạn bè đã góp tâm huyết của mình để nuôi nó, đã vực nó dậy. Phải sống. Cảm ơn THT, cảm ơn NM.

Hai người ở đầu sông và cuối sông. Dòng sông xa vợ
vợ ấy trên địa dư, thế mà trong hay ngoài đều có nó
hiện diện, in ra và phát hành đến tay anh em, độc giả.
Dù có rất nhiều khó khăn trước mắt. Về nhân lực không
sợ thiếu (bài vở). mà những bài vở phải nói thật rất có
giá trị trên phương diện sáng tác (thơ và văn) . Chỉ sợ
thiếu tài chánh. Như nỗi âu lo của Cao Vị Khanh mới
hôm nào gọi điện thoại nói chuyện với tôi từ Canada;

Tôi biết, đây là nỗi âu lo chung của anh em trong nhóm.
Tôi gọi điện thoại hỏi THT, anh cười: nó phải sống. Tôi
quay về hỏi NM trong nước: nó phải sống. YT và Thư
Quán: phải sống. Tôi nghe hai bạn tôi ở đầu và cuối
dòng sông nói như vậy, tôi vui. Động cơ nào tác động
mạnh vào anh em, và vào hai đầu của dòng sông mãnh
liệt như thế: Độc giả? Vâng. Làm tạp chí văn học mà
không có độc giả thì bảy lần ba hai mươi một ngày
là...chết.

Độc giả là một yếu tố quan trọng để nuôi tờ báo. Nhưng
TQBT và YTBT có bán đâu để " lấy tiền " nuôi tờ báo.
Yếu tố quan trọng độc giả ở đây là " tinh thần" đã và
đang đẩy chúng tôi tiếp tục làm. Tôi đang suy nghĩ về ý
kiến của bạn tôi (CVK), là: trong nhóm đóng góp.
Nhưng, với đồng lương ba đồng ba cọc, phải trả biết bao
nhiều của nợ trên cái xứ mà: nhìn bề ngoài tưởng ai cũng
giàu, mà nhìn bên trong thì thật " tơi tả ". Căng quá bạn
nhỉ? Hỏi lại THT, anh ta vẫn cười: phải cho nó sống (
TQBT) và tôi quay về quê nhà, hỏi bạn tôi NM: tôi phải
làm hết mình, dù cực đến đâu, nó phải sống (YTBT).
Trời ơi! Sao hai người bạn của tôi ở đầu và cuối dòng
sông có một tấm lòng với chữ nghĩa như thế?.

Như hôm 9 tháng 4 vừa qua. YTBT 7/ 2004 đang ở trước

mặt tôi. Sự gần gũi ấy không còn là khoảng cách của địa dư nữa, mà bạn bè ngày nào đang đưa bản thảo cho tôi đọc. Như hôm nào tôi trở lại Qui Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang, Huế...ở cái tuổi " lì " trong cuộc chiến.

Và Ng~ ơi

Bên này bắt đầu vào mùa nóng. TQBT 15 phát hành trong mùa hè này. Nghe nói chỗ bạn ở cũng nóng kinh hồn. Điện còn bị " cúp " nữa phải không? Với TQBT 15 đến tay bạn, tôi tin sẽ là hơi mát xua đi cái nóng nơi vùng quê cũng như cái ồn ào ở Sài Gòn mà bạn bè mình đang sống; vì với TQBT 15 những dòng thơ lục bát của Hải Phương, của Hoàng Xuân Sơn, của Thanh Hồ... sẽ làm cho bạn dịu lại trong mùa hè này.

Hẹn nói chuyện với bạn trên TQBT 16.

Những trang viết từ Houston:

Như những ngày tháng cũ

Trần Bang Thạch

Nhấc lên cao, rồi rớt xuống thật mạnh. Đẩy qua bên trái, rồi ném qua bên phải. Có lúc như đầu chân lộn ngược. Tôi tưởng tượng chiếc ExpressJet của hãng hàng không Continental đang như sợi chỉ bay bấn loạn trên bầu trời mưa bão, hay như con lăng quăng hì hục bơi trong dòng nước xoáy. Đây là loại phi cơ nhỏ để bay những đoạn đường ngắn. Sợi chỉ mong manh này đã chống chọi với một bầu trời dày đặc mưa, đen um mây và cuồng bạo gió. Chắc là đã hơn mười phút trôi qua rồi. Mười phút

đánh đu với định mạng. Mười phút thật dài trong những cái nín thở, những hồi thót ruột của 60 hành khách giữa lòng phi cơ. Máy điều hòa không khí đã tắt hết để tiết kiệm nhiên liệu, phòng khi phải đáp xuống một phi trường nào khác. Bên cạnh tôi Nguyệt đang nhắm mắt. Tôi biết Nguyệt đang thầm niệm mấy câu chú cứu khổ cứu nạn Quán thế Âm Bồ tát Ma ha tát. Tôi nắm chặt bàn tay vợ, vừa để trấn an mình, vừa để thầm nói rằng anh cũng đang cùng cầu nguyện với em. Hàng ghế trên, Phạm Quang Tân hướng mặt nhìn bầu trời bên ngoài qua khung cửa kính đã nhòe nhoẹt nước mưa, sao có vẻ bình thản quá vậy. Hình như người bạn trẻ gốc không quân này đã quen với những nét mặt cau có của vùng trời. Bên cạnh Tân, tôi thấy Cúc đang hướng mặt lên trần phi cơ, có lẽ cũng đang nhắm mắt cầu nguyện, và có lẽ gương mặt cũng xanh như tàu lá chuối, như bao nhiêu người nữ xung quanh. Rất nhiều tiếng nói từ buồng lái phát ra. Chắc chẳng mấy ai nghe được điều gì, ngoài tiếng đập của những âm thanh hỗn độn bên ngoài phi cơ.

Cuối cùng thì sợi chỉ mỏng manh cũng êm ái đáp xuống đất, như một phép lạ. Sợi chỉ bay từ Houston, thành phố to cực nam Texas, vượt một núi mây mưa, vượt một rừng gió bão, rồi đậu trên cái thành phố nhỏ cực bắc Texas. Hình như mọi người đang thở ra cùng một lượt khi nghe âm thanh đầu tiên của vỏ cao su chạm vào cát đá phi đạo. Tiếng rít nghe như tiếng gọi thần hồn hãy mau mau trở lại.

Amarillo đã đón tiếp 4 người chúng tôi như vậy. Người bạn văn Nguyễn Đức Nhơn rất có lý khi gọi Amarillo là

Em Mary Lo. Người nữ tài tử nhan sắc J.Lo đã bao nhiêu năm làm tối tăm mặt mũi bao yêng hùng. Hôm nay nàng vẫn không quên tập cũ, đã lả lướt vài đường trong mười phút ngắn ngủi để chúng tôi lộn ruột chơi; đó chỉ là ba cái lẻ tẻ. Cái quý của chuyến đi này cũng là ở cái chỗ gan ruột lộn tùng phèo này. Chị Thu và ông bạn già Phạm Văn Nhân có biết cho chẳng tá? Nói chơi vậy thôi. Đi thăm anh chị mà kể khổ thì vô duyên quá, phải không? Không khéo chuyến sau thiếu món chả cá hai màu đại nội thì uống to.

Ông bà mình từng nói tiền hung hậu kiệt. Hôm nay thì trúng phóc. Hung thì đã qua rồi, đã trả lại cho bầu trời rồi. Hơi thở của chúng tôi thì cũng đã trả về lồng ngực mỗi người. Bây giờ thì bắt đầu thật nhiều cái kiệt trong suốt 2 ngày rưỡi ở nhà Phạm Văn Nhân.

Chúng tôi 4 đứa không ai có cái lập trường chao đảo như bạn già Cao Vị Khanh nửa năm trước ghé thăm PVN ở A-mã-hí-lộ: *Tình cờ thì cũng tình cờ, bất ngờ thì chẳng bất ngờ đâu anh (CVK)*. Chúng tôi có dự tính, chuẩn bị, liên lạc nầy kia, rồi là đi. Chẳng tình cờ, chẳng bất ngờ gì ráo trọi. Chúng tôi cũng không cần phải thốt: *Nhà anh đâu có gần sông, mà sao sóng vỗ bạc lòng, anh ơi (CVK)*. Chúng tôi đến, chúng tôi ở và chúng tôi chơi với nhau tận mạng; chớ không chỉ ghé một chút, hút tàn điếu thuốc rồi thấy trò lố cốc ra đi. Chọc thầy trò CVK một chút cho vui để mượn cớ nói với PVN rằng: Có tính hay không tính, có nhiều hay ít thời giờ thì chúng tôi đều rất muốn ghé thăm anh chị, người đang ẩn dật nơi ngọn sông cuối bãi. Và anh chị đã thấy đó: Nghe chúng tôi có dự

tính, Nguyễn Đức Nhơn từ Dallas hăm hở lên đường phó hội. Em Mary Lo từ sáng sớm. Và một nhơn vật khác, một con ngựa khác cũng từ New Jersey bất ngờ tung gió bay về. Khi chúng tôi gặp Trần Hoài Thư tại phi trường, tôi tưởng là chuyện không thật, khi nắm tay áo treillis rộng thùng thình trên thân người cao lêu nghêu thì nổi bất ngờ mới òa vỡ trước mắt. Thì ra cái bí mật hành quân được giữ kín cho đến giờ N, giờ thứ 25.

Rồi từ đó, suốt 2 ngày rưỡi mình chỉ có mấy tiếng để ngủ. Những tiếng đồng hồ còn lại là để nói. Nói. Nói chuyện làm thơ, làm văn, làm báo, chuyện xưa, chuyện nay, chuyện người chết, chuyện người sống... đủ thứ chuyện. Đặc biệt mình nói về thời gian sắp tới của TQBT. Cố giữ số trang là 200. Bài gửi đến tuy nhiều, nhưng cứ giữ đó để đi lần. Đừng quên chất lượng, chính cái này mới giữ người viết và đọc giả ở với mình. Mình không làm thương mại nên không sợ thiếu vốn, chỉ sợ thiếu chịu cực, và thiếu cái ý hợp tâm đầu của các má bấy trẻ để các cái xương sườn cụt này chịu khó mở hầu bao. Cũng đừng quên những tiếng đời khua động, chắc chắn nó sẽ lớn theo sự lớn mạnh của TQBT. Sắp tới tập thứ 15 rồi, mọi sự vẫn hạnh thông. A di đà Phật. Lạy chúa tôi. Và cũng đừng ngó ngang gì đến những đôi mắt cú vọ của thời này, thời của yêu ma quỷ quái thừa lúc người hiền chống gậy trúc đặng sơn mà ra sức lộng hành. Rồi từ đó nhớ thật nhiều những ngày tháng cũ. Các bạn biết không, đang mang cái tâm thức đi gặp các bạn văn, rồi bất ngờ gặp cái áo lính cũ, tôi nhớ hết sức những chuyến đi bốc đồng của mấy mươi năm trước. Nhớ nhất là lần cùng với KTK ngồi xe lam 3 bánh, rồi đón tát ráng đi sâu vào một con kinh nào đó của con sông Ngã

Bảy để thăm Trần Như Liên Phượng. Người trung úy thi sĩ gầy như que tăm, nhỏ nhoi dưới sức nặng của hàng huy chương trên ngực, đang cùng với trung đoàn 32 của sư đoàn Sét Miền tây dừng quân ở đó. Chúng tôi không được nói chuyện nhiều, nhưng mấy tiếng đồng hồ thì đã quý. Sau đó 3 ngày thì được tin Phượng đã vĩnh viễn ra đi ở trận đánh Tầm Vu . Cây thuốc Lucky Strike chúng tôi mua chưa kịp gửi vào cho Phượng. Cả đời Phượng chỉ hút Lucky vậy mà chàng có được chút may mắn nào đâu. Những buổi gặp gỡ văn nghệ như vậy có lẽ là một phần đời sống của những người viết trẻ chúng tôi thời đó. Chỉ cần một buổi ngồi xe đò xuống Sóc Trăng để uống với Lan Sơn Đài và Quách Được Thanh và Triều Uyên Phượng một cốc cà phê đen nơi cái quán của chị Miên lai quen thuộc phía sau rạp hát gần cầu Quay, rồi lên xe trở về, vậy là đã vui rồi. Có khi ngược đường lên Long Xuyên Châu Đốc để thức một đêm cho đã với các bạn văn. Không quên được căn gác xép của CVM trong một con hẻm vùng Đa Kao, nơi tập hợp của những cây viết trẻ tứ xứ, nơi 4, 5 người chia nhau 1 cái trứng vịt luộc dầm nước mắm cay, nơi VĐSB tập cho người tình nhỏ bài hát mới viết còn chưa ráo mực :Thu hát cho người. Trong TQBT 14, Ng~ nhắc tới đêm nhạc Vũ Đức Sao Biển ở VDH Cần Thơ, tôi nhớ rõ lắm vì phái đoàn từ ĐHS/SG hôm đó có tôi. Đó cũng là lần đầu tiên tôi gặp Ng~, gặp lần sau khoảng cuối năm 1970 tại quân trường Thủ Đức, anh ở đại đội 31 hắc ám, mang băng tên màu đen, tôi đại đội 32. Những năm làm Chỗ Đứng mới là gian truân: vừa trốn công an, vừa trốn ông chủ nhà in Tân Hưng trong vùng Chợ Lớn, cứ gặp đâu là bị ông đòi tiền đó, căn nhà nhỏ của Anh Việt Thu, tác giả Giồng

An Giang, trong cư xá trung tâm phát tuyến Phú Thọ đã vô tình thành câu lạc bộ bỏ túi cho anh em Chỗ Đứng, cho dân ghiền cà phê đen, thuốc Bastos xanh và ghiền nói chuyện văn nghệ văn gừng thâu đêm suốt sáng. Anh Việt Thu Huỳnh Hữu Kim Sang đã bỏ anh em mà ra đi từ trước 1975 sau cơn bệnh. Quách Được Thanh đã chết trong tù. Mai Huỳnh Văn, Lê Văn Hiến, Kiều Tâm Khánh Lê Công Sinh, Ưu Thức Đặng Thư Cưu Lê Văn Tâm, Nguyễn Hoài Vọng, Nguyễn Ngọc Khôi, Huỳnh Phan Huỳnh Ngọc Hòa... cũng không còn. Bao nhiêu bạn văn khác cũng không còn..

Thời ấy tưởng đã qua. Thời gặp gỡ văn chương cà phê thuốc lá thâu đêm tưởng đã hết.

Vậy mà hôm nay, qua một chuyến đi ngắn, những ngày tháng cũ như vẫn còn lẩn quất đâu đây. Dù sao thì Em Mary Lo vẫn còn dễ thương, một nơi chốn để ta đẩy đưa câu chuyện. Văn Trần Hoài Thư xuất hiện trong cánh áo treillis sồn cũ như một người lính trận, và râu tóc kềm gai như Kim Mao sư Vương Tạ Tố. Văn Phạm Văn Nhân say sưa chuyện máy móc, bài vở, nói năng tà tà từ từ như chính bút pháp của anh trong các truyện kể. Nguyễn Đức Nhơn thăm thì mấy bài thơ cũ, mới. Tất cả đã già đi nhưng cái trẻ trung không thiếu qua bao nhiêu nhắc nhớ, bao nhiêu dự tính cho một tương lai gần. Nhờ vậy mà cuộc tao phùng thêm vui. Có lẽ phần nào nhờ cái máu văn nghệ vẫn còn. Cũng phần nào nhờ những cái tên bạn bè được nhắc đến.

Xin mượn 1 bài thơ của Nguyễn Đức Nhơn thay cho lời cảm ơn những người Amarillo đã cho chúng tôi mấy

ngày đáng đồng tiền bát gạo.

Đêm Hội ngộ

(Tặng các bạn trong buổi
hợp mặt ở nhà Phạm Văn Nhân)

Bao năm tan tác biển dâu
Cũng may còn gặp lại nhau xứ người
Nhìn nhau dở khóc, dở cười
Loay hoay mà cũng đã mười mấy năm
Thằng nào tóc cũng hoa râu
Thằng nào mắt cũng xa xăm muôn trùng
Lượng đời còn chút bao dung
Thôi thì rượu đó ta cùng nâng ly
Rồi đây kẻ ở, người đi
Đường mây, nẻo gió chắc gì gặp nhau !

Hỏi bạn hiền Nguyễn Đức Nhơn, sao mà bi quan quá
vậy, ta chưa đi đâu, ta chưa đến lúc phải đi đâu, còn trẻ
mà, tứ thập niên tiền ta chỉ xấp xỉ nhị thập tam thôi.

Vậy thì xin hẹn gặp nhau vài lần nữa, trước khi người đi
kẻ ở.

Houston, tháng 4, 2004

Cà kê chuyện xưa và nay

Ng~.

1/

Một ông bạn, nguyên là giáo sư Việt văn thất cơ lỡ vận, lâm vào cảnh lỡ thầy lỡ thợ, ngồi nhà đánh chó chửi mèo chán, quay ra tập thư pháp, đọc Thiền, sưu tập kinh Coran, thơ Đường cùng những thế võ bí truyền... tất cả trộn lại thành một đồng bùi nhùi. Bữa nọ, anh ta phóng xe tới nhà thật sớm, khi tôi chưa chà răng súc miệng. Hấn không gõ cửa mà lấy chân đá vào cổng kêu âm ầm. Hai con chó dựng lông gáy sủa ồm ồm. Mở cổng thấy vẻ mặt hấn hí hửng, chắc là có chuyện vui. Bèn bẻ củi chụm ấm nước. Hấn tự động lấy ấm chén ra chà rửa, tự động pha trà rồi ngồi thu chân lên ghế đẩu – kiểu ngồi chống lựt. Hấn đốt điếu thuốc, bập bập rồi khạc nhổ, nhóng sang phía tôi. “Này ông nhớ câu này không?

Chìm quyền xuống đất ăn trùng.

Anh hùng lỡ vận lên rừng đốt than ? “.

“Anh hùng lỡ vận lên rừng đốt than” thì có sao nào? Tôi ngó mặt hấn ần đen đen nhập nhoà trong thứ ánh sáng đầu ngày chưa lộ rõ, sinh nghi: chắc thằng cha này đổ mình chi đây, và chợt nhớ hồi đi cà nhổng với đám bạn ở Lục tỉnh, ngồi nhậu đế với khô sặc ở Ô Môn, ông già vườn gõ miệng chén hát:

Đấng trượng phu đừng thù mới đáng

Đấng anh hùng đừng oán mới hay.

Ong giảng giải cho cả bọn nghe cái tính chất hào phóng, anh hùng điệu nghệ của những lưu dân ở miền đất “*dưới sông đĩa lội, trên rừng cọt um*”.

Cảm khái cái nghĩa, cái nhơn chạy qua cảm cảnh rồi cảm luôn người, giờ thành ra gấn bó một phần máu thịt, thành ra quen thói đàng điệu tài tử phong lưu xứ Đàng Trong, đến độ thỉnh thoảng bà vợ phải nhắc nhở, như trọng tài

trên sân banh vậy.

Chưa biết thể nào, nhưng nghe nói năm nay có thể tôi được cho về Cần Thơ đi cà nhổng chơi, tự đứng lòng nôn nao, đem khoe ngay với vợ và chị H. Vợ tôi nói “lâu rồi, cũng nên đi về bên đó một chuyến”. Chị H. thì nói: “cậu đi đi. Chị viện trợ cho, nhớ là ra ngồi bến Ninh Kiều giùm chị, đó là nơi hồi xưa chị và anh HC ra đi”. Sự nôn nao lại tăng lên gấp đôi ba lần. Sao vậy nhỉ, sao khi nhắc tới xứ “Cà Bê Ngọt” là y như nhắc tới chuyện tình cũ? Té ra cái tật của tôi cũng có đôi chỗ cà chớn, thích hợp với lung lác hơn là thứ trật tự được thiết lập sẵn theo khuôn phép: trước khi đặt đít ngồi xuống đầu là phải ngó trước trông sau; bưng chén trà lên là mời anh, mời bác, mời cô, mời chú, mời vợ như trong phường tuồng. Đi lỡ đường, bụng đói gấp bữa, gia chủ đánh tiếng là a vào cái rụp chớ đâu có kiểu cái bụng lép xẹp mà cứ bảo no lắm rồi?

Hèn chi mà nội cái việc uống rượu thôi là có cả đồng chữ và đồng nghĩa, hiếm nơi nào có được: *Nhậu*. *Nhậu* là diễn tả sự ăn uống của nhiều người. Một người không thành *nhậu*. Trong *nhậu* có cả uống và ăn tức mời và rượu, nhưng mời không quan trọng, chỉ là thứ đưa cay: trái cóc, trái me quệt mắm tôm chà cũng thành bữa *nhậu* chớ không cần phải nem công chả phượng. Khi đã ngồi xuống đệm, xuống đất làm vài xị gọi là *nhậu sươg sươg*. Kiểu *nhậu* này như là mở màn cho bữa *nhậu*. Còn *nhậu lai rai* là *nhậu* dài dài từ sáng tới chiều, chiều này qua chiều nọ cho tới khi *quắc cần câu* hết biết. *Nhâm nhi* cũng có nghĩa như *lai rai*, cốt để giải sầu, giải trí: lai rai vài xị, *nhâm nhi* vài lít... Đây là kiểu *nhậu* của những kẻ vô công rồi nghề, thời gian dư dật không biết để đâu cho

hết. *Nhậu lột thốt* là kiểu nhậu hết chai này tới chai nọ, hết mỗi ngon tới mỗi dở, lấy ớt xiêm quệt mắt cắn một chút dưa cay, cứ rê ra, rề rà như vậy cho tới khi bật ngửa chổng gọng! Và cuối cùng là *nhậu tới căng*, tức là nhậu lút má, mỗi không đếm xiết, rượu không đông xiết, tình cảm cũng không kể xiết... cứ gác chân lên vai nhau mà nhậu. Trời đất thiệt là đã đời! Đó là kiểu *nhậu tới chầu* của mấy ông thần đệ tử Lưu Linh, coi rượu như nước lã.

Nhậu kiểu gì rồi cũng có kẻ say trước người say sau. Mà nội cái say cũng lắm từ. *Xỉn* là chỉ trạng thái của người mới bắt đầu say, say nhẹ. Nhưng “chèng ơi, vậy mà kêu mới *xỉn xỉn*”. Thì xin xỉn lúc này đang tiến từ từ, tiến tới gần trạng thái lâng lâng, chứ chưa tới chừn, chẳng nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Xin xỉn còn bỏ về tới nhà, còn ca được vài câu vọng cổ và nghe vợ nhóng dít khỏi đòn kê, ca vọng cổ đáp trở lại mùi mẫn hơn. Xỉn là từ mấy bà thường dùng để nói móc hòng đức lang quân, và hình như cũng là từ của mấy ông thần nước mặn chống chế với các bà; chớ thiệt tình khi uống rượu mà say rồi thì người trong cuộc có lắm từ để mô tả: *Say quắc cần câu, say chìm xuống, say mọp gáo, say tới bến, tới chử, say đó lười, say nhổng phao câu...* Trời đất chỉ nội ba cái chuyện nhậu nhẹt mà đủ từ để mô tả, nói tới khuya, kéo dài quá bắc Cầu Nổi vẫn chưa hết chữ. Bây giờ mà chịu khó ngồi làm một bộ từ điển chuyên dụng về nhậu, chắc bán chạy dữ lắm?

Ngẫm lại chuyện nhậu đâu phải đám con cháu hậu sinh bày đặt mà có từ hồi xưa hồi xưa. Gần gần thì cụ Tản Đà cũng đã từng phóng pháo:

Say sưa nghĩ cũng hư đời

Hư thời hư vậy, say thời cứ say.

Cụ hạ một câu nghe thật đã đời. Dân nhậu hay lấy câu

này làm cách ngôn trong các bữa tửu đàm tá lả âm bình. Gần hơn chút nữa, Vũ Hoàng Chương chơi luôn một tập dày gần 100 trang khổ to bự chẳng :Say. Tưởng cùng phe với Tản Đà tiên sinh, té ra Tố của Hoàng chỉ say tình, say khói:

Ta quá say rồi

Sắc ngả màu trời

Gian phòng không đứng vững

Có ai ghì hất ảnh sát kề môi...

(Mời Say)

Cái kiểu say của Hoàng, mấy anh bợm nhậu xứ Cà Bậy Ngộ phê. Nam nhi gì mà mềm quá mạn, thuộc loại *yếu không dám ra gió?*

Thuyền anh đi thôi nhé

Xa nhau dần xa nhau

Tôi về trên lưng rượu

Đến đâu thì đến đâu

Có ai say để quên sầu

Lòng ta lão đảo càng sâu vết buồn.

(Chén Rượu Đôi Đường)

Đây chỉ là kiểu nói của Hoàng để dọa Tố chớ ngoài đời thì Hoàng chưa đủ khả năng để hầu rượu Tản Đà đại ca. Ngược xa xa tít mù quá khứ xa lắc xa lơ là bóng trắng của Lý Bạch tiên sinh. Trắng trong tâm thức bồn đào hay trắng trong vô thức đùa cợt cung mây cũng đều là bóng trắng trên sông Thái Thạch (huyện Đàng Đông) để tiên sinh cúi xuống bắt lấy bóng trắng, bắt lấy câu hỏi của chính mình:

Quân nhược bất ẩm tửu

Tích nhân an tại tại !

(Đối tửu)

Cái quá khứ xa xôi mịt mờ thức mây ấy đâu còn đọng lại

trên Tróc Nguyệt Đài (đài bắt trăng)? Để cuối cùng cả người và trâu đều biến mất, trở về với cội nguồn. *Mục Ngưu* hay *Boku Gyū* hay *Chấn Trâu* là một sự chuyển hưởng trong quá trình tu tập Thiền bằng với *Rượu – Trăng – Nước* của Lý Bạch tiên sinh.

2/

Ông bạn giáo sư vô giáo bật chiếc quạt mỗi thuốc, lửa cháy lém tay mà điều thuốc chưa cháy vẫn cứ tưởng đã cháy rồi, bập bập hơi không và khạc nhổ và quay sang vặn: Này ông, hồi còn dạy học, môn văn học sử ông có cho học trò biết Tố Tâm không phải là quyển tiểu thuyết đầu tay của văn học Việt Nam? Tôi ngó chừng. Cái lão này hay móc ngoéo, nên phải dòm trước ngó sau coi thử hắn có giở chiêu thức gì không? Thấy hắn nhũn nhu, tôi cũng cố moi trí nhớ góp nhặt với hắn: đó là hai cuốn *Cành Hoa điểm Tuyết* in năm 1921 và *Một Cuộc Tang Thương* in năm 1923 của Như Hiền (tên thật là Đặng Trần Phát), trước cả Tố Tâm của Song An Hoàng Ngọc Phách in năm 1925. Tại sao người ta chỉ nhắc tới quyển sau mà không đá động gì tới hai quyển trước? Mở bộ Nhà Văn Hiện Đại dày cộp của Vũ Ngọc Phan, lật mồn da tay cũng không thấy Đặng Trần Phát là ai? Mãi sau này, nhà giáo Hoàng Như Mai mới công bố qua một tư liệu của kí giả Thượng Sĩ và nghe đầu nhà xuất bản Văn Học cho tái bản lại cả hai cuốn vào năm 1994. Dò tìm ở các thư viện cũng không lần ra, đành nhờ vào chút ít sự nhớ quên của cụ Thượng Sĩ và nhà giáo Hoàng Như Mai. Cũng theo lời dẫn của Hoàng Như Mai thì cuốn tiểu thuyết ra đời sớm nhất mà hiện nay ta biết là quyển *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản (1887) và

quyển *Hoàng Tố Oanh hàm oan* (1910) và *Phan Yên ngoại sử* (1910) đều của Trương Duy Toàn, cả hai đều gốc Nam bộ. Tôi chưa hân hạnh được rờ thử lên trang giấy các quyển tiểu thuyết đầu tay của nước ta, toàn nghe nói và đọc qua lời dẫn người khác. Và đây là một đoạn của nhân vật me Tây trong một bức thư tình: “*Giờ xanh run rủ cho tôi gặp mình, khiến cho bụng tôi aimer mình hết sức chẳng khác chi đã cùng mình hội ngộ rồi. Nhưng còn lòng mình định ăn ở với tôi ra sao?*”

Từ khi mon mari về Tây để lại cho tôi 10.000 francs mấy năm vừa ốm đau vừa ăn tiêu nhiều nên hết cả, nay muốn đem cái xuân xanh còn lại mà kết bạn tri kỷ với người cùng nước (...)

Tôi viết cái thơ này cho mình vào lúc hai giờ đêm. Vì mình mà cả đêm không lúc nào nhắm mắt được.

Tôi hôn mình trăm cái”. (Đặng Trần Phát – Cành hoa điểm tuyết).

Không nói đến chuyện me Tây, me Tàu, me Mỹ chỉ nói chuyện thổ lộ tình cảm của con người thì cách đây bảy tám chục năm có khác gì nhau đâu? Còn cách hành văn thì cũng na ná như bây giờ tuy có hơi rườm rà một chút. Rất tiếc là không làm sao kiếm được mà đọc, chớ còn nàng Tố Tâm và chàng Đạm Thuỷ dặt nhau hẹn hò ra Đồ Sơn bắt cào cào châu chấu thì rành sáu câu vọng cổ quá mạng rồi! Vậy mà cũng chia lìa khúc cuối, báo hại các cô nữ sinh thời đó (nay đã là cụ cố) khóc hết nước mắt.

Ngoài Bắc, không biết khi tình yêu bị gãy đổ thì các cặp than thở như thế nào, chứ trong Nam, đến chuyện buồn thúi ruột như vậy mà cũng gân cổ lên cà khía, giỡn chơi chút chút được, kể thiệt tài tình:

-Bất ông Tơ đánh sơ ít chục

Mối chỉ sậm sờ ông ngủ gục không xe

-Đánh ông Tư cái trót

Ổng nhảy thót lên đột trâm bầu

Ổng xe đâu đó, sao chỗ nghèo ổng không xe?

Thiệt là hết nói, ông Nhân nhỉ?

Tái bút: nghe nói các ông rủ nhau đi Boston hay Houston gì đó du hí du hi, sao không rủ tôi đi, gặp nhau làm vài xì đọc Lục Vân Tiên và ca mấy câu vọng cổ cho mát trời ông Địa?

Lâm Anh ngày ấy qua sông dịch

(tặng Lâm Anh và đồng bào đi kinh tế mới Cát Tiên nhân tháng Tư có thương tích)

Hải Phương

Còn trong đá tử (1)

Cát tiên

cảm âm vô lượng

tiếng khèn đầu non

Biết đâu tình gửi

chon von

cái nường

cái rẫy

cái còn

đêm mưa

Một thời lạc ngựa
như chưa
quên thân bữa trước
cõi đưa đón người

Xôn xao ngày ấy
đã như
bao nhiêu hoài vọng
phù hư bãi bờ

Xôn xao ngày ấy
đến giờ
vô thường ngọn cỏ ban sơ
dạt dào

Đã như núi lở sông đào
thì con sông ấy
hư hao nỗi buồn

Đã như nước lũ
mê cuồng
thì con sông ấy
cội nguồn
xót xa.

Lâm Anh ngày ấy qua sông Dịch
sóng vỗ đầu hiu *Du Tử Ca* (2)
ở lại Cát Tiên trời đất trích
mài gươm dưới nguyệt chém phong ba.

(1) Dateh, thường được gọi theo Việt âm là *Đá Tẻ*, thuộc Lâm Đồng. Ở giữa Định Quán- Lâm Đồng về hướng tây bắc, khoảng 30 cây số. Hiện nay Đá Tẻ là một thị trấn nhỏ có trường trung học cấp 3. Từ Đá Tẻ về hướng tây bắc, độ 15 km là vùng kinh tế mới Cát Tiên, của dân làng Cát Tiên- Quảng Ngãi. Lâm Anh và gia đình ở đó. Hồi còn phục vụ(ở TC/CTCT, năm 1971 người viết đã đến Dateh một lần để làm phóng sự chiến trường.

(2) Đọc tác giả Lâm Anh, bài Du Tử Ca, trên Thư Quán Bản Thảo 14 tháng 4 năm 2004, trang 40-41.

tháng tư, tháng thắm...

Cao Vị Khanh

Ở thì tôi muốn viết một điều gì đó cho em, khi tháng tư đang lật bật sắp hết và những hàng phố quanh đây đang háo hức bày bàn ghế ra vỉa hè. Rồi thì trên trời những đám mây xám thoi không còn đậm đặc những hột tuyết cuối mùa. Hoa xuyên tuyết đã rút ngược vào lòng đất và những đóa uất-kim-hương nở sớm, bụi bầm như gò má bầy con nít sổ sữa. Rồi thì những tia nắng sẽ dài hơn, trong trẻo hơn và nồng nàn hơn trên những lọn tóc thả rối, nâu sẫm, vàng hoe hay ứng ứng đỏ... Rồi thì người ta sẽ thi nhau kéo ra đường, phơi trần những cánh tay, những bờ vai, những thôn lưng mặc kệ những con mắt suông sã... Những cặp tình nhân sẽ riu rít như chim, thả lang thang hay ngồi lơ mơ quanh những bàn cà-phê để

nói huyền thiên hay để không nói gì hết. (nói gì nữa khi người ta đang có nhau trong mắt trong tay và nhất là trong tấm lòng đang vui như mở hội)... Chiều qua tôi đã thấy cặp bồ câu trắng trở về đậu lại trên nóc nhà thờ đỏ ở cuối con dốc có hàng cây bạch dương đang nhú lá xanh non, phải là cặp bồ câu từ năm trước hay chỉ là một lứa đôi mới bạn bầu, rủ rỉ rửa lông rửa cánh cho nhau, như xuyết xoa lấm về cái mùa đông vừa hậm hực bỏ đi...

Vậy thì còn điều gì để nói về cái tháng tư sắp sửa đi qua, khi lòng tôi lại cứ loay hoay với những hồi tưởng buồn bã...

Ờ thì có nhiều điều muốn nói, rất nhiều điều, dù tôi biết có nói triệu điều cũng không thay đổi được gì nữa.....
(dù từ đầu xuân năm ngoái, trong cái chộn rộn của trời đất chuyển mùa, tôi đã hứa với em, như hứa với chính tôi, sẽ rất biết điều với mọi sự đổi thay)

Vậy là tôi lại lần nữa thất hứa với em. Thì thôi có hề gì những lời hứa đâu em. Như chính cái tháng tư và những bội phản của nó.

30-4-1975/ 30-4-2004

hai mươi chín năm.

Buổi sáng tháng tư này, sao bỗng nhiên tôi phát giận vu vơ. Ở bên kia đường, chỗ có một góc công viên nhỏ, những người làm vườn của thị xã đang hốt dọn rác rưởi, gom quét lá mục, cắt tỉa nhánh khô, sửa sang mấy sợi giây đu cầu tuột. Họ làm một cách nhẩn nha, chậm rãi,

vừa làm vừa hút thuốc, lơ đãng đến độ mấy con sóc nhỏ cũng chẳng thèm để ý tới, cứ thập thò nhảy nhót ra vào mấy lùm cây vạn niên thanh. Không khí gây gây mùi tuyết tan, lẫn trong mùi cỏ chết, mùi đất cũ dậy hơi ủ mốc lâu ngày cộng thêm mùi nhựa non hơ hớ như cứ chực trào ra khỏi kẽ lá. Vậy mà tôi phát giận vu vơ. Vu vơ đến nỗi không hẳn là cơn giận. Dường như là một nỗi cay đắng thì đúng hơn.

Đêm hôm trước tôi mới nói chuyện với người anh ruột đã gần 70, nguyên là một sĩ quan của quân đội miền nam, đã chiến đấu như một chiến-sĩ, tù tội như một kẻ-sĩ, và gần hai mươi năm nay, trên phần đất chạy chết ông đã sống như một nhà tu cấm phòng. Mọi thở than, trách móc, đổ thừa, biện giải, phân bua, đều không cần thiết... Trong đêm, ở bên kia đường giây viễn liên, ông đã đọc cho tôi nghe mấy câu thơ của Alfred de Vigny, giọng đã trầm nhưng tiếng còn đầy trọng từng chữ.

À voir ce que l'on fait sur terre et ce qu'on laisse
Seul le silence est grand; et tout le reste est faiblesse

Seul le silence est grand. Chỉ có sự im lặng là lớn lao.
Thì chính vì cái IM LẶNG LỚN đó, buổi sáng tháng tư này, tự nhiên tôi thấy mình bèo bọt đến phát giận. Không, chua xót thì đúng hơn. Anh em tôi, bạn bè tôi, những con chốt sang hà của cái bàn cờ thí.

Tôi sẽ nói gì thêm với em, buổi sáng tháng tư này, trời xanh cao trong vút, chim chóc tung hê cánh lượn, cây cối hoa lá tung hê nhựa sống, đường phố quét dọn sạch trắng... và tôi, tôi thì thúc thủ như một tên du thủ hết

thời. (đã có lúc tôi thèm hết sức được đập phá tung hê hoặc ít nữa được bắt chước một nhân vật của Kim Dung để ngửa mặt lên trời mà xấn xả... lão-tặc-thiên. Nhưng để làm gì em hả, những lời than van, cầu khẩn hay nguyên rủa...)

Có còn lại không, sau hết, cũng chỉ là tiếng kêu thống thiết trong cái im ỉm bí ẩn của kiếp người.

Tôi sẽ nói gì thêm với em sau buổi nói chuyện sáng hôm nay với người bạn viết văn ở một thành phố nhỏ bên rìa Nữ ược. Từ nhiều năm nay, ở xứ người, ngay trong sự hạn chế đến tội nghiệp của sinh hoạt nghệ thuật lưu vong, anh vẫn tiếp tục xông pha giữa trường văn như con ngựa chứng của thời tuổi trẻ xông pha giữa trận mạc. Viết văn, làm thơ, in ấn... mặc kệ vó câu đã có triệu chứng chùn mỏi của một con ngựa già ở cuối những dặm hành. Mặc kệ cái đời sống cùn mằn quanh quẩn, ngày đêm sớm tối giữa phố xá ì ầm và tiếng đời ì xèo, giữa những tranh sống ti tiện và những tranh cãi chí chóc, anh vẫn cười hồn-thiên-lý-mã... Sao sáng hôm nay tự dưng tôi nghe ra đằng sau giọng cười khinh bạc đó, một chút gì đó, nảo nề. Tại có sự trùng hợp bất ngờ của ngày tháng ? Tại tôi tưởng đã quên mà vẫn nhớ ? Hay tại cái hình ảnh so sánh tình cờ mà sao hiện thực quá đối? Ở thì những con ngựa ! Những con ngựa đã tung vó câu mãi miết qua cánh đồng thanh xuân mình, bất kể. Những con ngựa đã nám mình qua vòng gai lửa, đã phồng móng trên những bãi chiến ngút khói, đã bị trông xiềng xích trong những chuồng giam hôi thối.....và đã hơn một lần, hất tung hai vó lên trời hí tiếng oan khiên.

Em thấy không, còn cái hình ảnh nào bi tráng hơn, để nói về những người anh của tôi, những người bạn của tôi, trang lứa tôi trong buổi sáng tháng tư này ?

Ở trong tận cùng niềm im lặng lớn đó, em có nghe chẳng tiếng hí thảm thiết của bầy ngựa Hồ mỗi kỳ cơn bắc thổi.

29 năm. Thời gian đã đủ lâu để xếp lại một trang sử, dù đó là trang oan ức nhất của suốt dòng lệ sử. Người ta đã kể với tôi về những mồ mã bị đào xới, những thương phế bị bạc đãi và hàng triệu điều oan ức khác, ở đó. Những chuyện nghe ra chỉ biết ngậm ngùi về giá trị của một chiến thắng !

Ở đây, người ta đã kể, đã viết, đã phân tích, đã giải bày... chiến lược chiến thuật chính trị xả hội ... đủ thứ bởi-tại-vì.... Có triệu điều đã nói... nhưng có điều nào nói đến chưa cái niềm-im-lặng-trầm-thống của bầy ngựa già thất tán đang phóng mình vào những dặm chót của cuộc lữ đoạn trường.

Ở đằng sau những vinh quang và tử nhục, ở đằng sau những cái chết và những phế tật, ở đằng sau những con số thống kê cộng trừ nhân chia... còn bao nhiêu điều không đếm được. Sẽ không bao giờ đếm được những vết thương chưa từng chảy máu, những vết thương tâm linh còn đó, đã không lành.

Những người lính Mỹ, sau hai cuộc chiến ngắn hạn ở vùng vịnh, trở về nước với vòng hoa chiến thắng đã hô hoán lên về những cơn ác-mộng-hậu-chiến. Thử nghĩ đến những người lính đã chiến đấu đến già đời trong một

cuộc chiến nhùn nhần, năm này sang năm khác, mọi phản ứng tâm sinh lý đã bị chiến-tranh-điều-kiện-hóa... cộng thêm với thời gian tù đầy không bản án trong những trại giam khổ sai... cộng thêm cuộc sống vất vưởng khi trở về lại trong một xã hội đã đổi chủ... cộng thêm sự ngỡ ngàng khi tìm sang đất mới lúc tuổi đời không còn trẻ nữa, sức lực trí óc đã tàn phai. Thử nghĩ đến... thử nghĩ đến...

Trong tác phẩm Exodus của Léon Uris, có một nhân vật... thằng bé Do Thái gốc Ba Lan lẫn trốn một mình dưới những cống rãnh của thành phố Varsovie sau khi chứng kiến tận mắt cảnh toàn thể cha mẹ anh em thân quyến bị bắt và đưa vào lò thiêu... một mình, mười mấy tuổi, đói, rét, xanh xao, gầy gò, lẫn lút như một con chuột ban ngày chui rúc trong những lỗ hang ẩm ướt hôi thối, ban đêm ló ra lục lợi thức ăn trên những bãi rác mênh mông của thành phố... vậy đó suốt cuộc chiếm đóng dằng dặc... bao nhiêu ngày ? bao nhiêu đêm?... rồi nó được giải cứu... khỏi cái nhà ngục kẽm gai và hầm hố nhưng không khỏi cái nhà ngục tâm linh. Nó mắc một chứng bệnh lạ... bệnh buồn. Mọi cố gắng chữa trị (sinh lý, tâm lý) đều vô hiệu... Bệnh buồn. Càng lúc nó càng chìm sâu vào một nỗi buồn kỳ lạ... Nỗi buồn như một rào chắn vô hình ngăn cách nó với thế giới chung quanh. Tệ hơn nữa, nó chỉ thấy an bình trong cái cũi quạnh hiu của riêng nó... Bệnh buồn.

Tôi đã gặp những người lính già, buổi sáng buổi trưa buổi chiều buổi tối nơi những quán cà-phê lề đường, đâu đó giữa một góc phố lạ, ngồi một mình hay năm bảy, lơ

đăng ngó trời đất hay chuyện trò nọ kia... mà làm gì đi nữa, từ trong con mắt lạc thần, vẫn còn nguyên đó... một nỗi buồn.

Tôi đã gặp những người lính già, ban ngày thở dốc lê lết trong những xướng thợ ám bụi, ban đêm gò mình trên những phiến chữ gổ lóc cốc những hoài niệm những vọng tưởng những thê thiết cũ những tha thiết mới... để gọi đi... gọi đi đâu...

Buổi sáng tháng tư này em, những sợi giây tơ giữa lòng tôi bỗng chùng điệu oán.

Không phải ai cũng muốn mang lấy cho mình nghiệp chướng. 29 năm chùng đủ chưa sau khi đã tự nhận lấy phần trách nhiệm của mình trong cơn đọa lạc chung. Im-lặng hay lên-tiếng-ngay-thật cũng chỉ là sự chọn lựa cuối cùng rất trân trọng của kẻ sĩ trầm luân. Có điều đáng nói là giữa cái thế giới thờ ơ đến lạnh tanh đây đó, mọi sự xem như đã an bày đến đáng ghét. Những ngày những đêm đối lòng diện bích hay trải lòng nhỏ máu ra năm đầu ngón tay, anh em tôi bạn bè tôi càng lúc càng thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Cầm nín thì đã đành. Mà lên tiếng rồi cũng chỉ như nói giữa thinh không. Đã có mấy ai chạnh lòng thấm khô cho những giòong hãn mã.

Ta sống sót nghĩ thương trời đất rộng. Giữa triều lên, giáp nước, quạnh hiu đây. Ngó quanh quất, bỗng tuôn hàng lệ mỏng. Còn ai không, ngồi nhắc chuyện thê phai.

Thật ra tôi có muốn làm buồn lây em đâu, em và cái tuổi

lưng chừng, gạch nối giữa đám trẻ lớn lên thành đạt ở xứ người, xa lạ với chính cội nguồn của họ. Và đám cha chú đã đánh mất tuổi trẻ ở xứ mình, lại quá quen thuộc với những gì đã bỏ lại.

Nhưng ít ra, ít ra em cũng có nghe được tiếng vó câu buồn bã đó, phải không ?

Thì cũng xin cảm ơn em, buổi sáng tháng tư này.

Hãy phóng nước đại tiếp đi những con chiến mã bất kham, mặc kệ cái nẻo hư vô chồn vờn trước mặt.

Rong Bút

Trần Hoài Thư

1) Thêm một công trình lại được hoàn thành. Thêm một niềm vui lại được thấp lên cùng trang giấy còn thơm mùi mực mới. Ba chiếc máy in 5SI cùng một nhịp tấu khúc, và những trang chữ nghĩa lại được máy nhả ra. Cho từng trang xếp lại từng trang. Để cuối cùng biến thành một cuốn sách, một tác phẩm, hay văn hoa hơn: một đứa con tinh thần.

Tháng này thêm một đứa con nữa ra đời. Xin trích một đoạn trong lời Mở:

...Có thể nói sự hình thành của tập thơ này là kết quả của một công trình chung mà chúng tôi gọi là "project HXS". Mỗi người trong nhóm đều có phần hành riêng. Phạm văn Nhân lo layout trang ruột.

Cao Vị Khanh lo phần giới thiệu. Trần Hoài Thư lo phần in ấn, design bìa, tìm loại giấy in thơ đặc biệt, và điều hành tổng quát. Riêng Trần Bang Thạch thì ở vai trò trù bị. Trần Quý Thoại cung cấp phụ bản.

Và cũng trong thời gian này, ở trong nước, các bạn khác của chúng tôi cũng cùng nhau hợp lực để cho ra đời tập thơ của một tác giả rất quen thuộc với chúng ta trước năm 1975. Anh PNL.

Ở hai bờ ngăn cách, chúng tôi cùng nhau làm chung một mục đích. Niềm vui bát ngát ở những trang giấy của TQBT. Cao Vị Khanh (ngoài nước) đọc Lục Bát Hoàng Xuân Sơn (ngoài nước) và Nguyễn Lệ Uyên (trong nước) đọc thơ Phạm Ngọc Lữ (trong nước). Niềm vui nói như một bạn thơ ở trong nước: Bản thảo ! Phải. Bản thảo có nghĩa là tự do, trọn vẹn, hồn nhiên... là niềm vui tự mình chọn lựa chứ không phải nhờ cậy vào ai. Bản thảo có nghĩa là không rậm rộ ồn ào, là tình thân khi trao đổi, là bao dung độ lượng khi phê bình, là trang giấy có thể không trắng, là dao cắt có thể không ngay, nhưng tình là tràn đầy. Đó là nói ở Mỹ, ở Canada, Pháp còn ở quê nhà, nó còn hơn thế nữa. Nó là ngọn nến trong đêm đen, nó là hơi thở để bầu vú mà sống. Nó chứng tỏ là văn học miền Nam vẫn còn có mặt, vẫn âm ỉ, luân lưu...

Tôi nhớ lại câu hỏi của một người bạn. Anh hỏi tôi có đọc Nguyễn Huy Thiệp tới 80 % nhà văn trong nước là bất tài hay không. Trên Website của Phạm thị Hoài đó... Anh nói thêm, đọc thấy sướng quá... Tôi trả lời, tôi không đọc. Anh bạn làm sao hiểu được những thống khổ,

những ray rức, những điên dại của những người bạn tôi. Họ sống và viết như thế này đây:

Đời tôi lắm nỗi tang thương, đoạn trường còn hơn Thuý Kiều, phải chăng đó là cái giá phải trả cho cái nghiệp dĩ bèo mây này? Tôi không viết cho những mục đích nhất thời, cho quảng đại quần chúng đương đại hoặc chạy theo những thứ thời thượng tầm phào bông phèng hí hố đến buồn nôn... Mong rằng 30 năm sau (khi mà mình đã qua một cõi khác để viết) còn một đôi bài nào đó trường tại với văn học thì hạnh phúc thay!

(trích thơ trong nước)

2) Một người bạn trẻ sau khi nhận toàn bộ TQBT đã viết thư với những nhận xét rất chân tình, và khuyên chúng tôi đại ý nên phổ biến TQBT rộng rãi. Nếu không, đó là việc đáng tiếc và đáng trách.

Cám ơn người bạn trẻ. Chúng tôi cũng muốn lắm. Nhưng liệu sức mình không kham nổi. Ngoài ra máu nhà binh hay bốc đồng, e lại đụng chạm đến những độc giả và thương chủ khó tánh chẳng.

Thôi thì mỗi ngày cho tôi được chọn niềm vui (TCS).

3) Hơn ba mươi năm rồi, tôi mới biết được tin của một người nữ độc giả. Chị từ trong nước gửi điện thư ra và bảo có đọc bài văn thơ của tôi ở trên Internet. Chị kể lại cuộc đời chị, ba tháng trời bỗng con chạy loạn từ Ban Mê Thuột về Sài Gòn. Rồi những năm lặn lội nuôi con và nuôi chồng ở trại cải tạo. Và chồng chết trong tù khi chị mới ba mươi tuổi.

Chị viết, bình thản, không hề than thân trách phận, không hằn học cùng định mệnh nghiệt ngã. Có lẽ lòng chị đã chai sạn. Có lẽ đời chị bây giờ là niềm vui khi thấy con khôn lớn, thành tài. Chị nói đã mấy mươi năm

từ khi chồng chị chết, không ngày nào chị lại không pha một ly cà phê để trên bàn thờ chồng. Chị còn nói thêm, chị ao ước được đọc những tác phẩm mà tôi đã xuất bản, hay những sáng tác mới của tôi. Để chị còn trở lại với những ngày tháng cũ. Ít ra nó cũng an ủi được tâm hồn của một người đàn bà đã quá khổ.

Đó, như vậy tôi phải viết cho ai đây. Cho tôi hay cho chị. Liệu tôi có thể nhắm mắt làm ngơ, hay lạnh lùng quay mặt với những nhân vật đầy những vết thương tích ấy không ?

Tôi bỗng nhớ đến hai câu ca dao:

Tiếng ai than khóc nỉ non

Như vợ chú lính trèo hòn Cù Mông...

Tiếng khóc nỉ non bị bạt bởi gió núi, hay bị bỏ rơi vì thân phận thấp hèn.

Chỉ có nàng chinh phụ gốc Tàu trong Chinh Phụ Ngâm mới có chỗ đứng trong văn chương Việt Nam, trong chương trình học hành thi cử. Không hiểu các ngài hàn lâm áo thụng có nghe được tiếng khóc nỉ non kia không ?

4) Tranh bìa của TQBT 15 là một chân dung. Bộ xương sườn cách trí, hai cánh tay khẳng khiu dài như vượn. Giống như con vật người. Nhưng hãy nhìn vào đôi mắt.. Không buồn. Không vui. Chỉ suy nghĩ. Mang kính. Trí thức. Vâng trán. Lớn như chỉ có cái đầu mới chịu đựng trong khi chiếc bụng thì thoi thóp.

Cám ơn Trần Quý Thoại đã cho chúng tôi được tìm lại chính mình.

Hải Phương

Phong Nguyệt Du Du

Mời ta
một bữa
trăng Từ Hải
cạn chén vong thân
môi Thúy Kiều.

Phù thế hư danh
vân tãi tãi
thi sơn
hàn cốc
phong du du.

*Khi ở Bangkok
tháng 2
2004.*

Em huyền náo với vòng tay ta về

Hôm nay
em Hà Nội ngồi
ly cà phê giọt
vành môi
vĩa hè.

Hôm nay
trời sơ ý mưa
chùm mây trên tóc

em chưa kịp cài.

Hôm nay
Hà Nội sớm mai
ta ra phố
ngóng
em dài áo bay.

Hôm nay
ở Hà Nội ngày
em huyền ảo với
vòng tay ta về.

Thêm ly cà phê
vừa hè
em ơi Hà Nội
phố se
bụi đời.

Hôm nay
Hà Nội em ơi
nghìn năm Văn Miếu
dựng trời đất
riêng.

Em ơi Hà Nội
ghé thăm
còn trong phố cổ
thơm trầm ngãi
quen.

Hà Nội ơi
nay rất em
phố khuya sáu rụng
lá đêm thở dài.

Bốn nghìn năm
cổ đầu thai
thổ ngại ngai ngại
miếu dài
phơi sương.

*Khi ở Hà Nội
tháng hai
2004.*

Nghe thiên thu rụng quanh mình gần ngõ

Cao lầu “Phải Phố”
Hội An
đèn treo bóng cột
đêm vàng
biển ca.

Hiu hiu thêm cổ
hiên nhà
mái rêu phong
buổi chiều tà
rộng rinh.

Nghe trời đất nói

chuyện tình
nghe thiên thu
rụng
quanh mình ngẩn ngơ.

Hiên chùa cỏ mộ
ban sơ
vọng âm vô lượng
chia bờ cõi em.

Cao lầu “Phải Phố”
Hội An
ta ra biển ngóng
ngày tang bỗng
về.

Tháng 03, 2004
ở Hội An

Thực đơn ngày trở lại biển

(Tặng bà Châu Hải Kỳ, Nguyễn Xuân Hoàng và Võ Hồng)

Thực đơn ngày phục sinh của gió
khi đài khí tượng
dự báo thời tiết biển
rất đúng.

Hở hang em
hồi chuông võ bay ra

buổi chiều đâm đọt gai đau trí mạng.

Ta giả dò
nằm chết rất ngây thơ
bên hồ nước đầm xanh màu mắt
tinh sương lạnh
trong đáy mồ sâu
chôn giữ đáy hư không không đáy trầm tụng rặng rờ em
thực đơn ngày trở lại cửa biển.

Dự báo thời tiết biển
rất đúng
ngày trở về uy hiếp gió
khí hậu đen lún sâu cơn bão dữ dội
quét sạch dĩ vãng ốm o bệnh hoạn cuồng nộ
thực đơn ngày phục sinh thay màu khái niệm.

Đứng trước biển tạc tượng em
bằng hình dung những mảnh vỡ vụn
không thể ghép lại được thân xác đầm địa bung nở chất
ngất
ta như con sâu róm cuốn mình co rút
tảng đá của đời sống trí nhớ mòn lĩn chai lì lâm nạn lãng
quên
không phân định thanh thoát mùi hương của biển và em
hình như trộn lẫn cát.

Bờ ngực em thở
và nhận thức bối rối đổi chiều cội rễ
không giải mã mật ước tượng số giao hoan giữa vũ trụ
tiên thiên và giòng chảy thủy triều hưng phế

vòng tay em nguyệt thực bào mòn xúc giác thơ.

Khi trở lại biển Nha Trang

tháng ba 2004

haiphuong68@hotmail.com

Trần Hoài Thư

Những ngọn đèn cây của ngày sinh nhật

KHI EM XUẤT HIỆN, TRONG BÓNG CHIỀU NHÁ nhem, anh phải bàng hoàng. Anh không thể ngờ có một ngày được gặp lại một người thân yêu cũ. Vẫn mái tóc cắt ngắn. Vẫn gương mặt thanh tú. Vẫn bờ vai nhỏ bé, nhưng có gì khác lạ ở chiếc nhẫn trên ngón tay của em. Anh buột miệng kêu tên em. Em vẫn đứng yên và giữ một khoảng cách. Ngoài kia, một vài vì sao mọc sớm, và đàn dơi đã bay tán loạn trên những nhánh sứ trong vườn cư xá. Anh mời em, nhưng thật tình không có lấy một chiếc ghế. Và em dọn lại chiếc bàn viết bày bộn sách vở, chai lọ. Em lôi ra từ trong bọc chiếc bánh và hộp đèn cây.

Anh thì ngạc nhiên không ít.

- Em làm gì với chiếc bánh và những ngọn đèn cây này ?

- Anh không biết sao, hôm nay là ngày sinh nhật của anh mà.

- Thế sao ?

Anh hỏi chính anh. Trời ơi ngày sinh của mày mà mày không nhớ sao. Hở.

Anh cảm tạ em với tấm lòng vô lượng. Nhưng ngày ra đời của anh đâu có vui gì để mà phải nhớ. Cái nơi nào gọi là quê nhà, là nơi mình khóc những tiếng khóc chào đời thú thật đến bây giờ anh cũng không còn biết nơi nào nữa. Tìm ở đâu khi mới chào đời là những con ngựa trong chuồng sau nhà, miệng sủi bọt, hí lên những tiếng

hí rừng rợn thê lương rồi nhảy đành đạch và lăn ra chết. Tìm ở đâu, ngay cả một dấu chân của tuổi thơ cũng không còn dấu vết để lại đằng sau. Phải, nếu mẹ cha anh phải vui mừng vì có một đứa con trai sinh vào tuổi ngựa chào đời thì ông bà phải khóc cả trăm lần cho một cơn tai nghiệt. Cả một gia sản mà mẹ ra công tạo dựng, với một đàn ngựa kéo xe khắp tỉnh, với tiền bạc càng lúc càng dồi dào, với nhà cao cửa rộng, bỗng theo trận dịch cuốn lốc tan tành. Mẹ điên cuồng như người mất trí. Mẹ nguyền rủa trong nỗi bất lực khi mỗi đêm, vọng về cùng những cơn gió núi, âm thanh kinh hoàng của những tiếng hí của một con ngựa bị trận ôn dịch quật ngã. Mẹ xách đèn bão cùng chú Tá giúp việc, ra sau chuồng để chứng kiến cho cái cơ nghiệp mà bà đã cố công gây dựng càng lúc càng tan tành theo cơn dịch dữ.

Ngày ấy, anh quá nhỏ để hiểu và thấy được thế nào là một trận dịch khốc nghiệt. Nhưng rõ ràng, bằng cảm nhận của một kẻ sinh vào tuổi ngựa, anh tự hiểu chính anh là con ngựa ôn dịch đã mang đến tai hoạ ấy.

Và hết trận ôn dịch bủa xuống một gia đình lại tiếp đến một trận ôn dịch khác - lần này là chiến tranh - Nó đổ xuống khắp nước. Để tản cư, tiêu thổ, để cha phải xa con, vợ xa chồng để thằng bé con chưa đầy hai tuổi phải xa lìa nơi chôn nhau cắt rún của nó. Con ngựa mẹ nuôi nó chưa kịp cưỡi để giấc mơ trên một đồng thảo nguyên, giờ nó phải bỏ lìa để theo mẹ nó lang thang vô định, để hứng chịu cái định mệnh khốc nghiệt nhất của tất cả đứa bé trên đời: Thằng con không cha.

Như vậy, em yêu dấu, anh làm gì để nhận được cái diễm phúc cho một niềm vui. Cho dù trên tờ giấy khai sinh,

vẫn có ngày tháng năm sinh, nơi sinh trưởng, có tên cha tên mẹ, nhưng trời hỏi, nó chỉ là một trang chứng từ cho một nỗi buồn của một kiếp người mà thôi.

Dù vậy, anh cũng phải cảm tạ em, vì em vẫn còn nhớ tưởng đến anh giữa lúc anh bơ vơ vô cùng tận.

Em dọn chiếc bánh, cắm những ngọn đèn cầy và hồi anh đốt nến. Ánh sáng loé lên, như ánh sáng của bình minh, của hy vọng, của niềm vui mừng. Anh bối rối làm sao. Bên anh, em vẫn bận rộn.

- Đây là món quà mừng ngày sinh nhật của anh.

Em làm anh càng ngạc nhiên. Anh nhận bọc quà. Anh mở dây buộc, và giấy bọc. Lần đầu tiên trong đời, anh mới nhận được cái điểm phúc này. Hình như tay anh muốn run. Hay là vì lòng anh hồi hộp quá đỗi.

- Trời ơi, cây viết !

Anh buột miệng thốt lên. Và không dẫn được niềm cảm xúc, anh ôm choàng lấy em. Ôm như ôm một thân thể ngày nào. Ôm như ôm vào đời một người nữ thân yêu, lúc anh trở về từ quân trường. Ôm mà không còn nghĩ đến ngón tay đeo nhẫn của em. Ôm như ngày nào, hai đứa ôm nhau dưới trời mưa như thác, không giữ gìn, không cần thắc mắc. Ôm như thân thể và tâm hồn là của nhau. Anh nói trong niềm xúc động chất ngất:

- Cám ơn em. Cám ơn em.

Em gỡ vòng tay của anh.

- Đừng anh, em đã có chồng rồi.

Anh buông em ra. Phải. Anh đã dự cảm và điều dự cảm này rõ ràng là đúng. Anh bối rối xin lỗi.

- Anh xin lỗi em.

Bên ngoài, vọng vào tiếng hát của Thái Thanh báo xuất phim tối bắt đầu. *Em hỏi anh bao giờ trở lại. Anh trả lời mai mới anh về.* Ngọn đèn cây còn lại tiếp tục lung linh ánh sáng soi bóng hai người trên vách tường. Anh hỏi:

- Tại sao em lại biết anh ở đây ?

- Em nghe chồng em kể. Anh ấy là sĩ quan phòng quân số của sư đoàn, nên anh biết những người mới thuyền chuyển lên đơn vị. Có lẽ anh cũng đã gặp anh ấy khi trình diện.

- Phải. Anh nhớ ra rồi. Anh ấy là một người tốt. Ảnh đã tìm cách cho anh được nán lại hậu cứ vài ngày trước khi theo chuyến xe ra ngoài mặt trận.

- Em hỏi tên thì em mới biết là anh.

- Như vậy em có chồng rồi. Khi nào ?

- Vâng. Cách đây một năm. Sau khi em được thuyền chuyển lên đây.

Rồi em bật run đôi vai. Em nói trong giọng nước mắt:

- Khi anh rời quân trường anh không để lại một tin tức gì. Em nghĩ là anh không còn nhớ đến em nữa. Sau đó đọc báo được biết anh bị thương đến hai lần. Em có liên lạc với tòa soạn nhưng họ nói anh ở một đơn vị nguy hiểm, phải lưu động khắp cả vùng hai, khó có thể liên lạc. Sau đó, anh Nhân hỏi cưới em. Anh hẳn biết em không thể chờ đợi được nữa. Anh Nhân là một người chồng tốt. Anh ấy thương em lắm.

- Chúc mừng em. Nhưng tại sao em lại đến thăm anh. Em không sợ thiên hạ chê cười sao ? Em không sợ chồng em biết sao ?

Câu nói của anh có lẽ làm xúc phạm em. Em ngược mắt nhìn anh. Lệ tràn long lanh:

- Em đến để chia xẻ với anh niềm vui, đó là cái tội sao ?

- Không, anh không có ý như vậy. Anh rất hiểu em. Hiểu tại sao em lại đến quân trường để tìm anh giữa lúc có biết bao kẻ sẵn đón em. Hiểu tại sao em lại chịu lên một nơi xa xôi heo hút này để làm việc. Anh rất hiểu. Anh xin lỗi em.

- Thú thật khi nghe tin anh có mặt tại nơi này, em muốn vợ chồng em sẽ đến thăm anh. Nhưng nhớ lại sắp đến ngày sinh nhật của anh, em phải chờ đợi để làm anh kinh ngạc. Bất ngờ anh Nhân bị công tác, thành ra em phải đi một mình.

- Cảm ơn em. Anh hứa sẽ giữ mãi niềm tin cậy của em. Em sẽ mãi mãi là một người áo trắng với con tim chất ngất tình thương của anh.

- Cảm ơn anh. Thôi khuya rồi. Em xin kiếu về.

Anh bỗng nhớ ra một điều gì.

- Chờ anh một phút. Anh có món quà tặng em.

Rồi anh lôi ra cây viết máy - phần thưởng danh dự về báo chí mà Ông Chỉ huy trưởng quân trường đã trao trong ngày mãn khóa về một cá nhân xuất sắc nhất của khóa.

- Đây là cây viết Canon phần thưởng về cá nhân xuất sắc của khóa. Anh xin được tặng em. Để em giữ gìn anh. Lỡ mai này, chết ngoài mặt trận mất đi thì uống lắm. Mong em nhận lấy.

Em gật đầu:

- Em cảm ơn anh về món quà giá trị này.

Rồi anh đưa em ra ngoài đêm. Gió cuối năm lạnh cắt. Muốn thốt lên một lời âu yếm của kẻ tình nhân Ngày xưa, anh còn dịp để lấy áo jacket của anh để choàng vào vai em. Ngày xưa, anh còn lấy da thịt mình, hơi hướm

mình để sưởi ấm cho em. Nhưng bây giờ, em đã có một bến trú, một người để chở che bảo bọc. Ngày xưa, khi anh đưa em về Gia Định, anh và em nắm tay nhau chạy dưới trời mưa giông cho kịp chuyến xe lam. Bây giờ, bàn tay ấy, anh không được nắm. Thân thể này anh không được giữ. Anh biết, cũng vì tại anh. Chính anh đã phụ bạc, ruồng rẫy. Chính anh đã xa lìa em.

Phải. Em yêu dấu. Hãy tha lỗi cho anh. Anh đang nhắm mắt đây, như một người ăn năn hối hận. Làm sao anh hiểu cơn mưa giông của Sài Gòn trong buổi chia tay cuối cùng còn thấm thêm lệ mặn. Làm sao anh biết được đôi khi đằng sau mình vẫn có những đôi mắt với vợ ngóng trông. Khi yêu người, hạnh phúc chưa tròn đầy thì chia ly là với vợ. Cứ sợ một ngày người ấy sẽ khổ vì mình. Cứ sợ một ngày người ấy sẽ trở thành góa phụ. Chính nỗi sống chết đã dạy anh phải sống với sống vàng. Và cả tàn nhẫn.

Nhưng, đêm nay, anh bàng hoàng nhận ra tấm lòng của một người. Cám ơn đời, ít ra, đời cho anh một đôi mắt, và cám ơn em, ít ra, đêm nay, em còn nghĩ đến ngày sinh nhật của một loài ngựa chứng.

- Cho anh được gửi lời thăm chồng em.

Anh nói.

- Cám ơn anh.

Rồi em biến mất trong bóng tối.

Đêm cao đen đặc. Anh trở về lại căn phòng tạm trú. Mở lại cánh cửa. Mùi hương của bông sứ hay là mùi hương thoảng của em. Đứng lâu bên trong bóng tối. Đêm ơi đêm ơi, chắc đêm sẽ phải dài để anh sẽ phải nhớ đến

những câu thơ của anh.

Ừ nhỉ tối nghe trời đang sương. Người bỏ ta vào đêm không trăng.

Không, người đâu có bỏ ta. Tại ta bỏ người. Ta xa lánh người. Ta ham vui mà quên người mà.

Không ngờ đêm ấy là đêm cuối cùng để anh được thấy em. Định mệnh lại thêm một lần đẩy đưa anh về một vùng mệnh mông khác. Con ngựa chững đã muốn dừng chân nhưng nó vẫn bị những trận roi quất đánh tới tả không chịu buông tha. Vẫn là đôi giày trận lún sâu trên những vùng tai hoạ, vẫn là những máu và nước mắt, lẫn tan hoang tới tả khắp đây. Tan hoang trong lòng người và tan hoang cùng đất nước. *Một người về đỉnh cao. Một người về vực sâu...*(TCS) Có điều gì để mà lưu luyến nơi này. Con ngựa gầy kéo chiếc xe trong hoàng hôn sậm đỏ, lau cỏ, và cánh chim chiều in đậm trên nền trời. Có gì mà thương mà nhớ. Em thì đã có gia đình. Còn anh thì một con số không to tướng. Em đã có đời sống riêng, và anh cũng có đời sống riêng. Nhưng có những thứ mà chúng ta phải dấu tận đáy lòng. Hay có những điều mà chúng ta muốn quên đi. Nhưng mà chắc gì quên được.

Chẳng thà không biết thì thôi

Biết rồi mỗi đứa mỗi nơi cũng buồn...

Phải rồi. Chúng ta muốn quên mà làm sao quên được. Một hôm nào đó, có thể cơn chiêm bao thấy lại người xưa, để lòng tự nhiên bồi hồi. Hay thấy lại một dáng hao hao người tình, và lại nhớ tưởng đến một người. Hay đọc lại một tên quen, tự nhiên lòng dâng lên nỗi rung động nhè nhẹ. Hay nghe lại một bản nhạc để nhớ đến một

khung trời cũ, và tiếng hát của người...

Bây giờ, anh xa em đã hơn ba mươi năm. Anh cũng xa đất nước VN gần 1/4 thế kỷ.

Nơi này, mỗi năm, có những lời chúc mừng sinh nhật được gửi đến qua e mail, của những xếp lớn. Những e mail ấy được cài sẵn ngày tháng, và đúng ngày đúng tháng là chúng tự động được gửi đi. Để chứng tỏ là chủ hay xếp luôn luôn nhớ đến nhân viên hay thuộc cấp của họ. Hay những người cùng phòng ban, vẫn tổ chức mừng sinh nhật cho nhau. Họ bí mật dọn bàn, dọn bánh, dọn đèn cây, rồi giã vờ mời nhân vật chính vào phòng có công chuyện. Rồi cả bọn vỗ tay chúc mừng, cùng hát Happy Birthday to you... Không khí có vẻ như thân mật và đầy tình nghĩa. Họ đã dành cho anh bao nhiêu lần như thế. Anh đã có bao nhiêu lần ngạc nhiên như thế, bao nhiêu lần cắt bánh như thế.

Nhưng mà cuối cùng, anh vẫn bị tống ra khỏi thế giới ấy đúng ngay vào ngày sinh nhật của mình. Không thương xót, không tình nghĩa, như thể mình là kẻ phạm tội. Họ tống xuất một kẻ mà họ từng chúc mừng. Xã hội đã dạy cho họ phải làm như vậy. Những ngọn đèn cây mà họ đã cắm vào trong bánh, những tràng vỗ tay, những lời hát chúc tụng, không biết có thật lòng hay không hay chỉ là môi miệng phù phiếm.

Để rồi, ánh nến tắt cũng tắt theo trong lòng mỗi người.

Chỉ có những ngọn đèn cây mà em đã mang đến cho anh ngày sinh nhật nào năm xưa vẫn sáng rực mãi trong tâm hồn anh. Cây viết mà em tặng, anh đã bỏ mất như

đôi giày trận và bộ đồng phục, tấm thẻ bài của anh. Nhưng những hàng chữ anh đang viết vẫn đầy ắp hình ảnh của một hình bóng cũ, và những bài thơ tình vẫn là những vầng trăng, những đoá ngọc lan thơm ngát. Cám ơn em đã cho anh những nụ hoa tươi đẹp. Cám ơn em đã có mặt bên anh, vai nhỏ bé, đáng mong manh. Cám ơn em đã cho anh những giọt lệ thấm nhoà trên những tờ nhật ký vì thương vì nhớ một người lính chiến. Từ xa xôi, em có nghe anh nói không, em yêu dấu. ?

Hàm Thư Ấn Quán 7 Tháng 5 - 2004

Phạm Thị Ngọc Liên

Người đàn bà mùa xuân

Thăm thăm con mắt rừng chiều
người đàn bà đi hái hoa mai bên kia sườn núi
lũ chuồn chuồn kim bay trên vai
phơi phơi mùa xuân réo gọi

Phơi phơi mùa xuân đọng trên môi
giọt mật anh cho ngày nào
tràn trề nhức nhối
cứ phải hét cho lá cây rừng mình
cứ phải thở cho ánh nắng tê dại
người đàn bà chạy bằng đôi chân trần
mùa xuân rướm máu

Anh ở đâu ở đâu?

Điều sâu thẳm

Đôi khi sự trống rỗng cũng muốn bốc cháy
và không gian nhuộm màu
em những muốn cắn vỡ khoảng cách đợi anh
như cắn vào đêm tối

Đôi khi sự tuyệt vọng cũng muốn lóe sáng
và trái tim mỉm cười
em biết khi chúng ta dày vò nhau bằng ngôn ngữ của
loài rắn độc
ấy là lúc chúng ta yêu nhau

Đôi khi mỗi người một miền
nỗi nhớ bị đuổi xô một cách thô bạo
em vẫn tin chúng có ngày trở về
như ánh sáng của buổi bình minh trở về sau đêm tối
anh trở về bên em.

Đôi khi
chỉ bằng một niềm tin
cuộc sống sẽ khởi đầu và kết thúc
giống như nhau...

Mang Viên Long

Những đóa hồng của đời sống

CĂN PHÒNG ÔNG LÊ DÀNH CHO THÁI CÓ THỂ đi vào bằng ba lối : Từ gian phòng khách giữa nhà, qua phòng riêng của ông Lê phía trước, có một cửa thông với phòng sau của anh. Cửa này Thái không bao giờ mở, chỉ khi nào ông Lê cần chuyện trò với anh, ông ta tự tay đẩy cửa sang mà thôi. Từ đây hành lang ngăn khu nhà phía sau lên khu nhà trước, có một cửa lớn hai cánh. Dọc theo vách, đến phòng Thái, có một cửa nhỏ nữa. Cửa này Thái chỉ khép hờ, vì đã có tấm màn trúc che chắn. Ngọc Hạnh, Ngọc Hà- hai cô con gái út của ông Lê, thường vào phòng Thái bằng cửa này mỗi lúc cần anh dạy thêm về môn Toán. Mỗi tuần một, hai lần bà Bảy- người giúp việc, vào quét dọn lại căn phòng cho Thái theo lời dặn của bà Lê. Thỉnh thoảng, sau khi dọn hàng ở chợ về, bà Lê cũng có ghé lên phòng Thái, nhưng chỉ một chút thôi, để nhìn ngó quơ quắt coi thử anh đã ăn ở ra sao và cũng để hỏi thăm vài ba câu về mẹ anh.

Thái thường dùng cửa thứ ba ở vách trái của phòng- cửa này mở ra lối đi riêng, có thể ra vườn, khu nhà tắm; hay những bận đi về bất thường lúc nhà đã đóng cửa. Kế bên khung cửa thứ ba là cửa sổ, có rèm vải che màu xanh nhạt. Thái vừa đặt chiếc bàn vuông nhỏ để có nơi làm việc. Sát vách phòng phía sau, đã có sẵn chiếc giường hộp gỗ hương.

Dọc vách với phòng trước là chiếc tủ gương theo kiểu mẹ chồng con để treo áo quần. Dựa vách bên phải, nơi cửa thứ hai, là kệ gỗ nhiều ngăn, vừa có thể để sách báo,

vừa chứa được mọi thứ vật dụng lặt vặt.

Tóm lại, ở trong cái thị trấn bé nhỏ này, có được một nơi trọ vừa yên tĩnh tiện nghi, vừa thoáng mát rộng rãi như thế, là quý lắm rồi. Thái về sống chung trong gia đình ông Lê, đã nhận được những tình cảm ưu ái đặc biệt ngay từ khi anh mới xin vào dạy hợp đồng ở trường PTTH An Thọ, cũng do vài nhân duyên may mắn : Ông Lê là bạn thân của ba Thái thời trung học ; lúc ba Thái làm việc ở bệnh viện, thì ông Lê cũng là “kế toán trưởng” cho một ngân hàng ở thị xã. Hiện nay ông Lê là Hội trưởng hội phụ huynh học sinh của trường cấp 3 An Thọ, và nhất là đang có con học lớp 12- chuẩn bị thi vào đại học.

Ngày Thái mới đến, trong bữa cơm chiều đầu tiên, hiểu được tính ý của ông Lê, Thái mới hết áy náy : Ông không có chút dính dáng gì với cái nghề *kế toán trưởng* chuyên tính toán chi li chuyện tiền bạc của thời trước. Ảnh hưởng của nghề nghiệp cũ không để lại trong ông một dấu vết nào cả. Trông ông, người ta dễ nghĩ tới hình ảnh một ông giáo già thanh nhã.

Trong bữa ăn, để có chuyện hỏi han, bàn luận cho vui ; vô tình Thái hỏi thăm ông về chuyện chơi hoa, trồng tỉa cây kiểng- ông đã được mọi người gọi đùa là “ông Lê *hoa hồng*” hay “ông Lê *cây cảnh*” ; bà Lê lườm ông, trách :

-Thôi cậu ơi, đừng có nhắc tới chuyện hoa lá nữa. Ông ấy hao tổn biết bao công sức ở trong ấy mà bác có thấy được cái lợi gì đâu ?

Ông Lê im lặng .

Ngọc Hạnh và Ngọc Hà thoáng nhìn nhau, cũng im lặng,

chăm chú ăn, như không nghe thấy lời mẹ. Có lẽ hai chị em đã có đôi lần chứng kiến cảnh xung khắc giữa cha mẹ về chuyện hoa lá rườm rà này rồi.

Thái cảm thấy mình có lỗi. Thật là vô tâm khi khơi lại điều không thích hợp ngay trong bữa ăn. Anh nhìn bà Lê, cười- giọng vui vẻ :

-Bác nói vậy chứ cháu thấy cũng có nhiều cái lợi đó chứ, bác? Chẳng hạn, nhà có hoa được đẹp thêm, người nhìn hoa được vui hơn. Nơi nào có nhiều hoa lá cây cảnh nơi đó chắc cuộc sống dễ chịu hơn nhiều.

Ông Lê nhìn vợ dò xét- ông chột cười :

-Đấy, bà nghe thấy tuổi trẻ chúng nói không ? Nếu không vui chơi cây kiểng hoa lá tôi biết giải trí bằng cái gì ? Nếu tôi rơi vào chỗ mê say cờ bạc, rượu chè... thì bà tính sao ?

Ông quay nhìn Thái :

-Lúc trước, thấy bác cỡi xe đạp lộc cộc lên núi tìm gốc cây, phong lan , hoa lá... họ bảo bác là điên. Là tiểu tư sản. Là ăn bám. Không lo sản xuất kiếm gạo, kiếm tiền, lại đi làm chuyện vô tích sự- Ông cười lớn- bây giờ có lúc bán đi một cây một hai chỉ vàng thiên hạ lại kêu bác là thằng có trí. Bác không nhận chữ *điên* hay chữ *trí* của thiên hạ, chỉ biết lòng mình an vui là được rồi...

Qua lần gặp gỡ đầu tiên ấy, về sau, Thái tránh không nhắc chuyện hoa lá trước mặt bà Lê nữa. Anh thường nói chuyện học hành, thi cử của Ngọc Hạnh, Ngọc Hà ; mấy tin vui lạ đọc được trên báo, nghe được trên đài... Có một lần, Thái đang kể chuyện về trường lớp, về chương trình phân ban nặng nề nhưng có vài môn học chưa thiết thực, choán nhiều thời gian, anh có nhắc tới lời khen ngợi của tập thể giáo viên đối với ông Lê vì ông là

người hội trưởng trong nhiều năm, nhiệt tình đóng góp xây dựng cho công tác giáo dục ở địa phương.

Bà Lê đã vội cắt ngang :

-Thôi cậu đừng nhắc tới chuyện ấy nữa. Ông ấy chỉ giỏi những công việc ngoài đường, việc nhà thì bỏ phứt !

Ngọc Hạnh rụt rè lên tiếng :

-Má nói vậy chứ ba có quan tâm tới việc học của tụi con, ba mới làm như thế chứ ?

Ngọc Hà góp thêm :

-Ai cũng lo chạy áp phe, làm giàu, còn ai làm công tác nhân đạo xã hội nữa ?

Ông Lê cười hiền từ- có ý hòa giải, phân trần :

-Kiếm sống cũng lo kiếm sống, nhưng thỉnh thoảng cũng có chút thì giờ lo cho con cháu... Có tốn kém tiền bạc, thì giờ gì nhiều lắm đâu, cháu?- Ông thoáng nhìn vợ ; cười- chưa bằng tiền bà ấy xem video hàng ngày mà.

Ông bỗng cười lớn :

-Cái chức này không có bổng lộc gì, nên chẳng có ai tranh giành với bác cả. Chữ giả dụ, mỗi tháng được nhà nước phát cho vài chục ký lô gạo thôi, bác cũng đã bị hạ bệ từ khuya rồi cháu à.

Buổi tối hôm ấy, ông Lê đẩy cửa bước qua phòng Thái. Ông ngồi chơi với Thái một lúc, nhắc nhở Thái gắng giúp đỡ cho Ngọc Hạnh học, rồi ông nói nhỏ vào tai Thái : “Cháu đừng có chấp tính bác gái nhé ? Bà ấy có nhiều “ái thủ” quá nên không mập lên được nữa cháu ạ”.

Đứng trước cửa về phòng mình, ông quay lại cười, nói lớn :

-Cổ nhân có dạy : “*Tri chi, thường chi, chung thân bất sĩ*” mà, phải không cháu?

Ông bà Lê có cả thấy bốn người con : Người con trai trưởng làm nghề thầu xây dựng, cho dầu trước đây là kỹ sư nông lâm ; đã có vợ ba con, đang sống ở thành phố Biên Hòa. Người con trai thứ, tốt nghiệp trường đại học sư phạm kỹ thuật Thủ Đức, đang dạy học tại trường trung cấp cơ điện ở thị xã ; cũng đã có vợ một con. Ngọc Hạnh – mười tám tuổi, đang học lớp 12. Cô con gái út, Ngọc Hà- mười sáu tuổi, đang học lớp 10.

Ngọc Hạnh có dáng dấp và gương mặt giống cha ; người cao dong dỏng, mặt thon mũi thẳng, mắt sáng- nhất là có đôi môi luôn tươi đỏ như có bôi phớt một chút son. Nhờ làn da trắng, mái tóc xõa, Ngọc Hạnh rất thích hợp với chiếc áo dài trắng đi học. Có một lần, Thái đã bỏ ngỡ khi nhìn Ngọc Hạnh bước vào phòng anh với áo dài vải hoa lộng lẫy. Dường như Ngọc Hạnh cũng đã kịp nhận ra vẻ ngơ ngác của Thái khi nhìn thấy mình- cô hỏi: “Bộ anh thấy em lạ lùng lắm hay sao ?” – “Sao lại không lạ ? Đi dự đám cưới à ? Em cứ tự nhìn vào gương thì biết. Trông em lớn hẳn ra và giống một thiên thần...”. Ngọc Hạnh trề môi: “Xạo, anh nhạo báng em à ?” , “Thật mà, có trời đất làm chứng...”.

Ngọc Hà khác hẳn chị, không giống cha, lại giống mẹ như đúc. Đúng như lời ông Lê nhận xét : “Ông Trời cũng công bằng: Cho một đứa giống cha, một đứa giống mẹ, để bà ấy khỏi quả trách”. Giống mẹ nên Ngọc Hà có khuôn mặt bầu bĩnh, mũi cao, mắt to tròn, đen láy. Dáng người thấp thụt, nước da bánh mật ; cô ta thích mặc đồ tây hay jupe- chỉ mặc áo dài khi bắt buộc mà thôi. Tuy mười sáu tuổi, học lớp 10, nhưng ít khi rời mẹ. Và hình

như, lúc nào Thái cũng thấy chiếc miệng nhỏ nhắn ấy nhai nhóp nhép một cái gì .

oOo

Câu chuyện về Thái và gia đình ông Lê có lẽ sẽ không có gì để nói thêm nữa, nếu không có điều bất ngờ này xảy ra : Một buổi sáng thứ hai, sau ba tiết dạy trở về, Thái vô cùng phân vân : “Ai đã đem hoa hồng cắm vào chiếc lọ thủy tinh đựng bút thước của mình?”. Hoa rất tươi. Dường như nó vừa mới được cắm vào lọ đây thôi. Những hạt nước lấm tấm như hạt sương còn đọng trên những cánh hoa. Thái nhìn chăm chú hai đóa hồng đang độ nở, như muốn tìm kiếm trong hoa hình ảnh của người nào. Giây phút này anh mới có dịp nhìn thấy rõ được hoa hồng : hoa đẹp tinh khiết và quý phái quá. Thái nằm ngả xuống giường, đầu dựa vách, nhìn sững sờ vào hai đóa hồng như tìm thấy được nơi ấy một niềm lạ, một niềm vui thật mới mẻ.

Vài ngày sau, cũng rất bất ngờ, hoa hồng lại được cắm vào chiếc lọ thủy tinh của Thái (lần này bút thước đã được lấy hết ra). Lọ hoa đã được sửa soạn chu đáo hơn, theo một kiểu dáng đặc biệt, nên mới trông vào Thái đã nhận ra vẻ khác lạ, trong sáng của hoa. Anh định đưa tay cầm lấy một bông, nhưng lại rút tay về : Thái sợ đụng chạm của mình sẽ làm tan vỡ nét tinh khiết và mẫu nhiệm của hoa chẳng ? Lần này thì ý nghĩ về trò chơi hoa hồng là của Ngọc Hạnh không còn nhen nhúm trong Thái nữa : Buổi sáng, chính Ngọc Hạnh đã đi đến trường trước anh đến mười lăm phút. Đến giờ này, Thái theo dõi

thời khóa biểu (và cả chuyện ngấm để ý sự có mặt của Ngọc Hạnh tại lớp nữa), Ngọc Hạnh còn học đến tiết cuối mới trở về. Vậy thì ai đã nghĩ ra cái trò chơi lạ lùng này với anh ?

Nếu không phải là Ngọc Hạnh, thì Ngọc Hà không thể nào bày ra được trò chơi này với cái đầu luôn nghĩ tới một thứ gì đó để bỏ vào miệng nhai nhóp nhép.

Hơn một tháng im lặng và theo dõi những cánh hoa hồng trong chiếc lọ thủy tinh nơi bàn mình, Thái nghĩ, có lẽ không nên tìm hiểu thêm gì nữa. Không nghĩ bàn gì về những đóa hồng này, mà chỉ nên nhìn ngắm nó, tận hưởng nó- đó là niềm vui, nguồn hạnh phúc, nỗi ước mơ và là người bạn thủy chung đã lặng lẽ có mặt bên cuộc đời của anh.

Hoa hồng đã tiếp tục nở nơi bàn làm việc của Thái. Lúc thì đơn giản, chỉ có độc nhất một bông. Khi là hai cánh đều nở, có hai màu khác nhau. Cũng có nhiều lúc, ba bốn hoa, từ hoa búp hé nở, đến đang độ nở rộ. Cho dầu hoa hồng được cắm vào lọ như thế nào, Thái nghĩ , bình hoa luôn đẹp một cách trang trọng. Mùi hương hoa hồng từ vườn vào trong phòng, luôn ám ảnh anh- ngay cả trong những giấc ngủ. Thái nghe như trong mùi hương thoảng dịu dàng có cả hơi hướm của một nàng tiên nào đó đang e ấp còn ẩn hiện đâu đây, rất giống *Giáng Kiều* trong Bích Câu Kỳ Ngộ.

Đã mấy tháng về sống trong phòng này, đây là lần đầu, Thái tự tay mở cánh cửa thứ nhất, bước vào phòng riêng của ông Lê : anh muốn nhìn thấy nàng *Giáng Kiều*, vì không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Anh muốn gặp nàng *Giáng Kiều* của mình- dầu chỉ một lần, một phút.

Thật là lâu, Thái nghe được tiếng bước chân sẽ sàng vào phòng anh từ cửa dãy hành lang.

Tấm màn trúc khua động như có cơn gió mạnh. Qua một miếng gạch thông gió phía trên vách ngăn, Thái đã nhìn thấy nàng Giáng Kiều của mình và những cánh hoa hồng đỏ thắm. Nàng nhẹ nhàng rút mấy đóa hoa cũ, đặt từng chiếc hoa mới vào lọ ; nhìn ngắm chúng giây lâu. Thái đẩy cửa phòng, Ngọc Hạnh quay lại. Hai bàn tay nàng để lên ngực. Nét mặt thoáng tái nhợt.

-Anh làm em hết hồn !

Thái đi về phía cô. Đứng yên trước mặt. Anh cầm lấy hai tay Ngọc Hạnh như sợ rằng hình bóng này sẽ tan biến đi. Thái đưa hai bàn tay cô lên hôn, thật lâu :

-Anh xin được cảm ơn em, Ngọc Hạnh.

Thái nhìn say đắm, lạ lẫm, lên khuôn mặt cô đang đỏ hồng dần lên, như đã có những giờ phút ngắm nhìn những đóa hồng trong phòng mình.

-Anh cho em lên trường- Ngọc Hạnh thì thầm.

-Em bỏ học à ?

-Không- cô mỉm cười, lắc đầu – giờ ra chơi mà. Nếu không nhờ bà Bẩy được, em thường về vào những giờ nghỉ. Hình như hôm nay anh đã bỏ dạy ?

Ngọc Hạnh thoát ra khỏi phòng như một cơn gió. Cô nói vọng qua từ cửa sổ dọc dãy hành lang : “Nếu hôm nay bà Bẩy không bị đau, anh không bỏ dạy, sức mấy mà anh gặp được em ? Đừng có hòng...”

Một buổi chiều chủ nhật nhìn thấy Ngọc Hạnh đang ngồi im lặng trước một khóm hồng sau vườn, Thái đi về phía cô.

Anh hỏi :

-Sao không học bài mà ra ngồi đây ?

Ngọc Hạnh ngược lên, cười :

-Thư giãn một chút không được sao Thầy ?

Thái nhìn lơ đãng quanh khu vườn, anh chợt cúi xuống :

-Sao hoa hồng lại có nhiều màu thế em ?

-Vì có nhiều giống, nhiều loại chứ sao...

-Có tất cả là bao nhiêu ?

-Nhiều lắm. Em nghe ba bảo có đến cả trăm loại.

-Trong vườn “nhà mình” có được bao nhiêu rồi ?

-Vài chục.

-Nhiều thế à ?

-Ba đã chọn giống, sưu tầm, trao đổi hơn chục năm nay rồi mà. Ông ấy có bao giờ chịu rời vườn hồng, cây kiểng của ông lâu đâu ?

-Ba quả thật là một đóa hồng tuyệt diệu nhỉ ?

Thái ngồi xuống bên Ngọc Hạnh, đưa tay đỡ một cánh hồng đang nở rộ oằn xuống, ve vuốt nói :

-Chẳng hạn đóa này tên là gì ?

-Hồng Nhung.

-Em thích loại nào nhất, Ngọc Hạnh ?

-Ba loại : Hồng Nhung, Hoàng Yến và Hoàng Anh.

-Em có vẻ sành nhỉ ?- Thái cười, còn anh thì dốt về hoa lắm...

-Anh mà dốt ? – Ngọc Hạnh nhìn thoáng lên mắt Thái

-Làm thầy mà dốt làm sao dạy được học trò ?

-Bộ em tưởng đã làm thầy thì phải biết hết mọi thứ sao ?

Cái nào dốt, thì anh nói dốt, không nói khoát được...

-Em hỏi thật anh một việc nhé ?

-Được, em cứ hỏi ...

-Mà anh phải nói thật lòng !

-Dĩ nhiên rồi- Thái cười- Anh có bao giờ nói dối em điều gì đâu ? Có cần anh thề không ?

-Thôi khỏi. Nhiều người thề thốt dữ lắm nhưng cũng mau quên dữ lắm...

-Về tình yêu, anh có đốt như về hoa hồng không ?

Thái im lặng.

Ngọc Hạnh quay lại, nhìn thẳng lên mắt anh lần nữa :

-Sao không chịu trả lời em đi ?

-Điều này anh thật khó trả lời em, vì anh chưa bao giờ có dịp nào trải nghiệm khả năng của mình cả.

-Anh nói xạo.

-Bao giờ thì em cũng nghĩ xấu về anh hết. – Thái cười cứ để thời gian trả lời em. Có người nào đó đã nói thời gian là câu trả lời đúng đắn nhất.

Ngọc Hạnh đứng dậy, rời khóm Hồng Nhung, đi chậm chạp ra phía cuối vườn. Ở đó có mấy gốc cây to và một tảng đá lớn có hình dáng của hòn Vọng Phu. Thái lặng lẽ đi bên cạnh cô. Dường như Ngọc Hạnh đã nhìn thấy trong mắt Thái nhiều điều đáng tin cậy, một nỗi bồn chồn chân chất nào đó, nên lòng cô dạt dào một niềm vui mới lạ, sáng trong. Cô phân vân nhớ đến nụ hôn nồng ấm ở đôi bàn tay cô hôm nào của Thái như vừa mới được lập lại ở đây. Nó vẫn còn nóng bỏng, in dấu đôi môi anh, không thể nào tẩy xóa được.

-Anh còn nhớ hai đóa hồng đầu tiên của em không ?

-Có nhớ.

-Đó là hai đóa Aliana kia...

-Còn hai hôm sau ?

-Đóa Hồng Ngọc và Hồng Nhung.

-Lần anh được gặp em ?

-Mấy đóa Elizabeth, Nhung Pháp, và Sen Nhật. Em không thích Sen Tây vì hoa cứng, không có mùi thơm. Sen Nhật có màu hồng nhạt, xanh dịu, đẹp hơn nhiều....

Trên lối đi, Ngọc Hạnh đã chỉ cho Thái từng loại hoa, nói rõ đặc điểm, và cả cảm nghĩ của mình nữa. Đó là mấy loại : Hồng Lương Diện, Hoàng Oanh, Hồng Hoàng, Tím Đỗ Vân, Hồng Đơn, Khói Lam, Hồng Nhiều... Thái có cảm tưởng như trong đầu mình, tìm mình, được chất chứa đầy cả hoa hồng...

oOo

Ông Lê tổ chức một bữa tiệc thân mật, mời tất cả thầy cô ở trường, vài người bạn thân ; nhân dịp Ngọc Hạnh thi đậu vào trường Dược Sài Gòn. Ông Lê gọi buổi họp mặt thân tình này là để tỏ lòng biết ơn quý thầy cô và cũng để Ngọc Hạnh được nói lời từ giã thầy cũ, bạn bè trước khi lên đường.

Trong bữa tiệc đầy ắp tiếng cười, lời chúc mừng này, ông Lê đã tường thuật chớp nhoáng lại việc ông đã đưa con ra Huế thi vào trường Y, rồi chạy tiếp vào Sài Gòn để kịp thi vào trường Dược như thế nào. Ông kết luận : “Đưa con đi thi mà mình còn mệt hơn chính mình đi thi nữa quý thầy à”. Tiếp theo ông đã báo cáo sơ lược kết quả. Cũng là chính thức báo tin vui đến với mọi người : Ở Huế, Ngọc Hạnh đã đạt được mười lăm điểm rưỡi, so với điểm chuẩn là mười sáu. Tại trường Dược, cô có số điểm khít khao với điểm đậu là mười bảy dành cho hạng thí sinh không có chút ưu tiên nào cả.

Ông hiệu trưởng trường An Thọ, thay mặt mọi người đứng dậy bắt tay chúc mừng ông Lê và gia đình. Ông nói đùa : Ở Huế, cầu thủ của chú đá như thế là khá lắm, nhưng ngặt nỗi không có thủ môn!”.

Cuối bữa tiệc, Ngọc Hạnh được gọi lên. Trong chiếc áo

dài trắng đi học thường ngày, Ngọc Hạnh đã khép nép bước ra trước mặt mọi người, đôi mắt đã đỏ hoe. “Cô ấy khóc từ bao giờ? “ Thái nhìn cô, lòng hoang mang, lo lắng.

Ngọc Hạnh đã đứng yên ở đó. Khá lâu. Mà chưa nói được lời nào. Tất cả đều hướng nhìn, chờ đợi, trân trọng. Ngược lên, tỉnh táo nhìn khắp mọi người một vòng bất chợt, Ngọc Hạnh cúi xuống, úp mặt lên hai bàn tay; tiếng cô khóc nức nở... Nước mắt cô tuôn dòng qua kẽ tay, chảy xuống bàn, tưởng như không bao giờ dứt. Những giọt nước mắt nặng tình ấy đã được ngăn giữ từ bao lâu rồi, đến nay mới được rơi xuống ? Thái nghe tim mình đập mạnh, hơi thở nặng ở lồng ngực, trí óc chệnh choáng như say. Mọi người lo lắng. Ông Lê thở dài : “Thôi, con hãy đi nghỉ đi, ngày mai sẽ đi sớm!”.

oOo

Thư đầu tiên của Ngọc Hạnh gửi về cho gia đình dài đến sáu trang pelure. Nàng kể lại đủ chuyện: nào căn gác nhỏ xiu phải chứa bốn mạng, nào phải đạp xe đi học xa gần hai mươi phút, nào nhà trường đang tổ chức thi chọn sinh ngữ nên phải vui đầu học ôn, nào bạn bè toàn là người xa lạ và sang trọng... Nói tóm : đó là một lá thư ghi lại cái tâm sự bề bộn như cuộc sống mới của cô trong cái thành phố bề bộn ấy.

Có một đoạn tái bút ngắn của Ngọc Hạnh như sau : “*Ba má dặn em Ngọc Hà mỗi buổi sáng nhớ đến cắm vào chiếc lọ thủy tinh, nơi bàn làm việc của anh Thái một đóa hồng thật đẹp, thật tươi, giúp con nhé !*”.

An Phú Vang

âm thầm

âm thầm như một khúc chơi
chạy qua lửa đạn mờ cô chạy về
đã không nhà đã không quê
đã không gì cả [mà bề bề đau]

âm thầm nín lấy đời nhau
núi bao năm nợ sông sầu trả sau
lạc – biết đâu – hỏi ngày đầu
thành quanh quẩn mãi sông đau núi chờ

âm thầm thấy tận màu cờ
từ hai mươi tuổi anh lơ dờ trôi
sống hay chết cũng vậy thôi
nhìn nhau, nhau thẹn – ngược xuôi, không đường./.

1 tháng 5, 04

hỏi

theo đi
mà biết
đi đâu
lòng ghe
cũng được
lòng tàu

cũng xong

theo đi
trời nước
bềnh bồng
đã trôi
ra biển
có không
cũng đành

có theo về
hay đi quanh
theo đi
không tiếng
em anh
lạc à

lạy Trời không!
đầu thời qua
theo đi
đầu biết
xót xa
đường dài

1 tháng 5, 04

tháng 5 móc dính tháng 4

Trong nhà có ba đi lính
Chết!

Trong nhà có con đi lính

Chạy!

Mộ trong nghĩa trang
trước 1975 còn vậy
Tên Lê Văn V.
Vị Quốc vong Thân

Mộ trong nghĩa trang
sau năm 1975
Cũng chạy!
Xác ba về gò Cà nằm ngó quê hương

Mẹ và các em sống
Không còn chỗ để nương
Trong thành phố này...
Ba đừng buồn vận nước

Cha mẹ có con
Thằng con khiếp nhược
Đã bao lâu rồi lo chuyện gì đâu!

1 tháng 5, 04

Sử Mặc

Hát

Không phải cứ xướng lên
là thành ra bài bản
hát hổng
đời có mấy khúc
xướng đừng trông mong gì
gặm hết .

Thu ba

Mặc tôi dầy dựa
sóng
nhồi lên cơ bắp
im lìm .

Độc

Độc thơ nhau
đã không còn hứng thú
hết rồi linh nghiệm
trò chơi câu âu
bài thơ
rớt xuống sông xóc đĩa
dở mặt ra :
TÀI – XỈU
cơ cầu

Lớn
nhỏ
tình yêu cũng là chẵn lẻ
chạy đầu này
mất hút đầu kia
cời thúc ba hồi mắt trắng dã
ở trên mây
còn vệt nắng
tà .

tháng mười hai linh một

Trần Bang Thạch

Trên vách núi có một dòng sông

LÚC TÔI ĐẾN THÌ ÔNG K. ĐANG Ở SÂN SAU. Ông đang ngồi trên một khúc cây sần sùi, hướng mặt về ngọn đồi thấp sau nhà. Xa nữa là dãy núi cao như đung trời. Nửa điếu thuốc trên tay ông không còn một chút lửa. Đêm ở đây đến thật muộn. Gần một giờ trước, khi tôi vừa tới trạm xe buýt thị trấn thì đèn đường đã sáng choang. Vậy mà ở đây, bây giờ, trời vẫn chưa tối hẳn, để tôi còn có thể nhìn dáng dấp ông K. nhỏ nhoi, bất động in trên nền trời xanh nhạt có những dãy mây chết cứng. Chừng như gió cũng không tới thung lũng này. Trước mắt tôi là một bức tranh tĩnh vật có đồi có núi và có người đàn ông của mấy mươi năm cũ. Thiên nhiên mệnh mông mà im lặng quá. Người tình có đó mà như không. Tôi đang đứng sau lưng K. mấy bước mà như ngàn ngàn dặm xa.

“ Chứng bệnh của ba con mấy tuần nay trầm trọng quá. Ba con hầu như quên hết mọi chuyện đã qua. Có một cái tên duy nhất mà ba cứ nhắc hoài. Đó là tên của cô đó, cô T. ạ. Đôi mắt của ba bây giờ tịt lăm, chỉ thấy mờ nhạt dáng người. Nhiều lúc Ba cũng chẳng nhận ra con. Chuyện vặt trong nhà ba vẫn làm được, nhờ quen tay và quen chỗ”

Tôi nghe tiếng khóc của cháu Nga bên kia đầu giây điện thoại. Tôi như nghe cả cái quặn thắt của cõi lòng Nga từ hàng trăm dặm xa xôi. Hay là chính cõi lòng tôi

đang trùng trùng sóng vỗ?

“ Ngày nào cũng như ngày nấy, dù nắng dù mưa dù sáng dù tối, ba một mình ngồi lặng lẽ ở sân sau, mắt vô hồn nhìn ngọn đồi trước mặt. Chắc đã nhiều ngày rồi ba không gọi cô?”.

“ Phải, nhiều ngày rồi. Con biết đó, cả tháng nay cô chỉ có thể nói chuyện với con thôi. Có lẽ ba cũng đã quên người cố vấn tâm thần này rồi”.

“Chắc con phải đưa ba trở lại bệnh viện tuần tới. Cô T. à, tự nhiên con nghĩ rằng sự có mặt của cô tại đây rất là cần thiết, trong lúc này. Cô đồng ý đến đây một lần nhe cô, cô T.?”

“ Ừ. Đón cô tại trạm xe buýt thị trấn lúc 6 giờ chiều mai”. Tôi nói nhanh , chỉ sợ mình đổi ý.

“ Cô nói thật phải không cô? Phải không cô T. ?”

“ Thật”.

“ Cám ơn Trời Phật. Cô làm con ngạc nhiên quá. Con cảm ơn cô”.

“ Cô sẽ khoác cái áo gió màu tím than, đó là dấu hiệu để con dễ nhận ra cô”.

“ Không khó nhận nhau đâu, thưa cô. Vì vào giờ đó, tại thị trấn đèo heo hút gió này, chắc chỉ có hai người Việt Nam là cô cháu mình thôi. Cô làm con mừng quá. Với sự có mặt của cô, con nghĩ bệnh của ba con sẽ giảm”.

Kể cũng thật là lạ.Tôi đã có một quyết định quá nhanh mà tôi không ngờ. Tôi sẽ phá bỏ một lề luật mà tôi đã cố giữ từ hơn hai năm nay. Tôi đã đầu hàng dễ và nhanh đến vậy sao? Tôi sắp tới một nơi mà tôi nghĩ suốt đời tôi sẽ không tới. Không nên bao giờ đặt chân tới. Phố núi

Prairie View, chưa thấy lần nào mà đã sợ, chưa đến lần nào mà chừng như đã quá thân quen. Từ ba năm trở lại đây, nơi chốn ấy đã cất giữ gần hết phần hồn của tôi, chứ không phải phố biển Seal Beach này với người chồng tên Steven, là nơi tôi đã gởi tấm thân từ hơn ba mươi năm nay.

Phố núi Prairie View nghe chừng ngọt ngào như hơi thở. Vì nơi đó có K.

K. đã đến đất nước này thật muộn màng. Nhưng chàng đã đến trong đời tôi thật sớm, và ở lại thật lâu, cho tới tận bây giờ. Ở một khắc giây nào đó của hơn ba mươi năm trước, Steven đã đan cho tôi một chiếc lồng muôn hồng ngàn tía, rồi nhắc bổng tôi đi, vượt bao sông dài biển lớn tới cái xứ sở lạ hoắc lạ lờ này. Nhưng K., chính K. mới là người sập xuống cánh cửa lồng nhốt chặt mảnh linh hồn của tôi, để con tim tôi cứ đập rộn rã ở quê nhà, cõi lòng tôi vẫn cứ bập bênh theo con nước lớn nước ròng trên dòng sông cũ, và ánh mắt tôi cứ dỗi về một phương trời lửa đạn ở một chiến trường xa. Và người xưa ...

Người xưa đã vì tôi mà một ngày thật xa nào đó, đã bỏ lớp, bỏ trường đi vào binh lửa, cố quên hình bóng một người tình. Rồi một ngày sau hơn bốn mươi năm, người lính trở thành người tù đó đến xứ sở này với một tấm thân bệnh hoạn, một trí não lúc nhớ lúc quên, lúc mê lúc tỉnh, nhưng con tim vẫn hướng về người tình phụ năm xưa.

Bóng tối đang lên, xóa mờ những đỉnh núi xa. Ở đó bây giờ là bóng đêm. Vùng đồi thấp sau nhà cũng bắt đầu nhạt nhòa sương khói. Tôi không nghe một hơi thở nào quanh đây, nhưng tôi nghe chút gió bay qua tóc mình, và nghe một tiếng chim cô đơn lạc lõng giữa buổi chiều tà. K. đứng lên, ném nửa liều thuốc đã tắt từ lâu, định quay vào nhà.

“ Ông K. Kính chào ông K. Thành thật xin lỗi nếu tôi đã làm ông bất ngờ”.

“ Dạ ...Dạ ...”

“ Tôi là Cindy Trần, người thường nói chuyện với ông qua điện thoại đó. Ông K. không nhận ra tiếng tôi sao?”

“ Có, có. Dạ, kính chào bà Trần. Tôi không ngờ được gặp bà hôm nay. Thật là không ngờ. Bà làm tôi ngạc nhiên quá, thưa bà Trần”.

“ Trái đất này tròn mà ông K. Mình là bạn từ hơn 2 năm nay thì sao không có ngày gặp !”

“ Ồ...Ồ...Phải, phải. Hơn 2 năm nay cứ nghe tiếng nói nhau mà hôm nay cha con tôi mới được hân hạnh gặp bà. Kính mời bà Trần vào nhà. Trời sắp lạnh rồi”.

Tôi bước theo K., vào nhà. Căn nhà như một cái lều nhỏ của người dân da đỏ quanh đây. Vách là những khúc gỗ chưa lột da xếp chồng lên nhau làm thành bốn góc của cái hộp hình chữ nhật. Hai mái nhà cao chụm lại trên chóp như một nóc giáo đường. Cửa trước hướng ra chiếc sân rộng. Chiếc sân ngó xuống ga xe lửa dưới chân đồi, có con đường liên tỉnh chạy ngoằn ngoèo hai bên thành đá dựng . Chỉ một bóng đèn mờ nơi gọi là phòng khách, không đủ sáng để tôi nhìn rõ mặt người đàn bà trong

khung ảnh nhỏ đặt trên đầu tủ ngăn phòng khách với căn phòng phía sau, có lẽ là nhà bếp.

Nga khoác lên người chiếc áo dạ, nói con phải xuống phố mua ít món đãi cô Cindy một bữa ăn vùng núi mới được.

Tôi kiểm chỗ máng cái áo gió rồi ngồi trên cái ghế sắt cạnh cửa ra vào. Ông K. đứng giữa phòng khách cứ xoa xoa hai bàn tay với nhau, có vẻ khó mở lời.

“ Dạ...Kính mời bà Trần ngồi nghỉ. Xin phép bà Trần cho tôi mấy phút để pha bình trà”.

“ Dạ...Không dám làm phiền ông, ông K. ạ”.

Trời ơi , chúng tôi phải ăn nói lịch sự, trang trọng, khách sáo đến như vậy sao? Từ bao giờ chúng tôi chỉ là hai người quen, hai người đồng hương bình thường, chớ không phải là hai người đã có thời yêu nhau tha thiết? Cái mặc cảm thua thiệt của K. hơn mấy mươi năm trước hay chứng bệnh quên trước nhớ sau, quên hình nhớ bóng của K. bây giờ? Hay là cái mặc cảm tội lỗi quá lớn của tôi đã giăng một màn sương tuy mỏng mà lạnh căm, để chúng tôi thành hai pho tượng băng giá đứng giữa trời đông nhìn nhau mà không cất lên được lời nào. Hơn hai năm qua , mỗi tháng đôi lần trên đường giây điện thoại có lẽ chúng tôi đã nói quá nhiều, quá đủ về một chuyện tình thật xa nhưng không bao giờ cũ. Chuyện người nữ sinh mười tám tuổi đã bỏ cái thị trấn tuổi nhỏ nghèo nàn để bước vào đời; đã bỏ người tình từ thuở học trò để lấy chồng rồi về quê hương chồng ở một chốn xa xôi Seal

Beach đó. Chuyện người con trai hai mươi đã không giữ được người yêu thì màng chỉ đến việc đèn sách. Chuyện tình như vậy thì đâu có gì là lạ trong thế gian. Và người tình si suốt đời, thế gian cũng đâu bao giờ cấm cản. Qua điện thoại, người mang bệnh tâm thần tên K. cứ tiếng còn tiếng mất, lúc tỉ tê, lúc ngọt ngào, khi giận hờn, khi tức tối ...Chuyện tình cũ theo đó mà mới hoài. Từ hơn hai năm nay tôi dần dà trở thành người kịch sĩ thượng thặng trong vai trò người chuyên viên khoa tâm lý trị liệu bất đắc dĩ với cái tên Cindy Trần. Tôi diễn xuất nhập vai đến nỗi bên kia đầu giây tại phố núi Prairie View, K. không ngờ mình đang nói chuyện với người tình tên T. của gần bốn mươi năm trước. Và tôi, lắm khi trí não tôi cũng lững lờ lơ, tâm trạng tôi cũng mờ mờ ảo ảo trong câu chuyện tình của chính mình. Có lúc tôi thấy mình là T., cô Phan Ngọc T. của thị trấn đầu huu Long Thạnh đang lắng nghe tâm sự của người tình cũ; có lúc tôi thấy mình thật là khốn đốn, khổ sở trong vai trò người chuyên viên tâm lý Cindy Trần của phố biển Seal Beach. Trong những lần điện đàm như vậy, có thể có lần tôi khóc, hay từ bên kia đầu giây chính K. cũng khóc; có thể một lúc nào đó hai trái tim chúng tôi cùng một nhịp, cùng thổn thức, cùng ghen ngào. Chúng tôi đã sống lại những ngày yêu thương cũ tại hai nơi hoàn toàn xa lạ đối với mỗi người “ Bà Trần biết không, có bao giờ tôi nghĩ tới một ngày tôi phải bỏ con sông thân yêu chảy lặng lẽ phía trước nhà, nơi tuổi trẻ tôi đã từng ngập lặn, nơi chúng tôi đứng bên nhau hàng giờ nhìn từng cụm lục bình bình thản trôi. Những đêm trăng sáng, con nước lớn như ngừng trôi để chúng tôi thấy bóng mình in trên sóng nước. Làm sao tôi biết được một ngày nào đó tôi phải

vĩnh viễn mất T., người yêu đầu đời của tôi. T. bỏ đi. Tôi cũng bỏ lại sau lưng dòng sông tuổi nhỏ, bỏ lại đoạn quốc lộ sụp lở vào những mùa nước nổi”. Trời ơi, K. đã nhắc tới những góc thật nhỏ của quê hương tôi, đã rung hồi chuông thật khê mà làm từng giây thần kinh tôi đau nhức. Làm sao tôi không nhớ được những đêm trăng trên bến nước, nhớ lắm, nhớ thật nhiều, nhớ từng cánh lục bình trôi; tôi như thấy trước mắt mình hình ảnh K. đã từng dìu tôi bước qua đoạn quốc lộ tróc lở đó để vào trường tiểu học. Rồi cũng chính K. là người dìu tôi qua mấy đoạn đường trơn trượt để vào trường trung học. Vậy mà có một ngày tôi đã bỏ lại tất cả. Và bây giờ định mệnh nào đã trở trêu để chúng tôi gặp nhau trong tình cảnh lữ làng này. Suốt hơn hai năm chuyện trò qua điện thoại, nhiều lần tôi phải tự nhủ mình : hãy đi theo con đường mình đã chọn từ khi hay tin K. đến Mỹ: Chuyện tình của hơn bốn mươi năm trước, từ thuở tóc hãy còn xanh, đã trót dở dang; mỗi người bây giờ tóc đã hoa râm, mỗi người có một hoàn cảnh riêng, trân quý giữ trong sâu thẳm lòng mình những thân ái cũ chẳng phải là một hạnh phúc sao?

K. trở ra phòng khách với bình trà. Ông đã mặc vào bộ bà ba trắng còn nguyên nếp gấp. Râu ria cũng được cạo sạch nên trông K. bớt đi cái vẻ tiêu tụy so với lúc tôi vừa mới gặp. Nhưng đôi mắt K. thì vẫn vậy: như có lớp mây mỏng che ngang khiến sự di chuyển có phần nghiêng chao. Hình như tôi chưa tìm gặp dấu vết thân quen nào đó trên dáng dấp của người đàn ông dấu mặt đã từ hơn bốn mươi năm nay vẫn đi bên cạnh đời tôi. Tôi kịp nén một tiếng thở dài.

“ Để bà Trần ngồi lâu một mình, tôi thành thật xin lỗi. Kính mời bà Trần dùng ly trà nóng”.

“Dạ không dám. Kính mời ông K.”

“Dám hỏi bà Trần, cơ may nào đưa bà Trần ghé thăm nhà chúng tôi ?”

“Chỉ tiện đường ghé qua thôi. Thưa ông K.”. Tôi hơi nhếch mép cười sau câu trả lời không thật ấy.

“Cảm ơn, rất cảm ơn bà Trần”.

“Dạ, không dám, thưa ông K.”

Những lời vô cùng khách sáo như vậy cứ như thế mà tuôn ra suốt buổi hay sao ? Cách nhau cái bàn chỉ rộng mấy gang tay mà trước đôi mắt mờ mịt của K. tôi vẫn là Bà Trần xa xôi chớ đâu phải là người tình tên Phan Ngọc T. của khung trời yêu thương bốn mươi năm cũ! Về phần tôi, đã bao năm nước chảy qua cầu với bao nhiêu mây trôi gió nổi, mấy bận đất ngã trời nghiêng, tôi đâu còn tôi của những đêm trăng cùng K. đứng trên bến sông nhìn những đê lục bình rau mát lặng lẽ trôi dưới gập cầu. Tôi đâu còn tôi của những ngày lễ nghỉ học cùng K. ngồi xe lam từ thành phố Cần Thơ về thăm thị trấn đầu hù Long Thạnh. Tôi thật sự đã làm mất tôi trong cuộc tình đầu. Cánh cổng của một tòa lâu đài tình yêu đã đóng. Tôi ngác ngác ngơ ngơ giữa trời cao đất rộng. Tôi chơi với chơi với giữa mộng và thực. Có lúc tôi thấy mình như tận lực dang tay ra cố chụp bắt một chiếc bong bóng nhiều sắc màu đang lửng lơ trước mặt. Đồng thời tôi cũng thấy mình co lại đôi tay, nén chặt vuông ngực để trái tim đừng lên tiếng nói. Tôi là gì và K. là ai, hai kẻ đang ngồi cách nhau mấy gang tay ? Tôi nghĩ tình cảnh

này sao chua xót quá. Hơn bốn mươi năm cách xa nhau có chua xót bằng mấy giây hội ngộ đêm nay không? Tôi biết tôi đang khóc. Tôi cũng biết K. sẽ không thấy vài giọt nước đọng trên mi tôi đâu, cả cái dáng hình tôi trước mặt bây giờ K. cũng còn không nhận ra nữa kia mà. Có cần thiết để nhận nhau trong giây phút này? Hay hãy để tình yêu xưa muôn đời ngủ thiếp trong từng ngăn kéo kỷ niệm riêng tư?. Tôi vụt nói với K. tôi phải rời đây ngay bây giờ. K. ngơ ngàng đứng lên, hơi nghiêng ngã làm đổ chén trà trên tay, nói, sao bà Trần vội quá vậy, không chờ cháu Nga về đưa bà Trần ra trạm xe buýt. Tôi tưởng Bà Trần ở lại dùng bữa cơm với cha con tôi mà. Bà Trần. Bà Trần. Cái tên nghe mà chua xót! Cái tên giả mà thực bỗng được nhắc tới liên tục ngay trong giờ phút này càng khiến bước chân tôi rời khỏi căn nhà càng nhanh càng tốt, trước khi tôi lỡ buột miệng nói với K. tôi là T., Phan Ngọc T. của thị trấn Long Thành. Là em đây. Là em đây. Hãy nhìn thật rõ trước mắt anh là T. của ngày nào. Tôi thoát đi như chạy. Chân tôi còn nhanh hơn những lời tôi sắp nói.

Con dốc ngắn, ngoằn ngoèo, lởm chởm đá sỏi đưa tôi xuống dòng xe cộ dưới chân đồi. Đi hơn nửa con dốc, tôi ngoái nhìn lên để thấy căn nhà gỗ nhọt nhòa trong sương đêm, và thấy một cái bóng trắng cao, gầy giữa khung cửa mở. Phía sau căn nhà là vách núi cao như chạm trời. Ô kìa trên vách núi ! Tôi có hoa mắt không ? Ai ? Ai đã thân tình chạm trở một dòng sông đêm với cánh lục bình nằm lẻ loi dưới bến?

Nhìn xuống chân đồi tôi thấy người con gái tên T. nào

đó đang bồng bềnh trôi trong dòng xe cộ giữa hai vách đá. Con tàu đem rú một hồi còi dài, dừng lại mấy giây rồi tiếp tục húc đầu vào núi.

Mọi sự đang ở phía sau lưng.

Hoàng Xuân Sơn

Qua sông

Tặng một cổ áo treillis

Theo mùa mận chín qua sông (**)

miếng thơ miếng đạn

miếng trồng thành

hoa

nhớ em ngọn nước la đà

nhớ chiều phố thị

mưa sa ngợp hồn

qua sông

hình bóng giữa cồn

dáng neo bãi quạnh

thân mòn hốc hang

giày bùn áo trận mênh mang

qua sông vội ánh sao tàn bến mơ

cõi riêng mùa hạn chắc giờ ?

trái chua mận cắn

chia bờ

xót _____ xa

tháng hai lẻ bốn

(**) “*Qua Sông Mùa Mận Chín* “ , thi tập Trần Hoài Thư

Dáng tôi dáng chiều

Dáng chiều mịt mịt

khum lưng

nhá nhem tôi

giữa kín buồng hôn người
ngồi buồn
thở một lúc
chơi
nghe mùa dương cực
thở dài phúc âm
ngón chia
ừ hử ngón cầm
mà đâu chẳng thấy
hồi tâm ngón về ?
chạm môi
thổi túa xuân hè
nào thu ngắn được
đông tê tái
bồi
dáng chiều nom lại dáng tôi
đêm hừng hực cháy
lửa bởi
thieu thân .

09 mars 03

*Hai bài thơ: Qua Sông và Dáng Tôi Dáng Chiều được
trích ra từ tập thơ: LỤC BÁT HOÀNG XUÂN SƠN do
Thư Ấn Quán in và xuất bản tháng Năm 2004.*

Hạc Thành Hoa

Trăng Biển

Một vầng trăng từ đêm ấy nhô lên
Biển nở một đoá hoa vàng rực
Đêm hôm ấy bầu trời lớt kính
Hơi thở nồng nàn của biển bên tôi
Biển mát rợi làn da con gái
Trăng tắm vừa xong
Quấn quanh một làn sương như voan mỏng
Mây rút hết về chân trời
Biển yên lặng mà lòng mình nổi sóng
Chỉ còn trăng – tôi và biển
Trên bãi cát loã thể
Tôi công trăng chạy suốt đêm
Biển tràn ngập tôi
Đêm hôm ấy.

Phạm Văn Nhân

Hắn

VỪA DỪNG XE LẠI, TÔI NGẠC NHIÊN KHI THẤY
hắn đứng trước nhà, chưa kịp nói gì với người bạn ngồi
bên cạnh, người bạn đã hỏi:

- Ai vậy?

Sự ngạc nhiên như vẫn còn trong ý nghĩ của tôi, chưa kịp
trả lời. Người bạn lại hỏi :

- Ai vậy?

Tôi nói: chính hắn. Người bạn bước xuống xe. Tôi giới
thiệu, hai người bắt tay. Cười.

Tôi chửi thề: mẹ kiếp. Sao cậu không cho tôi biết trước
để đi đón?

Hắn lại cười. Bao đổi ngạc nhiên vẫn còn trong tôi. Còn
người bạn tôi thì cười vui. Vì đã lâu, nghe tên hắn, bây
giờ mới gặp nhau. Vẫn nụ cười ấy của hắn. Vẫn cái dáng
người ốm ốm cao cao ấy của hắn. Vẫn nụ cười như lúc
nào cũng muốn “ héo ” trên môi. Và, một sợi râu dưới
cằm đâu rồi? Lâu quá phải không S. Tôi muốn gọi cậu
với cái tên thật. Cái tên mà đã một thời tụi mình gắn bó
với nhau khi chiến trường còn là chỗ dầu sôi lửa bỏng.
Khi mà tôi với cậu vẫn lang thang. Và, mỗi lần về ngủ
lại ở “ hậu cứ - cứ gọi như thế đi ” trong căn nhà bẩn thỉu
ở khu 6 Qui nhơn. Căn nhà gồm những người lính bụi đời
nhớ thành phố mà dù về. Căn nhà nhớ mãi đến ngày
hôm nay, khi chiến tranh không còn là nỗi ám ảnh với
bọn tụi mình nữa. Nhưng sao tôi vẫn nhớ đến ngôi nhà
ấy một cách lạ lùng. Nhớ những người lính vì hoàn cảnh

này hoàn cảnh nọ mà phải đào ngũ, bị bắt ra lao công đào binh. Có dịp về ngủ tá túc trong ngôi nhà khu 6, như cái trạm, để rồi lại tiếp tục quãng đường chẳng bao giờ thấy tương lai. Ngôi nhà mà mỗi sáng chủ nhật có Cầm đến như nỗi vui của tôi, mà thật sự lúc ấy chẳng ai dám nghĩ đến tình yêu. Ừ, thì có em đến làm cho ngôi nhà tươi mát thêm trong cái bề bộn, dơ dáy của những thằng lính như bọn mình.

Và, cũng như cậu, sau những bận hành quân dài, lại bất ngờ cũng nhảy xe về ngôi nhà ấy. (bất ngờ như hôm nay). Cứ thế mà đi đi về về. Cứ thế mà thổi lửa nấu cơm. Cứ thế mà lấy gầu vào thành giếng múc nước tắm. Cứ thế nằm lăn ra nền nhà mà ngủ... Tưởng chừng chưa có giấc ngủ nào ngon như những ngày bỏ rừng, bỏ núi, bỏ bờ ruộng về thành...Vâng, có chỗ nào để bọn mình dung thân khi dù về phố thị. Cũng như nhớ đến căn nhà tôle ở trên con dốc gần Tháp Chàm, nóng như đổ lửa xuống hai tấm thân gầy còm, mà đêm nào cũng nghe tiếng “ tu huyết” của cảnh sát hay của quân cảnh đi lùng bắt những người lính “ thềm-một-chút-hơi-hướm-của-đàn-bà ” trong cái xóm nhà lá ấy. Thành phố không phải để cho những người lính chỉ toàn ăn gạo sấy, thịt hộp từ chiến trường về. Thành phố chỉ để cho cậu ấm cô chiêu ngồi đó mà rung đùi hưởng lạc thú. Cho nên bọn mình cứ bị QC chiếu sao quả tạ hoài. Cái quân vụ thị trấn Quy Nhơn như chỗ nghĩ chân của cậu khi họ thấy tội mình lang thang. Thèm quá phải không cậu. Tôi đã nói, thành phố không phải của tội mình mà. Kệ mẹ nó, tôi thèm một chỗ ngồi ở quán cà phê Dung. Cậu vẫn nói và vẫn hát nghêu ngao trên đường:... đại bác đêm đêm dội về thành phố, người

phu quét đường dừng chổi đứng nghe...Và... đưa em vào quán rượu để anh tập làm thi sĩ... Thi sĩ cái con mẹ gì, khi QC đang đậu xe để hốt những thằng lính như bọn mình dù về thành phố. Có yên ổn đâu để tụi mình đưa em vào quán rượu để tập làm thi sĩ...Ông cho tôi xem sự vụ lệnh. Làm gì có, thềm thành phố, dù về dăm ba tiếng đồng hồ vậy mà. Mời ông lên xe. Những gương mặt lạnh lùng trong Quân vụ thị trấn. Mẹ kiếp, thành phố này chắc chỉ để cho tụi mày? Rồi lại phải ký lệnh phạt nữa đây. Thây kệ, ta vẫn dù về, mặc QC , mặc tiếng còi, có ký bao nhiêu thì ký, lính trận thì trước sau gì cũng là lính trận.

Dù về thành phố, có lần tôi nói với cậu, vào Sư phạm đưa em đi nghe bản nhạc này. Tôi mới nghe trong radio của thằng tà lọt. Hay không? Có lẽ hợp với bọn mình, tôi hát khe khẽ, giọng ô ề vì khói thuốc lá: *mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ, dài tay em mấy thuở mất xanh xao...* Nghe bài hát này tôi nghĩ hợp với cậu vì cái xứ Huế mưa buồn da diết ấy. Không! tôi không muốn đưa em đi nghe bản nhạc ấy, mà muốn đưa em vào quán rượu. Để làm gì, làm thi sĩ à?. Không. Chứ làm gì? Để tôi uống cho say rồi chỉ vào mặt nàng mà nói. Đừng có hỏi cái giọng ấy với mấy thằng lính này. Tôi nói: vì sao mà nặng nề quá vậy. Hấn lại cười mỉm. Nụ cười buồn trên gương mặt mất ngủ, và sợi râu dưới cằm như muốn dài ra. Bọn mình có được cái gì đâu khi khoác chiếc áo lính này. Tôi cũng tốt nghiệp đại học. Tôi cũng đã từng dạy toán cho lớp đệ nhị tại một trường trung học lớn của tỉnh. Tôi nói bớt giận, em nói sao? Hấn nói, chán nản: em hỏi tôi đi Thủ Đức, làm thơ viết văn mà có bằng cấp

gì rồi? Cậu nói sao? Tôi im. Tôi chửi thề: mẹ kiếp, sao dở vậy. Nói với nó tao có bằng yếu lược lớp ba. Ủ! mà sao lúc ấy tôi không nói được. Thôi. Cứ để mưa vẫn bay trên từng tháp cổ để cho tôi vẫn nhớ mỗi lần về thăm nhà, và ngồi lại trên những bậc cấp của chùa Thiên Mụ nhìn qua bên kia sông để nhớ một cái gì đó, vu vơ.

Và, S. ơi, cái con nhỏ học Sư phạm đã hỏi cậu đó, tôi muốn đâm vào mặt, sau này tôi nghe nó lấy thằng bác sĩ quân y.

Vẫn nụ cười ấy. Ở Mỹ, mà sao tôi vẫn thấy héo hắt. Người bạn tôi mới gặp lần đầu. Tưởng hẳn lúc nào cũng vui, cũng cười. Tôi biết, ngoài vui như thế đấy, mà trong lòng hẳn là cả một biển xô sóng gào. Hẳn có cuộc sống “ nội tâm ” dữ dội. Tôi biết từ lúc hai thằng tôi gặp nhau. Cái nón rừng cuộn tròn nhét vào cầu vai áo. Đi nghênh ngang ngoài đường. Ai nhìn thấy cũng tưởng rằng chúng tôi bất cần. Không phải vậy đâu. Đêm về, trong cái im ắng trong ngôi nhà khu 6, tôi biết tôi và hẳn. Buồn lắm. Tôi hiểu. Này nhé, cậu còn nhớ không, S.? Nơi góc quán cà phê Dung, cô bé ngồi ở quầy sao trông đẹp thế nhỉ? Tưởng tượng thôi nhé, mượn tạm cô bé ấy một chút: anh đưa em vào quán rượu, để anh tập làm thi sĩ ...Thơ thì đã viết lâu rồi, nhưng muốn hay hơn phải có em để anh tập làm thi sĩ: *cô hàng có chiếc quần đen mượn, anh xum xuê muốn cởi áo hồng*. Ở cái quán nơi thị trấn nhỏ Tuy Phước. Mẹ ơi, làm sao mà cởi được đây. Khi có nhiều quan âm ngấp nghé. Mấy tháng sau, gặp cậu, cậu nói: con bé có cái áo hồng mà tôi làm thơ muốn cởi đã nhảy núi rồi. Buồn quá phải không.

Tôi nghe hẳn nói mà cười như méo.

Vâng. Tôi hiểu hần lâu lắm. Cuộc sống như nén lại lâu ngày. Như cơn sóng xô bờ ngày này qua ngày khác. Hết hành quân nơi này, mai lại hành quân nơi khác. Cứ thế vừa đi vừa viết. Viết nhật ký hành quân. Viết những truyện ngắn nói bộc toẹt cái khổ của lính, của dân giữa hai lần đạn. Người ta chụp cho cái mũ phản chiến. Dù về phố thì bị QC đốt. Tôi hỏi: sao cậu không xin về hậu cứ . Dui nặng như thế mà sao thấy đường đi ban đêm. Cậu tôi hỏi, cậu không nói, lại cũng cười. Trời đất, mấy mươi năm rồi, nay gặp lại, hần vẫn còn giữ nụ cười như những lần tụi tôi sống bên nhau.

Bất ngờ vẫn là yếu tố của cậu sao. Ít ra bạn bè vẫn phải biết chứ? Ê! mà cậu này. Đừng có nhập tâm ba cái chuyện lính tráng ngày xưa nữa. Bất ngờ là của đám thám kích. Bây giờ là hết rồi. Nghĩ tới chán bỏ mẹ, phải không? Bất ngờ là cậu muốn để tôi vui. Nhưng làm như thế tôi buồn. Thôi có gì cho tôi ăn đi. Đói bỏ mẹ. Ủ! Thì ăn. Tối bọn mình đi đón anh em khác. Hần ăn xong, nằm trên sô- pha, co người lại như con tôm, và con người như muốn xẹp xuống, ồm tong. Bỗng dưng tôi nhớ lại những ngày gian khổ của hai thằng tôi đã sống, và đã trải qua trong căn nhà tôle ở Tháp Chàm. Hay những buổi trưa đứng bóng, vác súng lên giong sông Dinh bắn cá. Trong căn nhà tôle nóng như đổ lửa, hần vẫn nằm co người lại ngủ. Mồ hôi mồ kê đổ ra ướt lưng. Cô bạn gái tôi làm sở mỹ trên phi trường ghé lại thăm. Kệ. Anh bây giờ hết làm thi sĩ rồi, vẫn nằm co người như con tôm đất. Cô bạn thấy vậy nói: trời nóng như thế mà anh S. ngủ được sao? Có gì đâu, cứ vô tư đi cô em, quen rồi. Cô bạn gái hỏi

tôi: anh không mua nổi cái quạt máy? Tiền! Tôi đưa tay ra như để mượn em một ít. Cô bạn nguýt tôi một cái. Trời đất, con mắt có đuôi của cô em chạy đâu mất tiêu. Và rồi máy chiếc PC chạy xuống con dốc ngắn. Tưởng rằng hấn ngủ. Ai ngờ hấn thức mà vẫn nằm yên nghe tôi nói chuyện. Hấn ngồi dậy, cười. Tiếng cười như cảm thông cho tôi và, cho hấn nữa.

Bây giờ, hấn lại bất ngờ đến thăm tôi. Không phải bất ngờ bỏ chiến trường về ngôi nhà trong khu 6 Qui Nhơn, hay trong căn phòng làm bằng tôle ở Tháp Chàm. Mà bất ngờ thăm tôi tại thành phố ở Mỹ này. Có cả những người bạn thân với vợ chồng tôi. Tôi vẫn thấy hấn như ngày nào bọn tôi còn độc thân, lang thang về phố thị, hay ngồi mãi trong quán cà phê nghe những tình khúc của Trịnh Công Sơn: *Ru mãi ngàn năm, từng ngón xuân nồng...* Và, hôm nay, những tình khúc ấy vẫn mãi mãi trong cái tuổi về già của chúng tôi.

Nỗi vui bất ngờ gặp nhau. Và tiếp theo, tôi lại nghe thêm những gì cay đắng nơi người bạn tôi. Cay đắng còn hơn những năm tháng chúng tôi còn trong quân ngũ. Tôi ngồi im khi nghe hấn nói: người ta nói với tôi, ông có bằng cao học điện toán ở Mỹ, ông lại có kinh nghiệm trong nghề hơn 18 năm, ông về đi để tôi tìm cho ông một cái job nào thích hợp với cái bằng cấp và kinh nghiệm của ông nhé. Nghe bạn nói, tôi buồn. Và, bạn tôi nói thật lòng với tôi: chừng tuổi này, cậu còn giữ được cái job, tôi mừng.

Mừng hay vui đây hả cậu? Khi mà, trong chiến tranh, bọn mình cũng chẳng có chút sung sướng gì. Đến khi chiến tranh chấm dứt, tôi với cậu cũng đã trải qua bao

nổi khó khăn chồng chất. Đến ngày hôm nay, cái khó khăn ấy vẫn còn đeo đuổi nơi con người của cậu: ông về đi để tôi tìm cho ông cái job nào thích hợp với mảnh bằng và kinh nghiệm của ông... Mẹ kiếp! chiến tranh nơi xứ sở của tôi cũng do mấy ông, những thằng mất xanh mũi lõ tạo nên, để rồi đẩy chúng tôi ra chiến trường. Và cuối cùng, cũng mấy ông, để tìm cho chúng tôi một cái job khác. Cái job khác đó là cả một thế hệ chúng tôi phải đổ máu, đổ mủ ra để dành lấy mạng sống. Cuối cùng được gì. Vào tù, và bị hất ra ngoài xã hội mới...Bây giờ, bảo phải chờ để tìm cho bạn tôi một cái job mới, trong khi hơn 18 năm phục vụ, hơn 18 năm làm lợi cho một tập đoàn tư bản đang đưa những cánh tay dài đi khắp thế giới để thu lợi nhuận. 18 năm trong nghề, bây giờ là công cốc. Ở nhà nhờ vào vợ, vào con. An sinh xã hội, không. Bảo hiểm sức khỏe, không: không, không, và không...gì cả.

Buổi tối hôm ấy, bạn bè gặp nhau. Vui. Nhưng trong lòng tôi lại thấy một nỗi buồn và một cái gì đó rất nhớ. Nhớ những ngày tháng đã qua mà không hiểu sao, mãi đến hôm nay tại tôi vẫn chưa bao giờ quên được.

Đoàn Thạch Biền

Khi ở Bảo Lộc

Áo tới vợ ta khoác
Bạn đội nón hiên thê
Xứ lạnh ngày mưa núi
Cùng nhau đi hái trà
Hương trà bay đầu mất
Chỉ còn mùi xót xa.

Bạn hỏi ta chí lớn
Mưa tạt mắt ướt nhòa
Rét run răng cắn chặt
Càng may khỏi nói ra.

Còng lưng leo dốc Độc
Cầu thực phải tha hương
Trai trắng bao lăm tuổi
Đã chống gậy đi đường.

Hồ Nam Phương khói tỏa
Mù mờ chẳng thấy nhà
Nhờ hoa quì vàng rộ
Sưởi ấm lòng chúng ta.

Hoàng Ngọc Châu

Đêm B'lao Nghe Em Ca Huế

Đêm B'lao khói sương huyền ảo
Ngồi nghe em ca Huế dưới trăng
Ơi làn điệu nam ai áo nâu
Đau xé lòng công chúa Huyền Trân

Ơi giọng em như mía lau ngọt lịm
Ru anh về sông nước Hương Giang
Cầu Trường Tiền thiết tha màu áo tím
Nên đi xa ngàn dặm vẫn mơ màng

Ơi điệu mái nhì da diết tình quê
Nhịp chèo khua đôi bờ hữu ngạn
Người tha hương bỗng muốn quay về
Đi dưới hàng sấu đông thoáng mùa hương cốm

À... ơ.. hờ... “Đi mô cho thiếp đi cùng”
Câu hò ấy suốt đời anh nhớ mãi
Mẹ đã ru anh một thời thơ dại
Nay nghe em hò lòng bỗng rưng rưng!

“Đói no thiếp chịu lạnh lòng thiếp cam”
Ơi chung thủy tình yêu của Huế

Nên dẫu cuộc đời trải bao dâu bể
Vẫn chảy trong tim một sắc lửa trầm

Đêm B'laو khói sương huyền ảo
Ngồi nghe em ca Huế dưới trăng
Ơi giọng em hồ lung linh sóng nước
Ru hồn anh thức ngủ miên man!

B'laو 16.03.2001

Lữ Kiều

Trên đồi là lô cốt

PHÍA TÂY THÀNH PHỐ HUẾ CÓ MỘT NGỌN ĐỒI không cao lắm. Trên đồi có một cái lô cốt bỏ hoang. Trên mặt lô cốt thì có những hòn đá, hòn sỏi mà tụi con nít leo lên chơi bỏ lại. Những hòn đá nằm vô tội và hòa bình hết sức. Tôi chỉ cho người con gái đi cạnh tôi xem những viên đá ấy, nàng không để ý, chỉ băng khuâng hỏi:

- Lúc trước, mấy người ở trong lô cốt chắc nóng lắm...

Một lần khác, tôi thấy một họa sĩ đặt giá vẽ lên mặt lô cốt. Ông ta còn trẻ và muốn vẽ dòng sông dưới chân đồi. Tôi nói: “Đẹp”. Ông trả lời: “Đẹp”. Thật ra, ông không có cái dáng nghệ sĩ lắm. Tôi tin là ông hoàn toàn không để tâm thắc mắc đến sinh hoạt của những người đã sống trong lô cốt này.

*

Ở Huế, tôi phải gọi những em gái của cha tôi là O. Ở Bắc thì Cô. Ở Nam, người ta lẫn lộn cô với thím. Trong liên lạc ấy, tôi phải gọi người con gái đi cạnh tôi trên đồi là O. Căn nhà O ở nằm bên một con đường vắng. Ở Huế, phần nhiều những con đường đều vắng như vậy. Tôi biết O đã lớn lên nơi đây, bên con đường này, thở không khí này. Tôi biết O mười bảy tuổi, học lớp đệ nhị trường Đồng Khánh, ban vạn vật... Tôi biết đã bao năm, O mỗi

ngày đạp chiếc xe đạp con gái sơn trắng, qua trường rồi trở về, đều đặn trên con đường yên tĩnh. Tôi còn biết O chưa hề yêu một người con trai nào. Sự nhận biết sau cùng này òa vỡ trong tôi những xúc động nửa băng quơ, nửa cấp thiết.

Làm sao và làm sao giải nghĩa điều đó, làm sao cắt nghĩa được sự kiện người con gái mười bảy tuổi, lớn lên nơi đây, không hề nghĩ đến một người trai? Nhất là khi người con gái đẹp. Những đêm dạo chơi với những người bạn dưới vòm trời đầy sao, đi ngang nhà O, tôi vẫn có thói quen ngó vào để nhìn khuôn cửa mở rộng, ánh đèn sáng xanh, và bóng O ngồi dưới ánh đèn ấy. Đẹp. O ngồi trước bàn học, hai tay bình yên nắm cuốn vở, mái tóc đen ôm lấy vai, khuôn mặt cúi xuống, hai bờ vai mảnh dẻ, gầy đến xót xa. Tôi nghĩ rằng không còn hình ảnh nào thủ phạm hơn hình ảnh một người con gái ngồi một mình dưới ánh đèn. Dáng người của O làm tôi có cảm tưởng O đang buồn trong khi tôi hiểu rằng O không hay buồn. Nhưng ở O có một cái gì ngăn cách O với thế giới bên ngoài khuôn cửa kia, ánh đèn trắng xanh kia. Trong thế giới của O có một cái gì bình yên và trầm tĩnh, cái gì đơn độc và quạnh hiu, những cái ấy vậy bọc lấy dáng bé nhỏ của người O.

Nhìn O, tôi vẫn thường mang cái cảm giác se sắt. Tôi định nói điều ấy với O, nhưng tôi biết là không thể nào nói được. O thường ở nhà và ít bạn. O có đôi mắt to và đen. Tôi nói với O rằng đôi mắt O đẹp lắm. O cười ngưỡng ngưỡng và nói rằng O không thích tôi nói như vậy. O có cái dáng thản nhiên và bình yên lạ lùng. Không bao giờ tôi thấy O hốt hoảng hay mất bình tĩnh. Khuôn mặt O không hề biểu tỏ một biến động tình cảm

nào, nhưng tôi biết O chưa hề nghĩ đến một người con trai, phải tôi biết, O mười bảy tuổi và chưa hề nghĩ đến một người con trai. Đáng bình yên của O nói lên điều đó. Thật ra có thể tôi nhầm. Nhưng tôi không hề nghĩ như vậy.

Những ngày trời mưa, trời nắng, những ngày mùa thu, mùa xuân, mọi sự đều trôi qua bên cạnh O hay chính O trôi bên cạnh mọi sự. Cái sinh hoạt đầy biến động của tuổi trẻ hoàn toàn xa vắng trên khuôn mặt O. Mỗi lần nhìn O, tôi muốn hòa đồng vào cái thế giới của O để quên đi những cái đang ở trong tầm tay và ngoài tầm tay mình.

O rất ít nói. Tôi vẫn thường sang thăm O những buổi sáng chủ nhật. Bấy giờ nắng trên những cánh cửa màu xanh, O ngồi bên cạnh tôi. O có mái tóc thể đẹp hết sức. Những người con gái Huế thường có mái tóc ấy. Những sợi tóc đen và mềm làm tôi mang cái ước muốn lồng mười ngón tay dài của mình trong rừng tóc ấy. Đôi lúc tôi làm điều tôi muốn. Tôi thấy những ngón tay mình phàm phu vô cùng. Còn O, những lần đó, O chỉ khẽ gỡ tay tôi ra và nói với tôi là O không thích tôi làm như vậy, tóc O sẽ rối lên.

O hay ngồi im lặng nghe tôi nói chuyện. Bao giờ tôi cũng có nhiều chuyện để kể với O. Tôi vẫn thường mang cảm tưởng rằng nói được với O, tôi sẽ đỡ khổ sở một mình. Có nhiều điều tôi nói ra mà biết là O không hiểu. Có nhiều điều tôi bịa. Nhờ O, tôi được nói một mình mà không cảm thấy độc thoại. O không bao giờ hỏi. O không tò mò. O chỉ ngồi và nghe. Thỉnh thoảng O cười. Còn tôi thì thích vừa nói vừa được nắm lấy bàn tay O. Bàn tay bình yên và hiền dịu, vô tội và con gái. Tôi nói với O

rằng tôi biết nhiều người con gái, nhưng không ai có bàn tay thánh thiện như O. O chỉ khê cườì và rút tay lại.

Thành phố Huế hiện ra trên O. Nên tôi nghĩ khi xa Huế, mỗi lần nhớ đến thành phố cũ, tôi sẽ nhớ đến O. Cũng như mỗi lần nhớ đến O, tôi sẽ nhớ Huế. Nhớ lắm.

*

Tôi biết rằng thế nào mình cũng xa Huế. Tôi đã lớn lên nơi đây, đã thuộc lớp người thân yêu của thành phố, nhưng thế nào tôi cũng phải đi. Thế nào cũng phải chia tay. Phải rút khỏi những ràng buộc với sinh hoạt thường ngày và quen thuộc này. Phải nhận lấy đổi thay. Phải chọn lựa. Phải tham dự. Những bạn tôi đã ra đi. Một tên lái phi cơ viết thư về kể cho tôi nghe rằng y bắt đầu được dự vào những chuyến bay đêm. Y nói đến những vì sao trên trời và bảo rằng mỗi lần nhìn thấy vì sao hôm, y lại nhớ Huế hết sức. Một tên trấn đóng một cái đồn ở vùng Cao nguyên kể chuyện các cô gái Thượng và mơ ước nhìn lại những mái tóc thề. Nhiều tên nữa. Đứa nào cũng nói là nhớ Huế, nhớ Huế, nhớ Huế lắm.

Tôi viết cho chúng nó: *“Hạnh phúc cho chúng ta còn có một quê hương để nhớ đến.”* Tôi biết những người ở đây khi đi xa, bao giờ cũng mang sau lưng những ràng buộc dai dẳng với thành phố cũ. Trong cái vẻ bình yên và an nghỉ của Huế vẫn có một cái gì đang phấp phồng, nôn nóng, lo âu, chờ đợi. Kẻ ở xa, mỗi lần nhớ đến cái dáng ấy, không thể nào bình tâm được.

Những ngày mùa hạ này, tôi thường đi một mình qua rất nhiều con đường của thành phố. Đi từ Đập Đá, theo đường Lê Lợi, dọc theo sông An Cựu rồi lên Núi Ngự.

Nhìn xuống: thành phố nhỏ vô cùng! Qua Thành Nội vào Tây Lộc đi dọc theo thành, trở ra con phố nhỏ với hai dãy phố không bao giờ đổi thay. Góc phố đó, cửa hàng đó, vẽ bày biện đó và những khuôn mặt đó. Huế có một bề ngoài nhàn nhã. Rất nhiều, rất nhiều người đi xe đạp, đi bộ trên hè phố, để nhìn nhau, cái nhìn ám tàng ý nghĩa nhận biết và quen thân. Chỉ những người của thành phố này mới nhìn nhau kiểu như vậy. Cái nhìn vừa phải, không lãnh đạm cũng không vồn vã. Nó chỉ nói lên điều này: Chúng ta là dân Huế.

Huế như thế đó. Ai đi xa mà không nhớ. Nhưng tôi phải đi. Sự nuông chiều của thành phố làm tôi bé nhỏ mãi. Tôi phải lớn lên. Phải sống đúng kích thước của mình. Nằm trong lòng Huế, tôi an toàn với những giấc ngủ bình yên, không một tiếng súng ở xa. Không một tiếng thét dữ dội nào. Nhưng tôi không thể làm kẻ ở lại khi các bè bạn đồng lứa đã ra đi, tôi biết mình không có quyền nằm ngủ những giấc bình yên. Tôi được tin nhiều người bạn đã chết và bị thương trong những cuộc hành quân vùng Hậu Giang. Tôi biết thế hệ mình chưa thể an nghỉ trong niềm vui nhỏ của con phố nhỏ. Tôi phải đi. Để khỏi cảm thấy mình ở cái vị trí không thể khinh ai nên chỉ biết khinh chính mình. Tôi phải đi.

Tôi muốn cắt nghĩa với O dài dòng hơn về những điều đó. Nhưng tôi biết O mười bảy tuổi, lớn lên bên con đường vắng vẻ này, chưa hề yêu một người con trai, làm sao và làm sao O hiểu được.

Nên trong những ngày cuối cùng ở lại với Huế, tôi rủ O đạp xe lên ngọn đồi phía tây thành phố,
Dưới đồi là nghĩa địa dòng họ chúng tôi. Khi tôi và O lên đó thì trời đã chiều. Bấy giờ O ngồi xuống cạnh mộ cha,

nét mặt nghiêm nghị và ngơ ngác. Tôi nhìn O và thấy thương O vô cùng. O không còn là O nữa, O hiện ra dưới mắt tôi như một người con gái mười bảy tuổi, đẹp thùy mị, ngồi bên mộ người thân, người con gái mặc áo lụa trắng, và nắn trên tóc nàng, trên cái nón để ngửa cạnh nàng. Nàng nói sao ở đây buồn và vắng. Tôi cười. Nàng gương cười theo, vừa lấy tay khoác những sợi tóc vướng trên vùng trán đầm mồ hôi. Nàng nói đạp xe lên những cái dốc vừa rồi, nàng mệt lắm vì chưa khi nào nàng đi chơi xa thế này.

Tôi ngồi yên lặng ngó lên bầu trời và ngạc nhiên thấy trời xanh. Tôi nhìn lên đồi, lên con đường cong queo dẫn lên đồi và trông thấy cái lô cốt sừng sững trên ấy. Cái lô cốt bỏ hoang từ hồi đình chiến. Bao lần tôi nhìn nó, và lần nào cái vẻ hoang tàn của nó cũng làm tôi xúc động. Tôi rủ O khóa hai chiếc xe đạp lại đây rồi chạy lên đồi chơi. O cười nhỏ nhẹ và gật đầu.

Tôi đi cạnh O lên đồi. Gió thổi làm áo O bay. Dạo trước, khi còn đông đủ, tôi với những tên bạn thỉnh thoảng lên đây vào buổi chiều. Bây giờ thì đứa ở xa, đứa thì đã mất. Tôi nghe thức dậy trong lòng chút hạnh phúc nhỏ của người ở lại trở về nơi cũ. Mà bên cạnh thì còn có một người con gái đẹp. Tuổi trẻ, có những lúc, chỉ ước mơ có thế.

Tiếng O thoảng bên tai tôi, ấm và nhẹ:

- Hoa chi đây ?

- Hoa dại...

- Đẹp.

O cúi xuống ngắt mấy cánh hoa. Cái lưng thon dài của O thật dịu mát. O đưa cho tôi xem mấy cái hoa trắng, cười bằng mắt. Tôi hỏi O có thích hoa màu tím không. O ngạc

nhiên hỏi tại sao tôi hỏi vậy. Tôi nói rằng những người con gái Huế phần đông thích màu tím. O khẽ cười và không nói gì cả.

Khi đứng trên đồi, tôi nhìn thấy cái lô cốt, và nhìn dòng sông ở dưới. O cùng đứng bên tôi, nhìn lô cốt và nhìn dòng sông ở dưới. Nhìn trên sông. Tự nhiên, tôi thấy lòng se sắt và muốn kể cho O nghe chuyện về cái lô cốt này. Nhưng tôi không nói gì. Chúng tôi đứng yên lặng bên nhau thật lâu. Ngọn đồi vắng. Cỏ thì đầy cả bóng chiều, chạy dài xuống chân đồi. Tôi nhìn từ những ngón tay hiền từ của O lồng trong nắng. Tôi muốn nắm chặt lấy, nhưng O ở bên tôi, trong trắng vô cùng, thánh thiện vô cùng, nên tôi không dám làm cái cử chỉ phạm phu ấy.

*

Người ta thường bảo rằng con sông ở Huế đẹp, thật ra, con sông còn quyến rũ. Đẹp chưa đủ. Con sông như cánh tay với dãy núi lam xa xôi. Con sông như một tiếng gọi tha thiết và nhỏ nhẹ. Như giọng nói của những người con gái Huế. Nghĩa là quyến rũ lắm. Vào mỗi chiều, đạp xe qua cầu Bạch Hổ, nhìn dòng sông và dãy núi, tôi thường bị xúc động trước vẻ đẹp tràn lan của con sông. Xa Huế, nhớ sông, chắc tôi sẽ nhớ đến hình ảnh ấy. Cầu Bạch Hổ sơn đen, dùng cho những chuyến tàu chạy qua. Đứng trên cầu, cái nhìn tôi rộng và bao quát. Nhìn lên: núi. Nhìn xuống: cột cờ, cầu Tràng Tiền trắng long lanh, tàng cây rậm rạp của công viên. Hôm ở trên đồi trở về, O với tôi dừng lại trên cầu. Cầu bấy giờ vắng. Tự nhiên O quay sang nhìn tôi và khẽ nói với tôi rằng tôi đi, O sẽ buồn và nhớ. Nói xong O cười thèn thẹn và dục tôi đạp

về.

Những ngày cuối cùng tôi ở lại với Huế, trời nhiều mây. Tôi đạp xe lên cầu Bạch Hổ một mình, đứng nhìn con sông lam và dự tính cho ngày sắp đến... Tôi không biết phải làm gì cho hết mấy ngày còn lại. Tôi nghĩ đến một cánh huệ trắng cắm vào chiếc bình hồng. Tôi muốn sang thăm O lần cuối với cánh huệ trắng ấy... Người gác cầu quen biết thấy tôi đứng tần ngần, tới gọi chuyện. Ông ta kể cho tôi nghe về tai nạn vừa xảy ra trên cầu này. Nạn nhân là một người con gái. Ông ta chỉ cho tôi xem vũng máu người ta quét chưa sạch, bây giờ khô lại. Tôi tự nhiên thấy ghen ngào trong một niềm giận dữ vô cớ. Tôi nghĩ rằng mỗi người không có thẩm quyền về sự sinh ra thì ít nhất cũng có quyền về cái chết của mình. Tôi đạp về, không muốn nhìn dòng sông lâu hơn, và cảm thấy khuôn mặt mình nửa khô hài, nửa bi đát. Tôi hay có những xúc động trẻ thơ như vậy. Và lấy đó làm ngượng lắm.

Tôi không ngờ người con gái bất hạnh trên cầu là O. O trở về nhà sau buổi học, có những tên con trai theo chọc ghẹo, O luống cuống đâm vào chiếc xe nhà binh. Khi tôi về nhà, người em của O kể cho tôi nghe những điều đó, vừa khóc. Tôi lên bệnh viện thăm O. Bây giờ trời bắt đầu tối. O bị thương nặng và chưa tỉnh. Tôi chỉ được nhìn O xa xa... Người y tá chưa cho vào thăm. Đêm về, tôi thức trắng, hút những liều thuốc, thở khói ra cửa sổ, nghĩ đến cánh hoa trắng, đến những ngày đã qua. O mười bảy tuổi...

Sáng lại, tôi đến thăm O. Nằm trên hành lang bệnh viện. O nằm trên giường, xanh xao, ngó tôi, gượng cười. Tôi đến ngồi đầu giường, nhìn O, không nói gì cả. Người

ta phủ lên mình O một lần chăn trắng. Mái tóc đen dịu mát của O xoa trên mặt gối. Đôi vú bé nhỏ của O mong manh một cách tội nghiệp dưới lần chăn mỏng. Tôi nắm lấy tay O. Bàn tay mềm và lạnh. Một lát thấy những ngón tay O vút vào tay tôi. Tôi khổ sở hết sức. Lần đầu tôi muốn khóc vì O. Tờ sờ tay lên tóc O, cười buồn bã. O gương cười, đôi mắt long lanh. Tôi không nói gì và hôn thật nhẹ lên trán O. O thở đều đều. Tôi biết có những đôi mắt đang nhìn tôi và O. Tôi đặt môi lên tay O, muốn nói một lời nhưng không tìm ra lời mà nói. Tôi biết O mười bảy tuổi và chưa hề ai hôn lên đôi môi trinh trắng của O...

Buổi trưa O kiệt sức. Buổi chiều thì người con gái ấy qua đời. Buổi tối, tôi một mình lên cầu Tràng Tiền, dừng lại giữa cầu nhìn lên vòm trời đầy sao. Ánh trăng thượng tuần vàng và rầu rĩ. Một khoảng trống trước mặt. Và thành phố cũng bắt đầu tuột khỏi vòng tay. Lần đầu, tôi mang cảm tưởng hai dãy phố đứng dậy đuổi tôi ra khỏi ngõ.

*

Đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố Huế. Tôi biết sẽ còn nhiều đứa trẻ leo lên đó chơi và để lại những viên sỏi. Tôi biết sẽ còn có nhiều họa sĩ mang giá vẽ lên đó để vẽ dòng sông dưới chân đồi. Nhưng tôi biết ít người thắc mắc như O, thắc mắc không biết những người lúc trước sống trong cái ô cốt này có nóng không. Bây giờ O không còn. Tôi chẳng biết kể với ai chuyện muốn kể. Mà thật ra, chuyện vô duyên và không có gì. Đó là điểm làm tôi

ngại ngần. Nếu O còn, chắc O cũng đồng ý với tôi. Chuyện đã xưa, đã thuộc về cái thời đã qua, đã chìm trong trí nghĩ của mọi người. Cái gì rồi cũng trôi qua. Điều bí ẩn có những lúc thức tỉnh, chúng ta ý thức sáng suốt điều đó và không làm chi được.

Chuyện rằng hồi gần đình chiến – năm 1954 – trong lô cốt này có năm người lính và một hạ sĩ quan. Đêm đình chiến cả sáu người bị giết. Người ta tàn sát sáu người để chiếm lấy những khẩu súng vô tri. Không ai nghe một tiếng súng vì người ta giết sáu người bất hạnh ấy bằng dao găm và lưỡi lê. Cố nhiên sự việc xảy ra trước nửa đêm, giờ đình chiến. Sáng lại, người ta thấy sáu cái xác còn tươi. Riêng tôi, tôi thấy có một cái gì ám muội trong ấy. Tôi tự hỏi biết đâu cuộc tàn sát không xảy ra sau giờ đình chiến, sau giờ mà những người trong lô cốt chợt thấy an toàn không cần phòng vệ? Chuyện chỉ có vậy. Chiến tranh thì có lắm chuyện đáng ghê sợ hơn thế. Tôi biết rằng rồi không ai nhớ đến chuyện ấy nữa. Kể cả tôi. Phải, cái gì rồi cũng phải qua đi! Như cái chết của O sẽ nguôi quên trong trí mọi người. Không ai còn nhớ một người con gái sống mười bảy năm nơi đây, bên con đường này, thở không khí này, chưa hề có một tình yêu, và chết đi. Không ai còn nhớ một người con gái ngày hai buổi đạp xe đi về, đêm ngồi dưới ánh đèn trắng lạnh, hai tay nắm cuốn vở, hai vai gầy đến xót xa...

Cái gì rồi cũng sẽ trôi qua, như tuổi trẻ của mỗi người rồi sẽ mất. Phải, đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe, chuyện về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố. Cũng như đáng lẽ tôi phải hiểu là tôi yêu O, yêu O từ lâu rồi.

Trên Đồi Là Lô Cốt của Lữ Kiều, chúng tôi đã đi trên TQBT

14. Nhưng vì lý do kỹ thuật, cho nên đi còn thiếu đoạn văn cuối của bài. Nay chúng tôi đi lại đầy đủ trong số này (TQBT 15). Thành thật xin lỗi tác giả và độc giả của TQBT.

Đỗ Hồng Ngọc

Giỗ một dòng sông

Cho LN,

Sông ơi cứ chảy
Chảy về biển khơi
Cứ chảy về trời
Cứ thành suối ngọt
Cứ thành thác cao
Cứ âm ào đổ
Cứ thành mây bay...

Sông ơi cứ chảy
Chảy khắp châu thân
Chảy tràn ra mắt
Chảy vùi bên tai
Dòng sông không tắt
Dòng sông chảy hoài...

Vòm xanh

Tặng Đ.

Lọt tằm giữa vô vàn
Sặc sỡ và đầy ắp
Ồn ào và vo ve
Nhộn nhịp và nhể nhại...

Chàng thi sĩ
Co rúm người lại

Trong chiếc áo khoác màu đen
Như từ trời rơi xuống

Những cọng râu rời rạc
Khuôn mặt gầy gò
Gần muốn bạc
Chàng thi sĩ tự đốt mình
Để khói lửa trong mắt

Chàng thi sĩ
Không biết phải giận ai
Chỉ gặm nhấm mình
Cho bỏ ghét

Còn lại chút trời xanh
Trên vòm xanh biếc.

Nguyễn Phan Thịnh

Chim hoa

một con chim nhỏ bay đi
một đàn chim nhỏ bay về tình mơ
chim đi cuối một phương mờ
chim về hoa nở bốn bờ ngát hương

bốn bờ trời đất lạ thường
chim ca vang một cõi đường lặng thình
lặng thình là tuyệt của tình
là ta tịch mịch
là mình ngâm tẩm

chim bay khuyết một tuần trăng
chim bay mang một mùa rằm ra đi
một đàn chim nhỏ bay về
tình mơ hoa nở bốn bề ngát hương

bốn bề trời đất lạ thường
lạ thường trời đất
bình thường chim hoa
chim là mộng của lòng ta
mình là hoa nở và ta đất trời

mộng về mộng ở mình thôi
chim ca một khúc tim người vang vang
chim bay cánh rộng thênh thang
hoa trời đất nở dặm ngàn một quê

chim đi ta chẳng bay đi
chim về ta cũng chẳng về nơi đâu
trong ta hoa một nụ sầu
tươi hăng hà đóa bữa nào mơ trắng

một con chim nhỏ thời gian
một đàn chim nhỏ không gian
mới là
bay gần rồi lại bay xa
bay xa rồi lại bay qua lối về

mình ơi
mình ở đừng về
mình về cũng ở bốn bề dặm hoa !

Giữa trang sách cũ

giữa trang sách nhiều năm cũ
cánh hoa khô ép đã quên
từ năm tháng quên ở nơi
cũng quên một thuở lãng quên

xác hoa trắng màu thiên sứ
trình tuyên huyền bí mong manh
vẫn một mùi hương xao xuyến
của một tên gọi không đành

thời gian như một ánh chớp
một tiếng sét rồi lặng im
vẫn một bài ca dịu êm

hoa ngọc lan đêm lừng hương

à sau bao nhiêu tang thương
điều tàn những số kiếp khao
khát được sống lãng quên như
những trang sách ngủ rất im

cánh hoa trắng khô vẫn thức
ấp ủ hương qua thăng trầm
và thoáng lùa là dáng ngọc
bên cây già động lá thơm...

8/7/03

Ga đời

hai đường sắt song song
bên nhau chia lìa mãi
sân ga một người đợi
và một người bẻ ghi,

không ai nói điều gì
trong chiều mưa gió tạt
những toa tàu lao qua
đen ngòm vang rên siết,

sau ô cửa mắt cáo
những mặt người úa vàng
sáng buốt lên ánh mắt
trong toa tàu lăm than,

không ai nói lời gì
trong chiều mưa gió tạt
sân ga một người đợi
không người đến người đi,

hai đường sắt song song
bên nhau chia lìa mãi
với nhau chung cuộc đời
cô đơn cho đến chết,

những toa tàu lao đi
như quái vật thỏa thích
khạc khói um châu trời
hành trình không tăm tích,

chiều mưa rơi mưa rơi
sân ga một người đợi
hai đường sắt song song
song song song song mãi...

26/8/2000

Nguyễn Nhung

Người lính già trên chuyến tàu đêm

CON TÀU CHUYỂN MÌNH RA KHỎI GA HÒA Hưng vào lúc hoàng hôn, đuổi theo là những mảng mây tím trên nền trời. Sài Gòn nằm lại đằng sau với phố phường rực rỡ ánh đèn, xe cộ chen nhau trên đường phố, nóng và bụi khiến con người tưởng như đang chìm đắm trong bầu không khí đặc quánh đầy ô nhiễm.

Hơn mười năm trở lại quê nhà, lúc bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất, buổi xế trưa trời nóng bức, không khí ngột ngạt, ông Bảo lặng lẽ nối đuôi sau đám hành khách đang lục tục xếp hàng làm thủ tục hải quan, mồ hôi vã ra đầy người. Người về lặng lẽ chờ, cảm giác có nôn nao nhưng không láo nháo bằng đám người nhà đang đứng ở phía ngoài chờ đợi thân nhân. Khi ngồi trên chiếc taxi chạy ra khỏi phi trường, ông Bảo mới ngỡ ngàng nhìn một Sài Gòn thay hình đổi dạng. Sài Gòn đây rồi, hơn mười năm biến biệt vắng xa, ông Bảo cố tìm lại vài nơi chốn quen ngày xưa khi chiếc xe tắc xi cố len lỏi chạy trong dòng xe đầy nghẹt trên đường phố.

Thay đổi nhiều, nhưng ông Bảo không phải về để tìm điều gì trong cái thành phố diện tích chật chội với tám triệu người dân đang chen chúc nhau gần như không có không khí để thở. Ông chỉ lướt qua Sài Gòn, rồi về nghỉ ở nhà bà con vùng ngoại ô thành phố, chờ chuyến xe lửa ra Trung, ở đó có bà mẹ già của ông đang thôi thóp những ngày cuối đời chờ đứa con xa trở về.

Đã quen với những xa lộ thênh thang của nước Mỹ, những khu nhà ở cách xa nhau nằm ẩn mình sau những bóng cây xanh, phố xá cũng ít bộ hành trên đường phố, ông Bảo cảm thấy hơi ngộp thở trước cái nóng, cái bụi, cái ngột ngạt của một Sài Gòn đang chuyển mình để ngoi lên với những đô thị lớn trên thế giới.

Hồi xưa ông ít khi có dịp về Sài Gòn, bởi thế với ông sự thay đổi ấy không làm ông choáng ngợp bao nhiêu. Mười hai năm ở quê người, mỗi lần nhớ về quê hương, trong óc ông hỗn độn nhiều hình ảnh khắp ba miền đất nước, nhưng quả đáng tội, hồi niên thiếu ông đã sống ở miền Trung, dải đất nghèo nhất trong ba miền Trung Nam Bắc, nó đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng ông, dù ông được sinh ra ở miền Bắc.

oOo

Trời đã dần tối, những vị sao giờ này mới nhấp nháy trên nền trời tối thẫm như nhung. Bỏ lại Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, thành phố ánh sáng của những người giàu và là nơi trú ẩn cho những người nghèo trong những hẻm hóc tối tăm không bình yên. Nơi nào cũng vậy, ở Mỹ người ta vẫn có thể bắt gặp được những hình ảnh tương phản của sự nghèo giàu, nhưng không quá chênh lệch như ở Việt Nam. Chẳng cần nhìn đâu xa, ngay trên chuyến tàu này, những người như ông từ nước ngoài về, những du khách ngoại quốc muốn tìm cảm giác của chuyến tàu đêm, hoặc những người thành phần khá giả ở trong nước thường vẫn kiếm một chỗ khá đầy đủ tiện nghi trên xe lửa. Còn ở những toa tàu ngồi, ông thấy trên khoảng trống của hai hàng ghế ngồi, lổn nhổn những

chân cảng và hành lý ngổn ngang, người đi tàu đang thu dọn để tìm một chỗ nghỉ lưng suốt đoạn đường dài ra Trung, Bắc. Toa ông ở có bốn người, hai anh Tây ba lô đi du lịch Việt Nam, một người Việt có vẻ thuộc hạng khấm khá về thăm nhà ngoài Trung. Khi vào phòng, mỗi người chỉ gật đầu mỉm cười với nhau rồi tìm chỗ của mình. Chiếc giường nệm trắng toát, có bàn để ngồi uống trà, vài cuốn quảng cáo về du lịch để trên mặt bàn, ông bỗng nghe tiếng nhạc đặt đều vang lên, có lẽ từ lúc chuyển tàu đêm chuyển bánh mà ông không để ý.

Quái lạ! Bản nhạc "Tàu Đêm Năm Cũ" được một cô ca sĩ có giọng trầm buồn vẫn lờng lờng vang lên trên chuyển tàu đêm ra miền Trung, khiến ông bàng hoàng lắng đi một chút khi nghĩ về những cảnh chia ly trên sân ga hiu hắt ánh đèn mờ, ở những thập niên trước khi chiến tranh còn đang sôi sục.

"Trời đêm dần tàn, tôi đến sân ga nơi tiễn người trai lính về ngàn, tàu cũ năm xưa mang về trả cho tôi người xưa..."

Thốt nhiên, ông nghe mắt mình nặng nặng, cảm giác những chuyển tàu đêm năm cũ hồi ông còn là một người lính bỗng ào ạt trở lại, như là ông lại một lần nữa nhìn thấy bóng dáng người lính năm xưa, bùi ngùi nắm tay người yêu trước giờ chia biệt, và tiếng còi tàu, ôi tiếng còi tàu sao lúc ấy nó nào nùng như hồi kèn truy điệu. Ông vội nhắm mắt lại để đừng nghĩ gì nữa. Chung quanh ông còn lại gì, chập chờn ảo giác của những hình xưa trở lại. Không, ông vẫn đứng đây, bên khung cửa sổ của toa tàu hạng nhất, tóc đã bạc, đôi mắt đã xụp mí khi về già, nhìn mãi miết vào bóng đêm mịt mùng để tìm lại những hình bóng cũ.

Con tàu tăng tốc độ, ông không nhìn rõ gì lắm, chỉ nghe vù vù tiếng gió đêm thổi bạt hai bên tai. Có lẽ sau hai tiếng đồng hồ hay hơn một chút, ông lại thấy con tàu đi vào khu thành phố rực ánh đèn. Khung cửa sổ của toa tàu khá rộng, hai người Tây ba lô đang nhai mỗi anh một ổ bánh mì thịt, vừa rù rì nói chuyện, người đàn ông Việt Nam cùng phòng cũng đứng ở đó từ bao giờ, ngắm cảnh lên xuống ở sân ga. Ông quay sang người bạn đồng hành hỏi trống:

" Đây là đâu nhỉ?"

Ông ta cũng trả lời trống không, giọng miền Bắc:

" Tối Long Khánh rồi". Rồi nhìn đồng hồ ông ta tiếp:

" Hơn chín giờ. Ông về đâu?"

" Tôi ra Quảng Ngãi."

Ông trả lời vắn tắt. Người khách tò mò hỏi thêm:

" Ông ở nước ngoài về?"

Ông lắc đầu, nói " Không, không". Có gì chứng minh được ông là người xa quê mới về thăm nhà, bộ quần áo tầm thường khiến ông trông giống một người lính già phục viên hơn là một ông Việt Kiều. Mà ông chính là người lính già về thăm quê thật, cho là có cái lằn Nam Bắc nằm chình ình ngay chính giữa, thì ông vẫn chỉ là một người lính già không hơn không kém.

Bốn chữ "Nhà Ga Long Khánh" lộng lẫy đóng khung trong những bóng đèn xanh đỏ đập vào mắt ông, khiến ông chợt buồn rầu khi nhớ rằng có một thời vợ ông đã vất vả đi lên đi xuống cái sân ga này. Từ đây đi thêm một cuộc xe " Lam" nữa, cách thị xã khoảng mười cây số. Hai bên đường là những làng mạc của dân di cư miền Bắc, đi khoảng 2 cây số là đã thấy nhà thờ. Chỗ đấy có một trại tù , ngày xưa vợ ông đã đi tìm chồng hú họa ở

cái địa chỉ mang những con số đầy bí ẩn và tối tăm như đời tù tội của ông.

Gần ba mươi năm trước, vợ ông đã giả dạng thành một người bán rong bán trái cây lặn lội lên Long Giao tìm chồng. Long Giao là căn cứ quân sự của sư đoàn 18 Bộ Binh để lại, một khu quân sự rộng lớn bao xung quanh những con đường đất đỏ bụi mù, sau này trồng chuối bạt ngàn xen lẫn với những vườn tiêu của dân địa phương, len lỏi vào khu vườn chuối là những con đường đất nóng bỏng.

Năm đầu ở Long Giao, vợ ông vẫn bỏ lũ con thơ ở nhà, đi tìm chồng với cái hy vọng mong manh là tìm được chồng trong đám đàn ông ngày ngày vác cuốc đi lao động xung quanh trại. Mỗi lần đi, bà lại quẩy trên vai một đôi gánh, dưới thúng đựng dăm thứ đồ ăn tiếp tế, trên chiếc mẹt ngụy trang vài thứ trái cây. Từ một khoảng xa đến hai lớp hàng rào kẽm gai, đám đàn ông thất trận ngừng tay cuốc ngóng mắt nhìn theo một đám phụ nữ dáng dấp thon thả đang lố nhố đứng ngoài khu vườn chuối ngó vào. Kẻ nhóng ra, người ngó vào, bụi và nắng nhấp nhóa nên khó nhận ra nhau, thỉnh thoảng đám phụ nữ trẻ lại mon men xấn vào gần hàng rào kẽm gai để được gần gũi hơn đám tù đang cuốc đất, lại bị đuổi ra xa như một bầy gà nhao nhác. Làm sao gần được em ơi, hai hàng rào kẽm gai với lại những cây súng kè kè như vậy, họ í ới gọi nhau hỏi chuyện. Lần ấy may mắn ông đã nhận ra vợ trong chiếc áo cánh trắng, trên đôi vai nhỏ bé là đôi đòn gánh mà ông không hiểu làm sao vợ ông lại có thể gánh được, khi từ bé đến lớn bà chưa hề biết gồng gánh là gì. "Cạn ao thì bèo xuống đất", ông thương vợ quá, nhưng cũng phải công nhận sự khéo léo

và nhấn nhọc của vợ trong thời buổi nhiều nhượng ấy. Chỉ lần ấy thôi vợ chồng nhìn thấy nhau để rồi ông lên đường ra Bắc. Đêm ấy khi ngồi trong chiếc xe bít bùng để đi xa, ông có nghe tiếng còi tàu. Tiếng còi rúc lên lạnh lùng như tiễn biệt, lòng ông quặn đau khi nghĩ đến vợ con. Sau này ông có nghe bà kể, nhà ở gần sân ga, chiều nào bà cũng tìm một nơi yên lặng để ngóng tiếng còi tàu, cứ hy vọng con tàu ấy sẽ là chuyến tàu đêm năm cũ trở về sân ga, có ông tàn tạ trở về với bà và lũ con. ... Mới đó mà gần ba mươi năm rồi. Mười ba năm trong tù, ông không quên. Giờ này khi tàu ngừng trên sân ga Long Khánh, ông vẫn nhớ cái khởi đầu của một cuộc hành trình mười ba năm ông bị bứt ra khỏi mái ấm gia đình. Hú vía, ông còn đây, thân hình có tiêu tụy nhưng vẫn còn đây, ông sờ vào hai lỗ tai lạnh để biết rằng mình vẫn còn đây, người tù mười ba năm vẫn còn đây, với những vết sẹo đã lành da vẫn ngứa ngáy một cách dị kỳ khi nhớ lại. . .

Sau thời gian dừng lại để khách lên khách xuống, con tàu lại rùng rùng chuyển bánh, ông để ý hể tàu đến tàu đi, đều có kèm theo một hồi còi rất dài, nó kêu tu tu trong đêm vắng, buồn thất ruột. Nhạc lại vang vang trong những cái loa gắn trên thân tàu, toàn những bản đã cũ:

"...Chiều nay có phải anh ra miền Trung, về thăm xứ mẹ cho em về cùng. Rồi ta sẽ đi chung chuyến tàu...".

Tiếng hát vang vang một âm điệu rộn rã, những bản nhạc một thời viết cho lính lại được sống lại trong chuyến tàu đêm. Giờ này ở đây chỉ có người lính già đi tìm quá khứ, dường như những người lính sống hay chết đã đồng loạt tử trận tháng Tư năm ấy. Ông rút một điếu

thuốc phì phà trong bóng tối, đốm lửa lập loè như lại làm sống dậy một thời trẻ tuổi. Con tàu trong đêm tối cứ băng mình lặng lẽ xập xình đi vào vùng biển mặn, hình như có mùi nước mắm biển Phan Thiết quện trong gió. Trong đêm tối, mắt ông không nhìn thấy gì vì cảnh vật mập mờ, nhưng ông đánh hơi được nơi chốn bằng khứu giác.

Tàu lại vào sân ga, người lên kẻ xuống, những người bán hàng rong và người đi tàu đang kỳ kèo trả giá những túi khô mực, những thùng nước mắm. Ông nhớ những lần nhậu thâu đêm suốt sáng với bạn bè, con khô nướng vôi và những chai bia 33 lăn lóc dưới gầm bàn, ngả nghiêng đi về với một vầng trăng khuya. Vậy mà không ngã, vẫn ngất ngưỡng đi về đến nơi đến chốn. Thời ấy hết rồi, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang chỉ là những nơi ghé vào ngắn hạn, nhưng ông nhớ hoài mùi biển mặn. Nhớ xa hơn một chút về biển, chuyến tàu Hải Quân cuối cùng từ bãi biển Đà Nẵng lui về phương Nam, hỗn loạn, chen lấn, quan không ra quan, quân chẳng ra quân, chuyến ấy ông mất sạch sành sanh, khi về đến Vũng Tàu mỗi người chỉ còn cái túi vải đeo trên vai, vài bộ quần áo, đúng là "trên răng, dưới ...dế". Ông nhớ ngày hôm ấy, chiếc xà lan quá tải ngả nghiêng trên mặt biển, người ta rơi lồm tồm xuống nước, chết vô số. Oi lại biển, kinh khủng lắm, hễ ném phải nước biển là ông lại nghĩ đến hương vị nước mắm, hai thứ ấy nó giống nhau lạ lùng.

Nha Trang biển đêm vẫn rì rào sóng vỗ, từ xa đã nghe được tiếng sóng, người được mùi biển mặn. Chỉ tiếc là lúc ấy đã khuya, ông không nhìn thấy gì bằng cách lại đánh hơi ra những nẻo đường quê hương bằng khứu giác, bằng đôi mắt lập lờ nhìn không rõ của tuổi già. Ông đi

vào giường nằm, nhưng không ngủ được. Chiếc giường nệm êm ái làm ông lại nhớ tới chuyến tàu về Nam cách đây trên hai mươi năm, ông và người bạn tù xa lạ kết tình " huynh đệ " nhờ chiếc còng gắn vào cổ tay hai người. Đêm tối, anh bạn tù bàn tay nhỏ nhắn, rút được cái tay ra khỏi còng, vì thế mà ông được giải thoát một chặng đường dài. Kỷ niệm ấy ông nhớ mãi. . . Bây giờ anh ta trôi dạt đâu nhỉ?

" Một đêm mùa hè, tôi đến sân ga đi đón người trai lính trở về. Tàu cũ đêm nay mang trả lại cho tôi người xưa. . . "

Giọng ca buồn buồn của cô ca sĩ vẫn nỉ non trên chiếc loa suốt đoạn đường dài, hình như tàu mỗi lúc một đi nhanh hơn khi ra ngoài vùng đồng quê, đã thấp thoáng những rừng dừa Tam Quan bạt ngàn để bước vào ranh giới tỉnh Bình Định. Bây giờ thì dường như trong ký ức của người lính già, kỷ niệm lần lượt trở về rõ mồn một. Khổ nỗi lại chỉ toàn những kỷ niệm thời chinh chiến, năm 72, nơi ấy những trận đánh ác liệt nhất đã diễn ra ở đây, trở ra những vùng khốc liệt như Sa Huỳnh, Đức Phổ, Mộ Đức. Đơn vị thám sát của ông toàn là những người lính tiên phong cảm tử đi vào miền đất chết, trước khi quân bạn được dàn trận đi đằng sau.

Trong bóng đêm mập mờ, mỗi một bến ga ông lại thấy mình gần gũi với kỷ niệm thời quân ngũ. Những địa danh gợi nhớ đến quay quắt từng vương rừng, từng hốc núi, từng ngọn đồi hay những trảng cỏ tranh cao hơn đầu người. Màu xanh của rừng dừa Tam Quan vẫn không là cảnh đẹp yên bình để người lính mơ mộng, nó rình rập nổi chết trong đó. Bồng Sơn, Quế Sơn, tên đẹp chi lạ mà đầy oan khiên của máu và nước mắt. Khoảng hai giờ

sáng là đến Sa Huỳnh, rằng núi biếc giờ này đã tối đen khi con tàu chui qua lòng núi càng đen kịt lại như mực, giá ban ngày ông đã có thể thấy những đồi cát, những mảng rừng thưa bông cỏ lau trắng xoá tiếp giáp để đi vào ranh giới Quảng Ngãi. Ngày xưa, ông đã mòn gót giày trên những vùng đất chỉ có những bom đạn và nỗi chết, những đồng cỏ lau trắng xoá buồn u uẩn như người goá phụ đôi mươi quấn chiếc khăn tang trên đầu.

Vẫn nghe như hơi gió biển thổi qua triền núi thấp, vẫn nghe như hằng nghìn âm thanh thì thầm của những hồn xưa sống dậy. Những ngôi sao sáng và một mảnh trăng khuya, ở những vùng hiu quạnh hình như nền trời bỗng sáng hơn. Ông dùng thêm ly cà phê đen để đầu óc được tỉnh táo, mắt ông cay xè vì thiếu ngủ nhiều đêm, nhưng vẫn không làm sao ngủ được. Gần ba mươi năm mới có một đêm như đêm nay, trở về những vùng đất thân yêu đã gắn liền với ông suốt thời trai trẻ. Trong khung cửa sổ của toa tàu chỉ có mình ông đứng đó, hai gã Tây ba lô đã ngủ say, còn người đàn ông Việt Nam kia chắc quá quen với đoạn đường này, ông nghe tiếng ngáy nho nhỏ vang lên trong buồng tàu.

Con tàu cứ lầm lũi băng mình trong đêm tối, thỉnh thoảng lại tu tu lên khóc. Nhất là ban đêm, giữa cảnh huyền hoặc của một nửa vầng trăng và những ngôi sao, gió thổi vù vù khi con tàu đi vào miền núi rừng miền Trung, ông gần như sống lại hoàn toàn cảm giác của đời lính thám sát nơi chiến trường miền Trung trên ba mươi năm về trước. Cảm giác lần này lạ hơn, có lẽ vì ám ảnh chuyện cũ, ông nhìn những cành cây lay động dưới ánh trăng mờ khi con tàu vùn vụt đi qua, mà cứ ngỡ là những cánh tay của bao linh hồn anh em đồng đội năm xưa,

đang vẫy tay đón ông về thăm chốn cũ. Thế giới vô hình làm sao hiểu được, nếu hiểu được người ta đã chẳng phải than khóc trước sự ra đi vĩnh viễn của người thân hay bè bạn.

Sa Huỳnh ơi! Ông nhớ quá đi thôi mặt trận đêm ấy, những người lính thám sát lầm lũi đi trong bóng tối, những ụ đất ngày xưa giờ đã xanh cỏ, những vạch đạn cứa vào bóng đêm ghim vào cây cỏ, vào thân thể người lính đang di động trong đêm, tiếng rên la của người lính bị thương đòi uống nước.

" Nước, cho xin hộp nước..."

Tiếng rên rỉ đau đớn và đứt đoạn của người đàn em bị trúng đạn đòi xin hộp nước giờ này hình như cứ vọng mãi trong đầu ông. Ông nhớ có những đêm hành quân trời mưa rét cóng, lúc hai bên im tiếng súng rút vào cố thủ, khi dừng quân ông được một người lính cần vụ đưa cho ly cà phê đựng trong chiếc ca sắt nóng hổi. Chưa bao giờ có một thứ cà phê nào ngon bằng hôm ấy, nó làm ông tỉnh táo và lòng ngập tràn tình thương yêu đồng đội, gắn bó với nhau trong nhiều khoảnh khắc chết sống của đời người. Ôi những ngày như thế, bạn bè ông, đồng đội của ông đã ra đi mà vẫn thêm rít một hơi thuốc cuối cùng, không biết ở cõi bên kia linh hồn họ có tìm lại được mùi cà phê, hơi thuốc lá như cõi dương gian này không?

Ở đây, khi cuộc hành quân tạm yên, ít nhiều gì đơn vị ông hay đơn vị bạn cũng bỏ lại rừng xanh những dòng máu đỏ, những bàn tay, cái chân cho cuộc chiến ấy, chưa kể có những người đã ra đi vào miền đất lạnh. Thiếu úy Kha, trung úy Điền, trung sĩ Nghiã, những người đàn em dễ thương mà ông còn nhớ, họ chết ở đây, trong đám

rừng đen đặc kia. Ông nhớ lúc ấy đã vét túi tìm gói thuốc " Quân tiếp Vụ", chỉ còn duy nhất một điếu cong queo, ông vuốt lại cho thẳng rồi gấn lên môi người đàn em bị thương nặng, làm món quà tiễn chân kẻ ra đi không bao giờ trở về. Điếu thuốc cuối cùng ấy là món quà quý dành cho người sắp chết, ông thèm lấm mà không dám hút. Ông giơ tay vuốt mắt cho người lính cùng đơn vị, mắt cũng cay xè. . .

Tiếng gió giữa canh trường qua rừng cây đen thẫm như tiếng reo của linh hồn những người đàn anh, đàn em năm cũ vọng u u trong đầu ông, ông thấy nước mắt mình trào ra ướt đầm trên má. Ông thò tay vào túi, gói thuốc còn nguyên, ông bóc gói thuốc rồi nâng lên trước mặt thì thầm nói một mình:

" Hút, hút đi các bạn, hút cho thoả trước khi để linh hồn tan vào cõi hư vô".

Ông ném từng điếu thuốc vào cái khối đen ngòm của rừng cây ven đường, không thét ra được khỏi lồng ngực phập phồng hai lá phổi héo, nhưng trong đầu ông lồng lộng :

" Hết chiến tranh rồi. Hết lâu rồi các bạn ơi! Thuốc đây, hút đi, hút đi rồi các bạn muốn đi đâu thì đi. Đừng ở lại đây nữa. . ."

Những điếu thuốc bay lả tả theo đường tàu, nước mắt ông cứ trào ra ướt đầm trên má, nhỏ giọt xuống trên thân áo. Vô tình hay cố ý, đêm nay ông về thăm lại chốn cũ, phong phanh chiếc áo sơ mi và chiếc quần màu ô liu, y như một người lính kỳ nghỉ phép về thăm nhà. Trong cái loa tiếng nhạc lại vang vang :

" Ngày tháng đợi chờ, tôi đến sân ga nơi tiễn người trai lính ngày nào. Tàu cũ năm xưa có trả lại cho tôi người

xưa, để đêm nay ngồi đây, viết lại tâm tình này. . ."

Ông bịt hai lỗ tai để đừng nghe âm thanh rên rỉ buồn buồn của bài hát lập đi lập lại trên chuyến tàu đêm. Tạm biệt các bạn thân quý của tôi, ba mươi năm gặp lại nhau như thế đủ rồi, khi ra đi đầu các bạn còn xanh, nay trở về đầu tôi đã bạc. Khác nhiều lắm rồi, những mỏm đất, những đồi cỏ, những rừng dầy, rừng thưa, đã phủ kín một màu xanh, cho quê hương thôi máu lửa. . .

Ba mươi năm sau cuộc chiến, người lính năm xưa đã hy sinh còn để lại những gì cho Tổ Quốc . Ngoài những vết sẹo kéo da non của người còn sống, ông Bảo chạnh nghĩ đến những thương binh đã lay lắt sống nốt đời mình trên vỉa hè thành phố, dựa dẫm vào vợ con để thành một gánh nặng buồn tẻ. Thế còn những đứa con của người tử sĩ thì sao? Trung uý Điền xuất thân trường Đà Lạt, khi chết trận bỏ lại người vợ trẻ và hai đứa con thơ, trung sĩ Nghĩa có một đứa con không biết là trai hay gái trong bụng vợ. Gia tài người lính để lại chỉ có chiếc ba lô, đựng dăm thứ lặt vặt cho những cuộc hành quân dài ngày nơi rừng núi, khi nằm xuống họ đã kéo theo sau lưng mình sự đổ vỡ, tan tác, rách nát, thảm thương của một hệ lụy máu thịt cùng chịu chung số phận. . .

oOo

Bình minh đã lên, ở miền nhiệt đới bình minh bao giờ cũng dậy sớm, chuyến tàu đi qua những quận lỵ cũ để vào thị xã. Lúc tàu đi ngang Phố Đức, Mộ Đức, lại những chiến trường xưa, những chiếc xe nhà binh năm cũ ở đâu trong đầu ông ào ào chở đầy lính đi vào vùng lửa đạn. Tàu ghé vào ga, những người bán dạo trên bến ga

mời chào í ới. Nhìn đĩa xôi gà trên tay một chú bé độ 12 tuổi, mà bé choắt vì phải ra đời sớm, ông gọi mua một đĩa xôi mà không cần trả giá. Người xứ Quảng rất ngộ, họ chỉ đem gà bán cho người xứ khác, chứ ít khi ăn vì họ bảo thịt gà độc, dễ bị phong thấp. Không biết chuyện ấy có đúng không, nhưng nhìn cậu bé 12 tuổi sáng sớm bụng trên tay mâm xôi đi bán dạo, cái đuôi gà vàng lươm được rô ti thật hấp dẫn, ông hiểu cái nghèo đè nặng trên đầu người dân. Ông ăn mà không biết ngon, chỉ ăn cho đỡ đói, để tìm hương vị cũ, niềm đau cũ. Chú bé bán xôi được ông cho một món tiền lớn gấp mười đĩa xôi gà, cứ đứng trân trân nhìn ông tưởng như là phép lạ đang xảy ra trên sân ga.

Nhìn làm gì em ơi, giá hơn mười năm trước tôi cũng làm gì dám ăn đĩa xôi gà trên tay em, chẳng phải thịt gà phong độc như dân địa phương thường nói, mà vì nghèo, cái nghèo là thứ quả báo lớn nhất mà ông Trời bắt con người phải chịu khi còn sống. Lúc này đầu óc ông tỉnh táo hơn, nôn nao hơn, vì ông sắp về tới gia đình, về với bà mẹ già vừa mù, vừa điếc, chưa chắc gì đã nhận ra con.

Người ta lại tấp nập lên tàu, xuống tàu. Ông ăn xong đĩa xôi, gọi một ly cà phê đá nhâm nhi nhìn kẻ lên người xuống, bỗng liên tưởng cuộc đời y hết một chuyến tàu, mà những người lính già như ông còn ngồi lại với nỗi buồn chiến tranh đọng lại trong mỗi hồi tưởng. Đêm qua khi đi ngang Sa Huỳnh lúc hai giờ sáng, hình như ông đã gặp lại bạn bè năm xưa trở về, họ là những người đã xuống tàu ba mươi năm trước. Ba mươi năm sau trên chuyến tàu đời, những lớp người đi sau như thằng bé bán xôi, cô bé đáng học trò ngồi bán cà phê ở toa ăn uống là

lớp người sau lên tàu muộn . Bây giờ nếu ông kể chuyện cũ ba mươi năm trước, chắc hẳn chúng nó sẽ tròn mắt lên mà nghe như chuyện cổ tích. Một câu chuyện cổ tích rất buồn, chỉ còn một người lính già như ông ngồi lại trên chuyến tàu đêm, khắc khoải. Ông đi chậm chậm, tiếng nhạc vẫn lờ lững trên sân ga, không phải bài " Tàu đêm năm cũ", mà nghe rất lạ, như bài cầu kinh sắp tới hồi kết thúc:

" Rồi tàu xa rời, xa rời kỷ niệm
Trả lại cho mình, nửa phần yêu thương
Tìm lại xót xa, tìm lại vui buồn
Đi vào nhân gian, với lòng yêu thương.
Đi đi, đi thấu kiếp người. . .
Oi niềm đau, hỡi nỗi vui
Đi đi, đi thấu kiếp người
Đi đi, để biết khóc cười hỡi ...ơi!
(Nhạc TCS)

Hơn mười giờ, tàu vào ga Quảng Ngãi. Ông sốc cái ba lô trên lưng, chậm rãi chờ người ta chen chúc nhau xuống sân ga, con tàu lại tu tu lên khóc. Ông sắp về với mẹ ông, căn nhà xưa trong một ngõ nhỏ, con ngõ này hồi xưa thế nào nay vẫn vậy, nhưng nhà cửa được nâng cao, xây dựng lại khiến thoát nhìn tưởng mọi điều đã đổi khác.

Ông về với mẹ, biết đâu không phải là lần cuối được cầm lấy tay mẹ, tay con cũng nhăn nheo hướng gì tay mẹ ông chỉ còn là một rúm da bọc xương khảnh khiu. Mẹ ông nằm đó, chả biết ai với ai, đôi mắt loà quáng lên một vùng ánh sáng mù mờ, như ngọn đèn cạn dầu leo lét chờ tắt.

Bên cạnh bà mẹ già vừa loà, vừa điếc, vẫn không biết là có một đứa con đi xa vừa trở về. Không còn cách nào khác hơn, ông cầm lấy bàn tay nhăn nheo, gầy guộc của mẹ, để bà sờ mặt con với những giọt nước mắt ướt đầm trên những ngón tay. Không biết trong cõi mịt mù của đời người sắp tàn ấy, bà có sờ được ra khuôn mặt của đứa con từ lâu rồi không gặp. . .

(*Tháng Tư* , 2004)

Nguyễn Đức Nhon

Khách Lạ.

(Tặng Trần Hoài Thư và
Phạm Văn Nhàn)

Khách về đây trời đất thênh thang
Gió mùa bắc thảng giêng lồng lộng thổi
Hàng dương liễu đón chào khách mới
Khách đường xa rũ áo phong trần

Khách về đây cơn áo ngại ngừng
Con thuyền nhỏ chở đầy sóng gió
Trở về neo trên bờ bến lạ
Thuyền bập bênh giữa bến chiều hoang

Trên bờ kia ai mất ai còn?
Con phố cũng vắng người qua lại
Khách bỗng thấy cõi lòng tê dại
Đường trăm năm lè đá xanh rêu

Khói vàng ươm nắng ngả màu chiều
Con gió bắc cũng ngập ngừng lịm tắt
Kìa nhà ai cổng cài nghiêm ngặt
Con chó già vội sủa người dưng

Khách bấn khoản chân bước ngập ngừng
Từng nhịp thở gõ đều trên nỗi nhớ
Kìa ai lạ? khách bàng hoàng hỏi nhỏ
Ai ngồi kia xóa tóc im lìm?

Chất chồng lên bao nỗi ưu phiền
Bao năm tháng vẫn hững hờ sỏi đá
Hương tóc em sao giờ nghe lạ?
Ráng chiều xa khói cũng mơ hồ

Ghềnh đá ôm nhau ngọn sóng xô đùa
Con nhạn trắng bay đi lặng lẽ
Mùi hương lạ bỗng đứng lại nhớ
Bến bờ xưa đâu còn chút dư âm

Khách trở về nơi bến đỗ trăm năm
Chống sào đợi tuổi già qua mái tóc
Đêm lạnh ngắt bến sông vàng trắng mọc
Thuyền lênh đênh trên nổi nhớ bập bềnh.

Arlington, tháng 2 - 2004

Đường Vắng.

(*Tặng Trần Hoài Thư và
Phạm Văn Nhàn*)

Ta ngồi trên lưng ngựa
Mang kiếm sét, gươm cùn
Gõ nhịp trên đường vắng
Khói chiều bay mờ lung

Lũ quạ xòe cánh mỏng
Lượn quanh bờ chiến hào
Quạ kêu vang rừng núi

Còn tanh mùi binh đao

Rừng giáp rừng hiu quạnh
Ta hát bài sơn ca
Núi rừng vang tiếng vọng
Chim giật mình bay xa

Cũng bày trò Chiến quốc
Cũng hợp tung, liên hoành
Bủa vây trùm trời đất
Trò chơi còn mới toanh

Con ngựa già đuổi sức
Ta thấy lòng quặn đau
Con ngựa già ngã gục
Ta nát cả tâm bào

Ta lột giấy, vứt kiếm
Ném mũ, cởi chiến bào
Một mình trên đường vắng
Ta và ta điu nhau

Ta cười vang, cười ngất
Bầu rượu cạn từ lâu
Bỗng đứng ta muốn khóc
Khóc đến tận ngàn sau.

Arlington, tháng 2 - 2004

Đoàn Chính Nam

Trúc đào

 Gió hoàng hôn
 Ngọn trúc đào
Chao nghiêng hoa lá
 Vẫy chào nhân gian
Cho đời
một nét điểm trang
Cho ta
khoảnh khắc mơ màng
với thơ
Vàng sân lá đổ
Chiều xưa
Những phiêu pha cũ
Bây giờ phiêu pha
Đường phố đây
Đường phố xa
Trúc đào nay
Trúc đào qua
Trúc đào

Nguyễn Văn Sâm

Âm Dương

Chị Nhàn thành khẩn chụm đầu ba cây nhang vô ngọn đèn dầu đương ngùn ngụt tỏa khói đen. Nhang bắt lửa bùng lên thành ngọn, chị chậm rãi khum bàn tay kia làm quạt nhẹ nhẹ dập tắt ngọn lửa. Hai bàn tay xòe ra kẹp nhang chị đứng trước bàn thờ xá xá rồi cắm vô cái ly đựng cát làm lư hương tạm. Bàn thờ dọn xong xá từ lâu. Bốn chén chè đậu trắng, chén mẻ sứt mà chè thì chỉ nằm chong chênh qua khỏi mức nửa chén, cố ý để thật xa nhau cho có phong cách bữa giỗ. Hai đĩa thịt gà xé phai từ nửa con gà mua chịu từ người bạn hàng quen thuộc mấy chục năm nay. Chị đã cố tình trộn với thiệt nhiều bắp cải, thêm nửa cái bắp chuối hột mới bẻ ngoài sau nhà, đĩa gỏi gà coi cũng bắt mắt, thơm tất và khêu gợi nhờ sự hòa hợp nhuần nhuyễn của nhiều màu sắc.

Cúng, ừ thì cúng, nhưng vẻ nghèo nàn của vật thực trong việc cúng kiếng so với bao lần trước đã đoạt mất ở chị cái tâm trạng sung sướng nhẹ nhẹ của người thực hiện một việc thiêng liêng của phút tương giao với người khuất mặt. Khói nhang tỏa trong không gian hẹp của căn nhà, bay mùi thơm thơm khiến nao nao nhớ đến những lần Tết nào đó đã bay hút tuyệt cùng trong thời gian tươi đẹp của quá khứ, những cái Tết háo hức bồn chồn khoe áo mới, được phép làm mọi chuyện ngày thường bị cấm đoán, những ngày chị — lúc đó là đứa trẻ — thấy mình quan trọng hơn, được mọi người quan tâm hơn và không một mảy mai trách nhiệm. Bây giờ cũng cái thời gian đó,

Tết, biết bao là trách nhiệm và không còn một ai quan tâm tới mình. Đứa con gái hủ hỉ bao lâu nay năm rồi đã chết tức tử vì phong đòn gánh khi lượm sắt vụn cho kế hoạch nhỏ bị sắt gạch đứt tay, mẹ nó vì nghèo khó bỏ qua luôn sau khi đắp sơ sài cho con bằng mấy cọng thuốc rê với hi vọng rằng cũng không đến nỗi nào. Một mình còn lại thui thủi sớm bưng ra đi, tối mịt mới về ngả lưng thở dốc. Suốt ngày cơm đường nước chợ, ngon dở tùy theo bán buôn thành công thất bại, nắng mưa cực nhọc không biết mở miệng tâm sự cùng ai.

Chị lấy tay mặt dè dè lên bên tay trái ngực. Không đụng được chỗ thịt mềm mềm ngày xưa từng làm hương cho bao cặp mắt khát khao, giờ chỉ nghe nhói nhói đau lẫn tấn phía bên dưới trái tim, tình trạng như muốn nói có triệu chứng trực trặc chỉ chỉ đó nhưng chưa bộc lộ rõ ràng. Chị nín thở chờ cơn đau đi qua. Quái, lần này hơi dài hơn những lần trước. Một sự thông báo có mặt không được người nhận vui lòng chào đón. Chị chấp tay trước ngực trước "lư hương", vái ông bà và vong hồn cha về dương thế thăm con cháu luôn tiện hưởng bữa cúng đơn sơ, đạm bạc. Chị hơi khựng lại một giây. Ông bà thì không cần hài tên đã đành, cha mẹ nhớ tên nhưng lại quên lửng tên ông già chồng. Chị vừa vái van vừa suy nghĩ mông lung, nghe nói người nào chết lâu quá rồi thì được đi đầu thai, hồn không thể về dương thế hưởng của cúng nữa. Mà phải như vậy mới được, nếu không đi đầu thai thì làm sao con cháu nhớ hết tên ông bà mà giỗ chạp quải đơm. Mẹ mình chắc cũng không còn dưới đó, bà chết khi mới sanh mình ra, giờ đã hơn ba chục năm rồi. Tuy nghĩ vậy chị Nhàn vẫn đọc tên mẹ, rồi vái tên cha sau. Nhớ tới người cha chồng chị muốn vái luôn nhưng

hơi bối rối. Ông già ảnh chết chưa đầy năm chắc là về được. Mà kẹt quá trí nhớ hồi nầy lú lẫn tên ông cũng không nhớ ra. Chị vừa nhắm mắt lại vừa trợn trừng mắt dưới mi, tập trung trí não lục lại tất cả chỗ ngõ ngách của trí nhớ cái tên ông già ít nhất có một vài lần chị thấy.

Thôi chịu, chị lấy ba cây nhang khác, bật hột quẹt đốt. Hột quẹt cây quá cụt mà thuốc hơi mềm, chị chụm ba, bốn cây làm một quẹt thiệt mạnh, nghe một tiếng cháy xè rồi tắt ngún. Chị liệng mấy cây diêm mắc dịch đó xuống đất, bóc mấy diêm khác... Ngọn lửa liếm nhang lần này thiệt mau. Chị chấp nhang giữa hai tay vái "hương hồn cha chồng tôi sống khôn thác thiêng về dương thế trong bữa cúng rước ông bà Tết năm nay."

Cắm nhang vô ly cát lần nữa, chị mỉm cười. Vái đỡ vậy thôi, làm sao hơn được nữa, không biết vong hồn ông về được không. Lẫn lộn quá rồi. Chị khum mình xá xá. Nghe đau nhức khó chịu chỗ xương sống ngang hông. Chỗ nầy thì nhức hoài mấy năm nay. Chứng nầy hành hạ mấy người đàn bà đẻ nhiều mà! Mình đẻ có ba đứa, đau nhiều nhỏi gì, chắc là mấy năm gần đây lao tâm lao lực quá độ thêm vụ ăn uống thiếu thốn, cố cho đầy bao tử, bất kể thức ăn thật sự tốt hay không cho sức khỏe nên mình mảy báo động lên tiếng đòi bồi dưỡng.

Chị vừa như mỉm cười với ý nghĩa mình mới đặt ra vừa nắm nắm tay vòng qua sau lưng dấm dấm chỗ đau. Cái đau bên ngoài lâu nay khiến tạm quên cái đau bên trong vẫn âm ỉ hiện diện. Khổ quá, cái mời rệu rạo như rằng bà già thấy được bất cứ trên vị trí nào của thân thể. Gì mà không còn chỗ nào nguyên lành coi cho được, cho vui đời nghèo. Bộ phận nào không có chuyện này cũng có chuyện kia, không đau hông thì đau xương sống,

không đau chỗ tim phổi thì đau chỗ thận, bàng quang. Như chình mắ m nê m là đây. Ông bà mình ngày xưa nói lắ m rắ m không căn cứ trên khoa học khoa hiế c gì hết vậy mà trúng quá xá. Thân thể không còn là niềm hắ h diện của mình nữa mà đã thành một tội vạ, một gắ h nặng phiề n toái, ưu tư. Chị ngó lên bàn thờ, nắ y giờ mà tàn nhang không rớt xuố ng, cong cong gần tròn một vòng nhưng than của cọng vẫn được lớp tro nhang bao bọc như khi chưa được đốt. Lớp cát trong ly vẫn còn mới tinh chưa bị phủ mắ t như những lần cúng kiế ng trước đây. Người ta nói đó là điề m báo ông bà về. Chị thốt nhiên đưa tay kéo áo kéo quần cho thẳng thướ m chỉnh tề. Ông bà khuấ t mắ t mắ y nhưng đã hiệ n diện trong nhà này, đang hườ ng vật thực cúng kiế ng của mình, không thể xố c xế ch được. Chị lật đậ t đi mở tủ kiế m mắ y cái ly nhỏ rót nước lạnh để lên trên bàn. "Xin ông bà cha mẹ tha lỗi cho, đáng lẽ phải có chút rượu làm lễ nhưng lúc này khó kiế m lại mắ c quá." Chị đứng thẳng trước bàn thờ kiế u như một người hầu hạ ông bà đườ ng dườ ng tiệ c. Bồ ng nhiên chị thấy mình xẻ n lẻ n ngang, ai đời van vá i xin lỗi ông bà mà nói chuyệ n mắ c quá không mua nổi. Làm như mua chút rượu cúng ông bà là một gắ h nặng không bằng. Cái khó nó bó cái khôn là vậy. Đời mắ t pháp, thiên hạ sống trong tú ng cùng. Ướ c gì ảnh về được thăm mình. Ướ c gì giấ y tờ của ảnh làm mau hơn để mình được bay ra khỏi chỗ này sớm. Nếu sớm hơn mắ y năm trước thì con nhỏ đầu tới nổi bỏ thắ y trong trạm y tế phườ ng tức tưở i như vậy. Ướ c gì mình trúng số đắ c được một lần, lúc nắ y ngày nào cũng xố , cũng có người trúng, mình nhậ n ăn mua bao nhiêu lần, mỗi lần cả chục tá m, cũng đều như không, trật lắ t trật lớ , tới hai con chó t an ủi

cũng không bao giờ thấy.

Như là có bóng người, hai người chứ không phải một, từ chỗ bàn thờ thoáng mau lại cửa rồi trở vô. Chị định thần nhìn kỹ nhưng không thấy gì. Có lẹt đẹt vài tiếng pháo nổ xa xa, tiếng nổ cũng không lớn như ngày xưa, như là không đủ thuốc hay họ quần giấy không được chặt. Ngoài đường nắng đã lên, tiếng người nói hòa với tiếng dép kéo lê trên mặt đường. Một cảm giác mâu thuẫn hiện lên trong lòng chị, vừa muốn ông bà về chứng kiến cảnh nghèo nàn của mình để thỏa mãn sự vái van nhưng lại vừa sợ ma. Có thể hai cái bóng vừa thấy là có thiết chớ không phải hoa mắt nhìn lầm.

Chợt chị rùng mình, như có một bàn tay lạnh buốt rờ lên đầu chị, chị hắt hơi. Cảm rồi, chị nói thầm, ngày Tết gió độc hơn ngày thường. Tết là ngày giao thoa của hai năm mới-cũ, Tết cũng là giai đoạn liên hợp của âm-dương nên trong gió có phảng phất hơi âm, ai yếu bóng vía thường bị cảm lạnh, có khi bị liệt giường luôn. Chị đi vô buồng trong lấy thêm cái áo mặc trùm lên, nói lầm thầm trong trí, ma quỷ kiểu này chắc hết Tết nhứt gì quá!

Ngó chỗ tay áo bị rách sờn mà lòng chị quặn xuống, chị ngó quanh quất trong nhà để ước lượng những gì hơi đáng tiền mà mình có rồi ngó lên mấy cây nhang trong cái lư hương, một lần nữa chị lại ước ao ông bà phù hộ cho mình trúng số để thoát ra khỏi cảnh bần hàn đeo đẳng cả chục năm nay...

" Anh chờ tôi với, mình đi có bạn chung cho vui."

" Sao anh coi bộ gấp vậy, mà tối bây giờ mới ra?"

" Tôi có biết gì đâu, tưởng cũng giấy tờ như mọi khi nên chần chờ, té ra ngày tư ngày Tết trên kia, ở đây mình

được tự do đi lại. Khổ quá, không ai nói gì với mình nên cứ lẫn lẩn trong đó, tới chừng thấy tư bề lưa thưa còn có mấy móng mới sức biết, bỏ ra, thời may gặp được anh đây."

" Ở chỗ này cái tình còn ít hơn trên kia nữa vì ai cũng biết rằng là chỗ tạm trú để chờ lệnh đi lên đó — dưới hình dạng này hay hình dạng kia. Lo lắng, thắc mắc cho tương lai mình nên không ai buồn ngó ngang gì tới ai khác."

" Dừng dừng với vấn đề của kẻ khác là yếu tính của con người dầu nó ở đâu và dưới hình thái nào."

" Không có cái lo nào hơn hơn cái lo liên quan tới mình."

" Tôi có lộc ăn rồi anh biết không, nghe mùi hương thì biết có người mời nhưng cần phải nghe họ vái tên mình mình mới biết phải về nhà của ai, chỗ nào. Con gái tôi đó. Ừ mà con dâu anh chờ ai."

" Tôi cũng đã có nghe mùi hương mời nhưng vẫn thắc mắc vì không thấy nhắc tới tên mình."

" Chắc nó quên tên ông già chồng nó rồi. Trên đó chuyện quên tên người khuất mặt khuất mày chúng ta là thường. Anh đi với tôi cho có bạn nhé. Ba ngày này âm dương giao hòa, mình đi không cần giấy phép đi đường, miễn là tới chập tối phải về có mặt là được. Họ sợ ban tối mình lang thang trên đó làm hại người dương."

" Phải, biết bao nhiêu anh chị lợi dụng khí âm của mình làm chuyện phá làng phá xóm rồi. Ngày thường mặc dầu nhận được nhang mời, có tên kêu vẫn đi không được à?"

" Ngày thường phải cần giấy phép, nếu con cháu không hài tên mình ra thì càng khó nữa. Rằm tháng Bảy cũng là ngày Tự Do. Nói chung ở đây cái nạn thư lại bàn giấy

không khác gì với trên kia là bao."

" Tôi không biết khi họ hỏi căn cước tôi phải làm sao. Hỏi căn cước một con ma, xin lỗi anh, là bắt con ma đó phải ạch mang tấm mộ bia nặng dằng trời tối đưa ra trình."

" Chế độ thư lại bàn giấy làm khổ dân ấy mong nó qua cho rồi. Mình đi thăm con Nhân nghe."

" Ừ rồi mình chịu khó một chút thăm thằng quỷ đó với tội nhỏ. Tội nghiệp quá. Đáng lẽ bỏ lửng tội nó ra sao thì ra. *"Quên hết" như bài học họ giảng cho mình hằng tháng mà sao tôi cứ xót xa trong lòng.* Hồi trước khổ sở với tội nó biết bao nhiêu bây giờ cất bỏ tình cảm cái cụp chuyện đâu có dễ như họ nói. Biết tội nó bị chuyện này chuyện kia, tôi vẫn thấy đoạn trường như thường"

" Mà cũng có tội quên phăng mới hay! Tội nó phối phối, ngay cả bà con cật ruột trên kia bây giờ xuống đây họ cũng không thèm nhìn, không thèm dĩ tới."

" Số này ít thôi. Ảnh hưởng của môi trường sống một thời khoản lâu dài - cái quá khứ nặng nề - đâu phải vì mấy cái bài giảng đó mà gạt bỏ tất cả ngay."

" Phải có một thứ thuốc bạch-hóa để quên tình cảm còn xót lại với người bên kia, cũng như thuốc lú cho mấy con ma, tôi cũng vậy nữa - xin lỗi, trước khi cho đi đầu thai."

" Chắc họ có nhưng không cần đem ra xài lúc này. Ai nhiều tình cảm thiệt thời ráng chịu. Khổ sở sanh ra từ trong lòng, ai còn mềm lòng lúc này chỉ khổ thân thêm mà thôi. Ngăn chặn cái khổ của mình là chuyện mình phải tự lo, họ đâu cần lo. Thuốc lú cho việc đầu thai thì họ cố gắng cung cấp đầy đủ, nếu không quên thì con người sẽ đi tìm nhau, sẽ dính dây chùm dây mơ rễ mơ với nhau, lộn tùng phèo hết, sanh con rồi mới sanh cha,

sanh cháu giữ nhà rồi mới sanh ông...."

"Ồ... mà thuốc lú cũng đâu phải hoàn toàn hiệu nghiệm. Vài trường hợp người uống rồi, kết quả trơ trất. Lên lại họ đâu cần học. Mấy người mà ông Lão tử đó nói "Sanh nhi tri" đó, họ đã học ở các kiếp trước rồi."

"Ừ hé. Hồi đó ở xã Linh Xuân Thôn huyện Thủ Đức của tôi có thằng nhỏ bốn tuổi, chưa từng thấy nhà máy xay lúa, nó lại ở xa nhà máy, ngộ một điều là máy móc trực trực gì chủ nói với nó nó có thể chỉ chỗ nào phải sửa và cắt nghĩa rành rọt tại sao lại trực trực."

"Mấy người thần đồng cũng vậy thôi. Lên mà không bị lú thì học một biết mười. Cũng như học ôn, hay dò bài lại thôi. Dễ!"

"Ồ! Mà gần tới chỗ giao điểm hai vùng rồi đó. Nếu cần anh nắm tay tôi. Ở đây cả chục năm, mỗi năm đi qua đây hai, ba lần tôi biết chỗ này nó dài tới cả chục phút lặn, mở mắt ra không thấy gì hết. Một vùng đen tuyệt đối, dài thăm thẳm, vô cùng. Ai có giấy phép thì nghe theo tiếng gió mà đi, khi hết nghe tiếng gió, mở mắt ra thấy cảnh quen thuộc ngày xưa là tới. Ai không có giấy phép thì trời khiến họ cứ xà quần, thơ thẩn trong chỗ tối đen đó vài ngày họ tới dẫn về họ phạt. Nhốt hầm tối. Cái tối ở trong vùng âm!"

"Lạ há. Hai miền cách nhau bằng chỗ tối bưng há. Kêu là chốn u minh là đúng quá rồi. Để cho ở trên kia không đi lạc xuống đây. Tay anh đâu?"

"Đây! Vậy mà "thiên hạ" đi lạc hoài. Có người mới tới chỗ tối này thôi rồi dương khí mạnh kéo họ về. Người ta kêu là chết giắc, chết giã. Có biết, có thấy gì đâu. Tỉnh dậy cũng như thường, không biết gì chuyện đã xảy ra. Vùng này tối om mà."

" Tôi muốn nói là có người đi qua luôn chỗ tối này kìa, vô chỗ của mình đương ở đó. Mà trở về được há."

" Có hoài, đời xưa ở bên Tàu có ông Lâm Tự Kỳ, lạc xuống, họ cho về nên viết cuối Hồi Dương Nhơn Quả kể lại chuyện xử phạt dưới này. Tiếc là hồi đó tôi đọc mà không tin."

" Ở bên mình có ông Thủ Huồn, ông ta nguyên làm chức Thủ Bạ đời Minh Mạng được người quen ở dưới này dẫn xuống, ông ta thấy mọi chuyện, sợ ớn xương sống nên về làm phước cất một cái nhà trên bè ở ngã ba sông để cho những người lỡ con nước có chỗ nghỉ tạm lại trên sông và có thức ăn đỡ lòng. Ông ta bố thí hết gia tài của mình ở chỗ Nhà Bè đó."

" Lại há, đã phân chia vùng rồi, lại còn có chỗ tối làm trái độn nữa mà vẫn còn có người đi lạc ha."

" Ủ! Chuyện trời đất đâu phải luôn luôn phải xảy ra như vậy đâu. Lâu lâu cũng có cái trật chĩa. Có chuyện người đẻ 100 trứng, cá thia thia sống ở bẹ dừa hay trên ngọn cây, chuyện mưa cá mưa tôm thì chuyện lạc vùng đâu phải không thể không có. Mấy cái chuyện lạc Thiên Thai, Từ Thức gặp tiên nữ là chuyện lạc lên vùng trên. Vùng trên còn lạc lên được thì vùng dưới lẽ nào lại không?"

" Anh muốn nói mấy cái truyện chép lại trong Liêu Trai Chí Dị chứ gì?"

Ồà, tôi nghĩ cái ông họ Bồ thấy được chuyện bí mật của trời đất, ông ghi chuyện mấy con ma nữ đi lạc lên đời, thỉnh thoảng cũng ghi lại chuyện người đi lạc xuống đây. Hay là được dẫn xuống đây cũng vậy mà thôi."

" Tối nơi rồi, anh thấy mùi tanh tanh như máu trong gió không. Đó là mùi ích kỷ của lòng người đó. Trong mùi

tanh tanh anh nghe thấy mùi thui thối, đó là mùi tự cao tự đại của họ... Mở mắt ra đi."

" Kỳ thật. Hồi cha sanh mẹ đẻ tới năm ngoái nghĩa là cũng 60 năm ở trên đời, tôi đâu nghe cái mùi đó. Bây giờ mới đi có trót năm về lại nghe mùi này.

" Ở trong đó thết rồi quen đi. Cũng như người ngồi trong cầu tiêu dờ ban đầu còn nghe mùi, ngồi một lúc thì nghe bình thường. Người ở vùng chợ Gò Vấp không nghe mùi hôi thối nhưng ai đi xe lửa khi xe tới gần đều nghe cái mùi thum thum này. Cũng vậy, con nít nhỏ xỏ lòng mẹ khóc hoài không nín vì ban đầu nó không chịu được cái mùi tanh tanh thối thối của đời."

" Ủ ! Sao có mùi thơm dịu dịu mà nghe từng cơn từng cơn ở đây vậy."

" Đó là mùi uất hận của người ngây thơ vô tội bị đè nén oan ức, mùi của sự chịu đựng những bất công, nghịch thiên nghịch địa."

" Vậy thì quen nghe mùi mình sẽ biết ngay chuyện gì đã xảy ra chung quanh phải không anh?"

" Ủ! Vậy mới là ma, biết vanh vách như ma xó, thiên hạ nói hoài. Chỉ cần nhướng mắt lên là anh có thể thấy vàng thiên hạ chôn giấu ở đâu, tấm giấy số nào trúng độc đắc, ai sẽ đắc cử Tổng Thống ở nước nào đó. Thôi! Vô nhà con mình. Anh thấy mấy cây nhang trên lư hương cúng tàn mà không rụng không. Giấy phép đi đường của mình đó."

Ông già Nghĩa vuốt đầu chị Nhân. Chị tới ngồi trên cái ghế cây đóng bằng mấy miếng ván tạp, mắt buồn thiết buồn ngó ra cửa sổ. Chị rùn mình, đứng lên tới bàn thờ đưa tay sửa lại đám chưn nhang vì vài cái tàn rớt xuống

chén chè kể bên. Tay chị vô tình đưa xuyên qua bụng ông già mình. Ông già Nghĩa ngó bạn cười. Ông già Nhân kéo bạn đứng tránh ra một bên. ỏKhông nên!"

Ông già Nhân ngó con rồi ngó bạn. "Riết rồi quen đi, đâu cần tránh né gì cho mệt. Ban đầu còn để ý thét rồi kệ, thiên hạ cần lướt trên đầu cổ mình cũng không nhằm nhò gì, mình cũng đi qua tường qua vách cho mau. Ở đâu quen đó."

Chị Nhàn vẫn đứng trước bàn thờ nhưng nhìn về phía cái bàn có để tấm hình của chồng, người chồng hiền lành mỉm cười. Ông già Nhân đang đứng ngắm nghía hình con mình, chị Nhàn đi xuyên qua mình ông. Chị cảm thấy một luồng lạnh chạy dọc theo chiều đứng của thân thể. Chị rùn mình lần nữa. Chị cầm tấm hình lên, đưa gần mặt mình, như là hôn, rồi để xuống.

Hai giọt nước mắt chị trào ra, lăn gần tới sống mũi, chị đưa tay quẹt. Ông già Nghĩa nắm tay con như muốn dẫn đi ra cửa để chỉ chỗ gì đó nhưng khi tay ông nắm tới tay con thì lại bóp vào khoảng không. Ông thấy con mình ngó về phía bàn thờ thì chạy về đó đứng xuyên qua phía bên này bàn chấm tay vô ly nước trước mặt viết mấy chữ. Chị Nhàn vẫn không thấy gì. Nghe tiếng pháo nổ, chị ngó ra ngoài, ông già Nghĩa bước tới kê miệng vào tai chị nói gì như dặn dò nhưng chị vẫn như không cần chú ý, bước ra phía trước cửa ngó mông ra đường. Một lần nữa ông nắm tay con và kêu bạn mình cùng nắm để dẫn chị ra khỏi nhà thì chị hắt hơi một cái rồi quày quả trở vô. Ông già Nhân lật đặt móc ra một tấm giấy và một cây viết đưa cho già Nghĩa. Ông này viết vội vàng mấy chữ, đưa tới trước mặt con. Chị Nhàn không ngó mà cúi xuống sửa sửa lại nếp áo, nếp quần mình.

Ông già Nghĩa nhìn con thất vọng, quay lại thì không thấy bạn mình đâu nữa. Chừng một phút sau già Nhân mới hiện lên. " Tôi đi qua tới bên thấy thằng chó đó đang ăn uống bĩ bàng với một con khác, giận quá gõ đầu nó mấy cái," ông thì thầm. " Tôi cũng có đưa tay vô quây quây trong hai ly rượu tụi nó... Làm thì làm vậy cho đỡ tức mình chứ mình là khoảng không mà, có làm được quái gì ai."

Hai bóng ma buồn bã ngó chung quanh một lần cuối rồi nắm tay nhau lặn xuống đất.

Trên bàn thờ tàn nhang bây giờ đồng loạt rút xuống lã tả phủ đầy mặt cát trong "ly hương", lấm tấm điểm mấy chén chè cùng hai đĩa thịt gà xé phai cạnh đó.

Buông một tiếng thở dài, chị Nhân cầm lên từng chén chè đưa ra ngoài thổi thổi nói nhỏ nhỏ. "Cúng thì cúng, vái thì vái chứ làm sao ông bà có thể giúp mình trúng số được. Âm dương cách trở làm sao tương thông. Giáng phước giáng họa cho nhau chỉ có mình và người đời chung quanh mình mà thôi, không ai vô đó được. Thôi mai không ăn Tết nữa, lặn thân ra ngoài chạy mảnh kiếm được đồng nào hay đồng nấy, vậy mà chắc.

Bên ngoài chiều đã xuống, tiếng pháo nổ càng lúc càng nhiều hơn, nhưng vẫn là những tiếng lẹt đẹt, xì hơi, buồn chán, không xua đuổi được nỗi niềm u dam của người nghe...

Houston, Texas, 3-1990

Cao Vị Khanh

**Chiều thán tư
về qua sông Cổ Chiên**

Gió quây tư bề sóng nhọn hoắc
Thuyền quay như lá cuối mùa rơi
Người qua sông muộn tay ghì chặt
Vực trống chìm sâu đến rặng rời

Nước chảy hung hăng lở sạt bờ
Tưởng ngàn vó ngựa sải qua mau
Người về từ cõi đầy xương sọ
Lòng bể trăm chiều miếng cửa đau

Nước vẫn tuôn tuôn, sâu cuộn cuộn
Ngó lục bình trôi tưởng rã hàng
Người xưa có đợi? Chờ có muộn
Mà cứ trông chừng một bóng sang

Thuở nhỏ qua sông ý đã liều
Thách trời, kiêu ngạo cả hư vô
Hai mươi năm lẻ về vội vã
Nước mất, đường quê rặt bóng mờ

Gió đẩy thuyền đi, hận quá giang
Cồn xa bỗng lạnh rợn âm quen
Chiêng trống thời xưa gào xung trận
Trách kẻ đời nay để phận hèn

Thù xưa hê trời nghiêng đất lở
Hận nay hê kiến nhỏ miệng vòng

Triều Tự Truyện

Độc Ẩm

anh gấp nhăm chiếc lá
độc ẩm dưới tàn cây
em phôi pha xứ lạ
rượu nồng không mất cay.

Nụ Hôn Thấp Lửa

nụ hôn nhóm lửa máu hồng
cháy từ tim thấp sáng lòng lãng du
em đừng khóc giữa sương mù
lo gì lá ướm chớm thu lụi tàn
chân son thổ trắng đại hoang
mơ đồng cỏ lạ vấp ngàn biệt ly
rừng nguyên sinh rất nhiều khi
con tê giác dữ – bỏ đi không ngờ
gặp nhau gieo gió tình cờ
bão duyên lũ phận chẳng do dự gì
em ơi, bước tới anh đi
nụ hôn thấp lửa nhiều khi rực trời.

Hoài Khanh

Thời của trái tim đau

(tặng Nguyễn văn Nho- Đà Nẵng)

Có một thời tiếng chim và tiếng sáo
Cũng khôn lường khuấy động mặt hồ im
Có một thời nỗi xa và nỗi nhớ
Cũng âm thầm đập mạnh tới buồng tim
Ai đã qua phố chiều chen chúc quá
Mà lòng mình vẫn lạnh ý bơ vơ
Thì có lẽ hiểu thời chim và sáo
Thời mặn nồng chua chát lẫn ngu ngơ!

Làm một kẻ ngược xuôi thời mộng ảo
Ý vụ vợ chen lẫn ý mơ màng
Thì có lẽ nghĩa thời và nghĩa thế
Vẫn chỉ là - vất vưởng chút dư vang
Em vẫn bước hai bàn chân lá cỏ
Hai bàn tay là ý ngỏ lạc loài
Trong đôi mắt như đường mời gọi mãi
Tấm linh hồn khắc khoải của thi nhân

Con mắt ai đã một lần trót ngó
Thì một lần mờ tỏ hiểu niềm đau
Thời của những má đào và môi thắm
Thời của niềm sung mãn mộng trùng dương
Nhưng con sóng vẫn vô thường như gió
Thổi mãi hoài lời ngỏ lạc lìa phương
Như trùng dương vẫn âm âm tan vỡ

Như chuyện đời khép mở giữa hàng mi
Em có hiểu vì sao ta cứ ngó ?
Và vì sao em cứ bỏ lên đường!
Vì đã có chuyện thời và chuyện thế
Vốn là chim đơn độc hót trong sương
Vốn là ta thời mộng mị hoang đường
Trót đánh mất Phương - Trời trong cõi nhớ !

Nguyễn Lê Uyên

Người đàn bà chết trôi

*Cá cần câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra
(Ca dao)*

1* Trời đang nắng chang chang, bỗng dưng mưa đổ ầm ầm như thác, như lũ. Mưa làm xé mặt đất khô nứt nẻ, dội lên những tiếng sôi ùng ục như thể tiếng kêu từ một nơi khác rất xa vọng về. Tiếng kêu ấy nấc nghẹn, tức tưởi lúc kéo dài, lúc ăng ặc đứt đoạn. Ngoài sân bong bóng nổi đầy. Những chiếc bong bóng to bằng chiếc dù che đầu cứ thế trôi ngược lên con dốc cao, phủ lấp đoạn đường đất đá gồ ghề. Rìu rác xoáy ngược vòng vòng giữa con nước đục đỏ màu bã trầu. Thỉnh thoảng một vài que củi mục xoay tròn như chiếc chong chóng rồi đứng đứng lắc lư và cuối cùng mất hút dưới làn nước sâu. Nước tiếp tục chảy ngược lên con dốc cao, nghiêng rót vào những lỗ kiến nằm sâu trong lòng đất. Hàng trăm ngàn con kiến nhào lên, bám vào nhau và thả trôi theo dòng nước xô đẩy. Những chiếc râu nhỏ xíu ngo ngoe như mừng vui, vì rất lâu chúng mới được một bữa tắm nước no nê hay sao đó. Chúng không hề sợ hãi. Chúng không kêu la, không réo gọi như mặt đất khô nứt, rất thản nhiên coi như cái chết là niềm vui tốt cùng của thứ loài vật sống thành bầy đoàn. Một vài con cá quẫy trong dòng nước chảy ngược. Chúng hả hê với con nước hơn là miếng mồi kiến quanh nó, sớm muộn gì cũng sẽ là mồi, không thể khác hơn trong lúc này.

Giữa cơn mưa âm ỉ, dưới cái nắng chói chang trong ngày hạ chí, để qua được phía bên kia đường, người đàn bà bắt buộc phải vén quần lội xuống dòng nước. Hai trái chân thon nhỏ trắng ngần, nổi bật giữa làn nước đỏ. Chị dò dẫm từng bước nhẹ và ngắn như bước tập đi của lũ trẻ con, lòng nguội lạnh đến vô cùng, tan nát đến vô cùng. Chị không biết mình sẽ đi đến đâu, trôi về xứ nào. Và cứ thế chị bước trên con đường đất ngập đầy nước, bên tai nghe lao xao tiếng gió, tiếng mưa đỏ, tiếng gọi í ới của ai đó và cả tiếng lòng tan hoang của chị nữa.

Như vậy là đúng 29 tháng chung sống với nhau, nàng mới hiểu thế nào là nắng là mưa, thế nào là bão là lũ; thế nào là sự phỉnh phờ lừa mị!

29 tháng được bao nhiêu ngày là niềm hạnh phúc gối chăn? Bao nhiêu ngày là thương yêu chồng vợ chất nặng nghĩa tình? Bao nhiêu ngày là cay đắng, tủi nhục và nước mắt? Cái hân hoan thơ thới của tuổi con gái mới lớn nàng ngỡ sẽ là thiên đường vĩnh cửu khi bước đi bên cạnh người chồng hoạt bát, thông minh, rắn rỏi. Anh ta là hiện thân của chàng hoàng tử sắm vai buổi đầu. Anh ta tán tỉnh, vuốt ve, chiều chuộng, lấy lòng bằng mọi cách để chiếm hữu được nàng, người thiếu nữ xinh đẹp nhất xứ này. Nàng mềm lòng ngã vào vòng tay gân guốc với niềm sung sướng chưa từng có. Nàng hãnh diện với bạn bè, với làng xóm; đem chia niềm hoan lạc ấy với những chiếc lồng đèn kết hoa sáng rực suốt đêm ngày, những lời chúc tụng suốt đêm ngày, ngao du với nhiều ngày trăng mật. Nếu nói cuộc đời đẹp nhất, hạnh phúc nhất thì không có thời khắc nào huy hoàng bằng buổi đầu.

Nhưng hỡi ơi, kể từ buổi sáng chói loà niềm vinh quang hoan lạc kia, khi dòng máu bắt chảy tràn, nhịp tim chậm

lại, giữa đêm tối chỉ nghe có tiếng côn trùng gáy nỉ non như bài kệ các chú tiểu đọc hoài giữa niệm đường, mùi mồ hôi nồng nồng chua của chồng, sự mệt mỏi quá độ trên hai đôi mắt nhắm nghiền, ú ớ cơn mê đã dợi của thể xác, nàng mới chợt nhìn thấy bộ mặt của mình và của chồng. Nàng vùng dậy ngơ ngác trước bóng tối dày đặc và tanh tưởi mùi đàn ông bám quanh người, tự hỏi: tại sao ta lại ngồi đây, tại sao ta phải chung sống với người hình như có điều gì đó không chân thực mà ta bắt đầu thấy le lói đâu đó nơi góc tủ, hộc bàn? Nước mắt nàng chảy dài, chảy suốt đêm thành con suối quận đau.

Đó là ngày bắt đầu của sự đau khổ, hoài nghi, thất vọng. Đó là ngày bắt đầu của sự gặm gừ đe nẹt, ngày của chiếu trên hương hào lý trưởng vùng roi trước sân đình. Nàng nhận ra ngay khi bữa ăn sáng dọn ra không đúng vào lúc 6 giờ 30 phút, là đôi giày chưa kịp đánh xi, ly cà phê pha hơi bị loãng, cho đường nhiều quá hoặc ít quá cùng trăm thứ hằm bà lằng khác trên đời mà nàng chưa thể bắt nhịp một cách nhanh chóng để làm hài lòng anh hương hào, lý trưởng. Nàng đã kịp nhận ra một cách rõ ràng bộ mặt thật của anh ta: dối trá, lừa phỉnh mọi người kể cả vợ con; chèn bóp mọi người kể cả vợ con; tước đoạt mọi sinh thú sở hữu của nàng, đẩy nàng làm kẻ tội mọi vĩnh viễn cho sự chỉ huy gia trưởng của chồng. Nàng thành ra kẻ bị khuất phục, không còn những suy nghĩ độc lập, không còn có ngôn ngữ của riêng mình. Cái mặt nạ gớm ghiếc của chồng mỗi ngày bị tróc ra một chút sơn để nàng thấy nguyên hình của con thú đội lốt trên người hấn ta.

Có một điều rất sơ đẳng, thậm chí là tầm thường vô bổ nhưng không ai chịu nói, sợ rằng đó là điều phạm tội,

điều cấm kỵ, phạm giới... đó là sự phản bội trong cách nhìn, cách nghĩ và hành động của hầu hết các loại đàn ông; đó là sự xúc phạm của chính họ với tất cả vẻ thoả mãn, hả hê đối với vợ một khi đã nắm quyền chiếm hữu. Một khi đã biết, đã chiếm đoạt mọi chân tơ kẽ tóc trên thân thể người nữ thì dưới mắt họ người vợ chỉ còn là con nô tì. Chồng nàng cũng thuộc nhóm bỉ ổi này khi hấn chấm dứt đột ngột mọi lịch lãm sau khi gặp nàng, cưới nàng, cùng nhân cách đàn ông đích thực bị đánh rơi, coi thân xác nàng như thứ đồ giải trí, dẫn vọc, hành hạ. Nàng ưu uất nhưng không kêu gào thành tiếng, ngậm kín một cục gai góc nghiền nghẹn trong lồng ngực, chèn giữa cổ họng đắng ngắt.

Ba đêm trước cơn mưa đổ sầm sập này, buổi tối hấn trở về nhà với mùi rượu thịt, mùi đi thoả trộn lại thành một thứ mùi lộn mửa. Hấn đổ vật lên nệm cùng với những gì từ trong bụng hấn trào ra. Nàng chết đứng giữa căn phòng tanh tưởi. Nàng như một tội đồ đang chịu nạn, đang hứng lấy những tai hoạ tiền kiếp. Không làm cách nào để vực được thân xác phì nộn kia dậy, không cách nào dọn dẹp những gì hấn nôn ra thốc tháo. Tất cả đã thấm rút vào mặt nệm mousse. Nàng đứng chôn chân bên thành cửa sổ mà như sắp bước lên giá treo cổ. Bầu trời bên ngoài tối đen như chiếc mồm của con quái vật ngoác hàm răng nhọn chuẩn bị nuốt sống nàng. Nửa đêm hấn kêu khát nước. Nàng mở tủ mang chai nước nâng đầu hấn lên. Nhưng thay vì uống nước theo cơn khát, hấn kéo nàng ngã bổ lên người, dây dính những thứ lầy nhầy tanh lợm. Lấy hết sức bình sinh, nàng xô hấn ra và chạy vào phòng tắm đóng sập cửa lại như đóng cánh cửa ta bà tởm lợm. Nàng trút bỏ quần áo, vò lộn ném vào thùng

rác, co ro trong vòi nước lạnh ngắt. Kỳ cọ đến bao nhiêu cũng không bay sạch hết mùi xú uế. Nàng dùng cả bàn chải, móng tay và cả lưỡi dao, cạo lên làn da đến bật máu, bày ra những mảng thịt đỏ hoét như bị cọp vồ. Nước mắt không thể chảy để vơi đi tủi cực. Thân thể nàng khô rốc. Đầu óc nàng khô rốc.

Một lúc lâu sau đó hấn gào lên:

-Cô bỏ đi đâu? Tại sao cô lại bỏ tôi?

Nàng không dám thò đầu ra. Nàng kinh hãi giữa đêm khuya trống trơn, lạnh ngắt.

-Cô đi với những thằng nào? Tại sao chừng ấy năm, cô không sinh cho tôi một đứa con? Cô là tên phản bội.

Nàng nghe tiếng vật vã trên giường và liền sau đó là tiếng ngáy kéo cửa, rin rít đến ghế người.

Mưa tuôn lộn ngược đất trời. Nàng dò dẫm bước qua bên kia bờ mà bước đi không đến. Đôi chân cứ lóng ngóng giữa dòng xoáy. Trời ơi, nếu như nàng sinh một đứa con thì điều gì sẽ xảy ra? Nó sẽ mang hình hài đáng vốc nàng với bộ mặt và đầu óc gồm ghieếc của hấn sao. Không. Không bao giờ ta sinh một đứa con như thế. Thà ta mang thân này làm đi với chính hấn, nhục nhã với chính hấn thì tội lỗi của ta với đất, với trời vẫn nhẹ như sợi lông hồng. Không bao giờ có một con quỷ nhỏ để lan ra nhiều con quỷ nhỏ, gây tai hoạ trong cõi nhân gian. Hấn cứ treo cổ ta lên, băm vằm ta ra muôn ngàn mảnh vụn, ta vẫn hạnh phúc hơn là nhìn thấy một tai hoạ và nhiều tai hoạ kế theo vây ám những sinh linh vô tội.

Dưới con mắt của hấn và trong tận cùng ý nghĩ của hấn, nàng là một tên phản chúa, tên Juda chính hiệu, bởi không thể đẻ ra một quái thai theo ý hấn. Có phải vì vậy mà hấn đã hành hạ nàng? Khinh miệt nàng? Vò bóp

nàng như vò bóp con sâu cái kiến? Không thể. Phải đoạn tuyệt, chia tay, trốn chạy, bôn đào; chết dầm dúi ở nơi bụi bờ xó xỉnh nào đó, trôi đi một nơi thối tha nào đó còn hơn là ở trong căn phòng tanh lợm giọng này.

Nước mắt nàng bay vào cơn mưa trái mùa sầm sập.

Thân xác nàng cũng tan biến vào cơn mưa tối nhoà.

Mặt đất bắt đầu tan loãng từ phía dưới, phía tận cùng của sự sống thoi thóp.

Có phải đang bắt đầu một ngày tận thế khi nước mắt, mưa, thân thể nàng trộn rối thành đồng bùi nhùi, bươm bươm xơ xác?

2* “... *C'est le mystère de l'orage, celui du pauvre. Dans les pauvres maisons, on aime le silence. Mais les enfants crient, les femmes pleurent, les hommes crient, la musique est horrible...*” (1).

Sự im lặng kinh khủng bỗng nhiên bao trùm khắp gò đất cao hoang vắng. Đã ba ngày nay, không bóng người qua lại chốn này. Không tiếng chim hót, chỉ có bóng nắng rớt qua kẽ lá như lưỡi gươm buông rơi, cắm nghiêng trên mặt đất của tay kiếm khách nào đó bắt đầu mỗi một nơi chốn giang hồ. Tĩnh không một âm thanh quen thuộc, chỉ có tiếng rào rào đầu đó từ lòng đất dội lên. Người đàn bà khê liếc nhìn xuống mặt đất chỗ mình đang đứng: những bụi cỏ kết thành trắng chạy tới đường chân trời. Càng về xa, thảm cỏ mượt xanh đến lóng lánh như những vì sao xa. Nhưng đứng gần chỗ người đàn bà đứng, cỏ đổi màu, đỏ bầm màu huyết động. Đến cả những chiếc lá, khi rụng xuống như tiếng rụng của những giọt máu rơi từ nơi nào đó trên cơ thể bị vật nhọn làm toác da.

Người đàn bà bước hết gò đất hoang thì rơi vào khu rừng thâm u, cây lá đan kín, không thấy lối mòn. Bóng tối

nhọt nhoà trùm lên khiến không thể nhìn mọi vật cách đó không xa. Tất cả đều mờ mờ không rõ nét.

Đi không biết bao lâu, người đàn bà chợt nhìn thấy những khối đá hình nhân nhô lên giữa rừng cây, có vẻ là những tội nhân đang quỳ sám hối trước giờ hành hình. Đôi mắt họ nhắm nghiền, môi run run, má hóp lại đến nỗi đám bồ công, bồ nhọt và rần rít chia nhau từng khu để cát cứ xưng hùng. Người đàn bà mỗi một đứng tựa vào một trong những khối đá hình nhân đó. Bà ta cảm thấy hơi lạnh lan toả toàn thân và nghe có tiếng cựa mình, sau đó là tiếng nói gầy gù, hào hển:

-Ba ngàn kiếp vẫn là bụi là cát. Cả thế giới này đang bị lũ quỷ dữ làm đẹp bằng những ý tưởng và hành động điên cuồng của loài sát nhân ghê tởm nhất. Ta là một trong vô số những kẻ phản đối cái đẹp máu me đầm đìa kia, và như thế là phạm tội chống lại những kẻ cuồng vỹ, cuối cùng phải nhận bản án phản động cả hàng trăm ngàn năm nay.

-Tại sao những tảng đá lại mang lối hình nhân và biết nói tiếng người? – người đàn bà thốt lên.

-Ba ngàn kiếp trước ta cũng như nhà người. Cũng xương, cũng thịt, cũng mất phượng môi son. Nhưng khốn thay, khi trật tự xã hội được thiết lập lại theo cung cách mới thì tất cả mọi người như nhau, phải vì nhau. Và vì vậy nên không cần áo quần, son phấn nữa. Tất cả đều phải lao vào cầm cuốc, cầm xẻng lao động cật lực đến hơi tàn lực kiệt... Bọn ta bị tước đoạt quyền suy nghĩ, ăn nói. Tất cả đều rập khuôn như cỗ máy sản xuất ra cùng một loại sản phẩm; không có quyền to, nhỏ, lớn bé, riêng tư; tất cả đều tròn vuông một cục cho đến khi không còn giọt máu trong thân thể, thì lúc đó bọn ta hoá thành đá!

-Tôi có thể giúp gì cho các ông? – người đàn bà kêu lên khe khẽ.

-Không được gì hết. Đó là định mệnh, là oan nghiệt tiền kiếp, là quyền lực thâm tóm, là nô lệ, là...

-Không thể như thế được – người đàn bà lại kêu lên.

-Có thể được – tượng đá vang lên giọng rần rỏi – trên thế gian này, lũ quỷ dữ không từ nan một hành vi đê tiện nào để thủ đắc kể cả máu và sinh mạng hàng triệu triệu con người. Nhà người còn trong vòng mê muội, chưa tỏ ngọn ngành. Ngày nhà người trở thành như bọn ta không còn bao lâu nữa. Đó là ngày cuối cùng để người hiểu thế nào là sự oằn oại đau đớn, thế nào là tủ nhục, thế nào là... Người hãy can đảm đón nhận giờ phút khủng khiếp đó. Thôi ta đi đây. Ta phải về với tập thể của ta, những tội đồ đang chờ phán xử.

Trên hai hốc mắt của hình nhân bằng đá, những giọt nước mắt lăn tròn và thấm khô đầu đó trên gò má nhăn nheo, lởm chởm rễ cây, lũ kiến, rần bò lúc nhúc.

Nàng nhìn trần trối cảnh tượng trước mặt và không nghĩ rằng lời nói kia là lời tiên tri cho số phận được định đoạt, rất gần. Trong một thoáng kinh hãi, một thoáng xao lòng, nàng loé lên ý tưởng quay về nơi cũ... Chính ngay giây phút ấy, một lần chớp sáng loè và tiếng nổ kinh hồn vang lên:

-Không, nhà người không còn chốn dung thân. Người có đi đâu thì cũng lòng vòng trong miệng lồng. Lũ quỷ dữ đang ra tay tước linh hồn người, da thịt người... để tống người vào địa ngục “cái đẹp” của chúng.

Tiếng nói vừa dứt, nàng cảm thấy lạnh toàn thân, lạnh toát như đang tắm truồng ở miền băng giá. Thân thể nàng chuyển động âm âm như bão tràn, lũ quét... sau

cùng thì hoàn toàn im lặng.

Một hình nhân mới hoá đá. Pho tượng còn phẳng phiu, lạnh lạng trong tư thế quỳ có vẻ kè né hay xấu hổ vì sự hở hang của mình, vì chưa có kiến có rấn, chưa có rễ cây bụi cỏ bám lên người làm áo quần.

Đó là pho tượng người đàn bà loã thể mang đầy mình niềm cay đắng trần gian.

Biết tới kiếp nào những linh hồn khốn khổ kia mới được giải thoát?

Đến kiếp nào thì con người mới không còn bị lũ quỷ dữ hành hạ?

Gió lao xao thổi mãi ngàn năm, nổi hết oan kiên này tới tiền kiếp khác, trùng trùng, chất ngất như núi cao, vực sâu...

Tháng 5.2004

(1) Paul Eluard – Pauvre

Phạm Ngọc Lư

Chiều qua châu thổ

 Gió xua chiều rút qua sông
 Nắng lui cồn bãi, nước rong cửa vàm
 Dập dềnh trời chở mây hoang
 Mây không núi đậu lang thang mỗi trời
 Nhấp nhô bọt nổi bèo trôi
 Bọt bèo sóng nước ôm đời cù lao
 Trầm xa cánh vạc chở nhau
 Bóng mây bóng vạc điệp màu hoàng hôn
 Giồng xa khói điệp bãi cồn
 Chiều châu thổ trải nỗi buồn phẳng phiu
 Đồng khô rậm tiếng ếch kêu
 Mây hoang ủ rũ dăm chiều rối lòng
 Chân trời giang rộng mệnh môn
 Cố hương thăm thẳm tịnh không lối về
 Giang hà im bất thuyền ghe
 Tha phương nhật mộ.... nào nề bèo mây.

Nguyễn Minh

Mây trôi

1.

SAU KHI BA TÔI CHẾT ĐƯỢC 49 NGÀY. SAU KHI mối tình đầu của tôi và Tuyên mới tan vỡ. Sau khi đã đám tổ chức sinh viên học sinh đấu tranh chống chính quyền đòi hòa bình chấm dứt chiến tranh, tôi mới thấy ê chề mỗi một vì những mặt nạ người rơi xuống: phản bội, cơ hội, hèn nhát. Ba nổi đau chồng chất lên trong tôi, như muốn nhận chìm tôi xuống vực sâu. Tôi cố đứng dậy. Và muốn xóa đi tàn tích của những kỷ niệm thương đau.

Một buổi chiều tà, Hữu và tôi ngồi trước sân nhà, nhìn những lá me tây vàng rơi rụng xuống mặt đường nhựa, nhẹ nhàng, lả lướt, cuối cùng nằm lura thưa đầu đó, hai đứa tôi uống cà phê Hữu tự pha, hút điếu thuốc phà khói lên không, những vòng khói tròn nhỏ rồi lan rộng, mong manh và biến mất. Tiếp tục những vòng khói khác. Tiếp mãi. Tiếp mãi. Thèm nghe một giọng hát cao vút và lả lướt. Tôi vội lên gác mang xuống chiếc máy quay đĩa cho chạy những bản nhạc của Ban Thăng Long và Thái Thanh. Âm thanh khe khẽ vừa đủ nghe. Hai đứa bạn thân từ hồi còn học ở Huế, cùng ham mê văn chương chữ nghĩa, cùng ở một nhóm văn nghệ. Cùng học một trường Sư phạm Qui Nhơn, ra trường nhận nhiệm sở cùng một tỉnh. Đúng vào nơi tôi đã sinh ra, lớn lên đến 17 tuổi tôi mới rời xa, về Huế – quê nội của tôi – tiếp tục học trung học đệ nhị cấp. Khi nhìn lên bảng phân bổ

các giáo viên của nhà trường có kẻ vui người buồn. Vui vì được trở về dạy học tại quê hương mình. Buồn vì bị đến một tỉnh thành thật xa lạ. Có những nơi chiến tranh rình mò chết chóc. Cầm sự vụ lệnh trong tay, cứ xem mãi tên tỉnh lý mình sẽ làm việc. Một tỉnh lý nhỏ nhất của miền Nam. Trở về lại nơi tôi đã bỏ đi. Trở lại căn nhà tôi đã từng sống với cha mẹ, anh em. Mẹ tôi đã mất khi tôi còn học ở Huế. Anh Phú bỏ nhà ra đi vào chiến khu. Ngân, em gái tôi theo chồng làm việc ở Nha Trang. Chị Mai lấy chồng sĩ quan ở Huế. Nói tóm lại căn nhà cũ chỉ còn ba tôi sau bao nhiêu lần tù tội, bị trục xuất về Huế, trở về sống với những ngày tàn bệnh hoạn. Chỉ còn chị Hồng, từ nhỏ đến lớn chẳng bỏ đi đâu, vẫn ở đấy, trong căn phòng nhỏ đầy kỷ niệm của mẹ tôi. Chị làm việc ở toà hành chánh tỉnh. Tuổi thanh xuân của chị buồn tẻ bên cạnh người cha bệnh hoạn khó tính. Khi chị thấy tôi xách va ly trở về chị vui hẳn lên. Ít ra cũng có người thân chia sẻ với chị những nỗi niềm buồn phiền do ba tôi gây nên hàng ngày. Để có một chỗ ở thoải mái, độc lập, tôi cất ở nhà sau một căn gác nhỏ. Giang sơn của tôi. Ba tôi chỉ chống gậy để bước từng bước một, cùng lẫm chẫm vào phòng chị Hồng mà thôi. Ông chỉ đứng dưới cầu thang mà gọi tôi khi có việc cần. Ba tôi không bước lên nổi để nhìn cách trang trí cũng như sắp xếp chỗ ngủ, bàn làm việc của tôi. Ít nhất tôi cũng có một khoảng riêng để thở, để suy nghĩ, và để yêu.

Hữu bồng nhiên gợi ý: *“Sao bọn mình không lập một quán cà phê cho vui!”*. Tôi tán thành ngay. Địa điểm là nhà tôi. Ngôi nhà rộng rãi tọa lạc trên một con đường ngắn, hai bên toàn những cây me tây cổ thụ, vươn lên cao, tỏa cành lá xum xuê, đầu ngọn lại kín như những

hàng tre mọc hai bên đường làng đan kín thành đường hầm rộng nhưng thoáng, những ánh sáng buổi trưa xuyên qua kẽ hở của cành lá, chiếu xuống mặt đường nhựa bóng láng những đốm sáng như những lá vàng nhỏ li ti nằm rải rác. Con đường vắng người qua lại cũng như tiếng ồn của xe cộ. Con đường dành cho những cặp tình nhân đi dạo bộ. Con đường dẫn tôi hằng đêm ngang qua ngôi chùa mà Tuyên đã từng sống trong đó. Bây giờ sắp có một quán cà phê văn nghệ, đón nhận những người cùng một ý thích là uống cà phê, hút thuốc và thả hồn mình theo tiếng nhạc du dương.

Quán lập ra do bốn người. Thành, bạn cùng khóa với chúng tôi, Hữu, tôi và chị Hồng. Mở cửa từ 6 giờ chiều đến 10 giờ đêm. Quán được đặt tên là TAO NHÂN. Chị Hồng phụ trách dưới bếp. Hữu chuyên pha cà phê. Thành bào đá bỏ vào những ly chè đậu xanh đánh, hoặc chè khoai tía, y như quán chè của mẹ anh ở trước nhà ga Huế mà những ngày còn đi học vào những chiều mưa phùn bạn bè thường rủ nhau ăn chè đá lạnh, sau đó vào ga nhìn những đoàn tàu đến và đi, vẫy tay đưa tiễn những người không quen, để khi ra về trong lòng mỗi đứa có một chút tình vương vấn. Tôi phụ trách về âm nhạc cho quán. Ngoài ra, cả ba chúng tôi đều là những chiêu đãi viên.

Từ lúc Hữu đề nghị mở quán đến ngày khai trương chỉ trong vòng một tuần lễ. Trước hết chị em tôi thấp nhang xin ba tôi cho chúng tôi dọn bàn thờ xuống gian nhà sau, và thuê thợ đập bức vách ngăn giữa phòng khách và phòng ba tôi từng chiếm lĩnh năm bệnh, nối tiếp thành một gian nhà rộng, thoáng. Bốn vách tường được quét vôi lấp đi vết tích hoen ố của thời gian. Quét lên vài lớp

vôi màu hồng như làm mới lại cuộc sống. Những bức danh họa mà tôi đã lấy từ những tạp chí nước ngoài của Van Goh, Gaughin, lồng vào khung kính treo rải rác quanh tường. Chị Hồng ngắm nghía gật đầu, lưỡng lự giây lát mới thốt lên: “Giá treo thêm *Rừng thu* thì không khí quán ấm cúng, tình tứ.” Tôi phản ứng như bị điện giật: “Vừa thôi chứ! Một chút riêng còn phải giữ”. Đó không phải một bức tranh, mà là một tấm ảnh màu nghệ thuật của một nhiếp ảnh gia nước ngoài được in lại làm trang phụ bản của tờ báo Time. Tôi lồng vào kính và treo trên tường đối diện với chiếc bàn làm việc. “Rừng thu” là tên Tuyên đặt. Nhìn tấm ảnh nhiều lần và tôi cứ ngỡ là tấm ảnh tôi và Tuyên chụp trong một khu rừng mùa thu. Bức ảnh chụp một chàng thanh niên đứng thẳng người dựa vào một thân cây vươn cao và một người con gái mặc váy gục đầu vào vai chàng, còn đôi mắt người thanh niên thì nhìn xa vời tận một phương trời nào đó. Dưới chân họ là những xác lá vàng cùng một rừng cây loang lổ những ánh sáng mặt trời chiếu xuống. Bức ảnh màu sắc mơ hồ như một bức tranh vẽ.

Trần nhà được thiết kế thêm một trần giả, nền màu xanh thẫm thấp hơn trần nhà cũ cả bốn tấc, chung quanh đặt những ngọn đèn được tấm trần che khuất, chiếu thẳng vào những bức tranh, và ánh sáng chỉ đủ để cảm nhận những sắc màu làm tâm hồn ta dịu lại. Trên tấm trần xanh đó được khoét những ngôi sao lóm đóm sáng như khách đang ngồi ngoài trời vào một đêm không trăng mà đầy sao. Bốn góc trên trần được gắn bốn thùng loa tỏa những âm thanh rải đều khắp quán. Khách ngẩn ngơ không nhận ra âm thanh êm đềm của giọng ca, tiếng đàn phát ra từ đâu.

Bàn ghế đều giao cho Hữu. Từng cặp ghế đầu lưng vào nhau, cao quá đầu, như những tấm vách ngăn thành từng ô nhỏ, một chút riêng tư cho cả bốn người ngồi.

Cửa vào quán, như cổng tam quan. Một rừng tre. Những thân tre thẳng tắp đã được phết lên dầu bóng để giữ được màu, san sát bên nhau đóng cứng vào vách tường. Trên khung cửa chính những thân tre uốn cong lại và đầu cành lại với nhau như một vòm tre ở hai bên đường làng. Phải rồi, tôi nhớ ra hình ảnh của quê Hữu, làng Vân Dương, cách Đập Đá ở Huế không bao xa. Mỗi lần lũ chúng tôi, bạn bè năm bảy đứa cùng học một trường, cùng trong một nhóm văn thơ, rủ nhau đến nhà Hữu, để chỉ được đi dưới bóng mát của hai hàng tre mọc hai bên đường làng. Nhìn lên trời chỉ thấy một màu xanh của cành lá đầu lại đương vào nhau, dù chỉ một khoảng ngắn, báo trước sắp đến nhà của Hữu. Nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, Hữu gặng vào đây. Chị Hồng chưa bao giờ bước chân về Huế – quê nội của chúng tôi – chị chưa được cái cảm giác mệnh mang đi dưới hàng tre mà làng quê nào ở Huế cũng thường có. Thế mà chị cũng thốt lên được khi chỉ vào “rừng tre” của Hữu: “Nhìn nó cũng thấy lòng băng khuâng nỗi nhớ.”

Từ khi chị chỉ là cô gái hai mươi tuổi, trong căn nhà này, không khí lúc nào u ám, buồn phiền. Ngày tám tiếng chị đi làm công chức và tìm nguồn vui ở bên ngoài căn nhà, ở công sở mặc dù ở đó nhàm chán. Về đến nhà, nhốt mình trong căn phòng ngày trước là của mẹ tôi, như tìm một sự êm ái, hơi hám của mẹ để lại, để lòng chị ấm hơn. Chị đâu biết tâm sự với ai, cho tới ngày tôi trở về. Và khi ba tôi chết, tôi muốn căn nhà này là cõi mộng. Chị gọi Hữu: “Hữu và Thành ra sân sau, mang những

chậu hoa hồng nhung, tường vi, hoa sứ, hoa dạ lý hương ra chưng dọc hành lang của quán.” Làm theo ý chị, nhưng lại thắc mắc: “Trước khi khách vào quán, nhìn được những cánh hoa đẹp, lại thoảng thoảng mùi hương, như dẫn khách vào động hoa vàng. Nhưng đặt ở đây thì chỉ một đêm sáng mai dậy chẳng còn một chậu hoa. Nó khiêng mất.” Chị cười: “Ai bảo thế. Chỉ khiêng ra trước khi quán mở cửa. Và cất lại lúc quán sắp đóng cửa. Chỉ khổ cho các cậu thôi”. Khách đi ngang qua, thấy những hàng chậu hoa chưng hai bên cổng biết giờ quán mở cửa. Đến khuya thấy chúng tôi lục đục khiêng những chậu hoa vào nhà sau, như nhắc chừng đã đến lúc khách phải ra về.

2/

Ngày khai trương và suốt một tuần sau đó, quán không còn chỗ cho khách ngồi. Lúc đầu ai cũng đến vì hiếu kỳ. Thời ấy tại thị xã bé nhỏ của một tỉnh lẻ mà phố xá chỉ là một con đường độc nhất, mọc lên một quán cà phê văn nghệ của chúng tôi là một điều lạ.

Khách đến ban đầu là những đồng nghiệp của bốn người. Sau đó lan rộng như vết dầu loang. Họ là những học sinh trung học đệ nhị cấp, những y bác sĩ, những cô giáo, thầy giáo, những viên chức của các công sở. Tất cả đều trẻ thuộc thế hệ của chúng tôi, và thường là những người từ tỉnh xa chuyển đến công tác tại thị xã bé nhỏ này.

Không khí trong quán ấm cúng, trong tiếng nhạc du dương, thích hợp cho một đôi tình nhân trẻ tuổi. Cô bé là một nữ sinh mang họ Công Tăng Tôn Nữ... Tuổi mới lớn. Vai gầy. Dáng mảnh khảnh. Cậu con trai, mặt còn non chet, nhưng cố làm ra vẻ một thanh niên chững chạc,

lỗi đời. Hình như cùng học một trường với cô bé. Hai cô cậu vẫn thường ngồi ở một góc quán vào tối thứ bảy. Thường cô bé đến trước và cậu con trai đến sau. Như biết ý Hữu mang đến một ly chè đậu xanh nước đá bào và một ly nước cam tươi. Họ ngồi với nhau suốt cả buổi tối cho tới khi quán chuẩn bị đóng cửa. Nhiều lần như thế thành một thói quen. Và tôi để những bản nhạc Dư âm, Suối tóc, Tà áo xanh, Người đưa thư v.v... như những ngày Tuyên đến thăm tôi, hai đứa vẫn ngồi bên nhau, tiếng hát Thúy Nga, Thanh Thúy rồi Khánh Ly, Lệ Thu trầm buồn đưa tâm hồn hai đứa tôi xích lại gần nhau hơn. Khi cô bé ấy, vào tối thứ bảy không đến, cũng như lâu rồi Tuyên vắng bóng, tôi chạnh lòng giây lát. Cậu con trai cũng bật tắt. Nửa năm sau mới biết mối tình học trò ấy tan vỡ. Cô gái nghỉ học và đi lấy chồng theo quyết định của cha mẹ. Cậu con trai bỏ quê hương tình nguyện đăng lính. Tuyên đã thôi học và đã trở về quê sống với mẹ cha. Còn tôi, mở quán cà phê hình như để chỉ lấp nỗi buồn hay tạo cơ hội, không khí cho những cuộc tình của những người xa lạ sinh sôi nảy nở rồi tôi lại bồi đắp lên mà cứ tưởng chuyện tình của mình cũng đang nở hoa.

Trong những người khách đến quán vừa thích nghe nhạc vừa hạp gu cà phê do Hữu pha chế, có một người con gái cùng lứa tuổi với chúng tôi đã để lại một ấn tượng khó quên. Nàng tên là Vân Phi. Người con gái đáng mảnh khảnh, mắt mí lót, tóc đen mượt xõa quá lưng. Nàng có một giọng ca trầm trầm, ấm áp. Hình ảnh của Vân Phi thời còn đi học chung với chúng tôi ở trung học đệ nhị cấp. Nàng là một trong những người nữ sinh duyên dáng đã từng làm biết bao cậu học sinh cùng lứa tuổi phải

thần thờ. Đã vậy nàng còn là một huynh trưởng trong đoàn thể Gia đình Phật Tử, mỗi sáng chủ nhật nàng dịu hiền trong chiếc áo dài màu lam, nắm tay các em nhỏ cùng vui ca, nhảy múa. Trong những ngày Phật đản, trăng sáng tỏa khắp sân chùa, các tín hữu cũng như khách thập phương, lòng nhẹ nhàng thanh thoát lâng lâng trong tiếng hát từ trên sân khấu vọng xuống của người con gái ấy.

Trong vở kịch Quan Âm Thị Kính, nàng lại thủ vai Phật Bà, thảnh thơi xuất hiện trên sân khấu với khuôn mặt trong sáng và thánh thiện. Hình ảnh Vân Phi để lại trong tôi của thời thanh xuân là như thế. Tôi xa thị trấn bé nhỏ này rồi tôi cũng quên đi. Ngày trở về, trong một lần họp giáo viên trong tỉnh tôi mới gặp lại Vân Phi. Cô là đồng nghiệp với chúng tôi. Cô dạy ở một trường rất xa thị xã, nơi ấy là vùng dân tộc và chiến tranh đang rình rập xóm làng. Bẵng đi mấy năm tôi không gặp lại.

Giây phút gặp nhau làm tôi ngỡ ngàng, không biết thật hay hư. Chẳng lẽ đang đứng trước mặt tôi là người con gái dịu hiền năm xưa, đáng yêu đỗi, xanh xao mang vẻ đẹp liêu trai. Người con gái, giờ đây, mặt trét đầy phấn trắng nham nhở, môi như sưng vù bầm máu, tóc dựng lông nhím, mặc chiếc quần tây bằng kaki vàng đã bật màu và hai đầu gối vá hai miếng vải đậm màu, cùng chiếc áo thun đỏ hở nách ôm sát thân thể nàng. Bộ ngực căng đầy sức sống. Tôi tưởng nàng đang cải trang sắm một vai bụi đời trong một vở kịch nào đó mà sân khấu là trong quán cà phê, diễn viên và khán giả lẫn lộn bên nhau. Cô nàng tự động mở cửa quán bước vào, theo sau năm sáu gã con trai mới lớn ăn mặc lôi thôi, xốc xếch, có kẻ còn mặc áo thun hở nách, cô nàng ngồi vào một

góc quán, còn đám thanh niên đến ngồi giữa quán. Tôi đang mở máy hát. Tiếng kèn đồng tha thiết trong bài *To night*. Vừa từ nhà sau đi lên, bỗng nghe tiếng huýt gió, rồi tiếng búng tay, rồi một giọng nói ngổ ngáo: “Ghê! Chủ quán đâu?” Tôi đi về hướng có tiếng gọi ngang qua đám thanh niên đưa ngón tay ra dấu tôi phải gặp ai.

Người con gái đang quay mặt vào vách tường. Tôi hỏi giọng nhẹ nhàng: - “Xin lỗi, cô dùng gì?” Giọng người con gái khàn khàn và cay cú: - “Nghe quán mới mở. Nói chủ quán ra đây?” - “Tôi đây. Chủ quán đây.” Tôi vẫn đứng thẳng người. Cô nàng quay mặt lại. Tôi tưởng cô đang đùa với tôi sau bao nhiêu năm gặp lại. Tôi nhìn chăm bẵm rồi buột miệng: - “Phật Bà Quan Âm!”. Cô nàng cười ngất ngưỡng: - “Tưởng ai xa lạ. Té ra ông bạn thời xa xưa. Hết Phật Bà rồi giờ thành nữ tặc.”

“Nữ tặc”. Cách đây một tuần lễ có một vài người khách hỏi chúng tôi: “Quán Tao nhân nữ tặc đã đến thăm chưa?” Tôi lắc đầu. Và tôi đợi chờ. Một vài câu chuyện về “Nữ tặc” đã được thêu dệt. Mỗi người kể lại có khác nhau nhưng chung qui Nữ tặc là một cô gái người địa phương sống thác loạn, thường phá phách trong các quán. Trong lúc mọi thiếu nữ ở thị trấn bé nhỏ này chưa ai dám mặc quần ngắn quá gối, áo ngắn hở tay ở trong nhà hướng chỉ ra đường phố, chỉ trừ những khách vãng lai, từ thủ đô Sài Gòn ghé ngang còn mặc váy đầm, hoặc bó sát thân hình bằng quần jean áo thun, thì “nữ tặc” ngồi trong quán nước, dựa lưng vào vách tường, phì phà điếu thuốc, mắt lim dim, gác hai chân lên chiếc ghế đầu thấp, đưa cả cặp giò trắng trẻo giữa đám khách đàn ông đang ngồi uống bia.

Những thanh niên ngồi cạnh bàn liếc mắt nhìn “nữ tặc”

mà cười nói lá lơi. “Nữ tặc” búng tay một cái “tách” và gần giọng: - “Giờn mặt hả”. Thế là một tốp con trai mới lớn ngồi đầu ở một góc quán đứng phắt dậy, xô ngã bàn ghế làm chai, ly rơi xuống thềm nhà kêu loảng xoảng, áo bạch ngực lộ ra những hình xăm sọ người có hai khúc xương chéo ngang, hùng hổ tiến đến, hất hàm: “Tụi bây nhìn cái gì?” Khách trong quán lảng lạng bỏ đi. Chủ quán chỉ biết dọn dẹp sạch sẽ, và sau đó chẳng ai muốn vào quán đó nữa.

Như biết được những ý nghĩ tôi đang có trong đầu, Nữ tặc nói: “Đời chán thấy mẹ. Tôi đã bỏ dạy ở cái xứ thượng. Nạp đơn xin nghỉ. Trưởng Ty hỏi: Bỏ việc rồi làm gì? Làm nữ tặc. Trưởng Ty vội vàng phê ngay trong đơn: Chấp nhận, đương sự bị khủng hoảng tinh thần. Vào chùa trả lại áo lam, vẫy tay chào các em oanh vũ mà tôi đã từng làm huynh trưởng của chúng. Trưởng Đoàn GDPT động viên: Cô đi dạy xa, chủ nhật nghỉ có dịp về thị xã đến chùa sinh hoạt cho vui. Thôi vậy, cho em xin. Đang chán đời. Chán tất cả. Ông thấy tôi đâu muốn làm ô danh nghề nghiệp. Tôi cởi áo đạo mạo giả tạo ra rồi.” Ngừng một lát, “nữ tặc” hỏi tôi: “Ông trả lời tôi nghe cái lược dùng để làm gì?” – “Để chải tóc cho suông” – “Thôi hả?” Nữ tặc rút trong túi quần chiếc lược nhỏ đưa lên đầu với một động tác nhanh nhẹn cầm lược đánh rối tóc làm tóc phồng lên: “Chẳng lẽ cái lược chỉ làm suông tóc. Chẳng lẽ mái tóc đẹp chỉ là thế. Cái lược sẽ làm ngược lại chứ. Và mái tóc rối phồng cũng đẹp chứ. Đó ông thấy tóc sư tử giống mấy cô ca sĩ Sài Gòn chưa?”. Tôi cười thích thú: “Ừ nhỉ, cũng đúng”. Tôi hỏi nhỏ như với một cô bạn thân: “Phi uống gì?” – “Ông rảnh không? Ngồi xuống đây. Cà phê nhé.” Nữ tặc ra dấu cho đàn em giải

tán và còn dặn thêm: “ Tui bây tuyệt đối không được gây sự ở đây nghe.” - “Dạ, dạ”. Rút êm. Quay qua tôi: - “Ông cho hai tách cà phê đen không đường và mấy điều capstan”. - “Tôi uống rồi, mà cà phê sữa cơ”. Nữ tặc cười thành tiếng: “Ai bảo với ông là tôi mời ông, hai phin một lượt tôi uống mới đã”.

Tôi ngồi đối diện với “Nữ tặc” nhìn người thiếu nữ tay cầm điều thuốc đưa lên môi, khói từ mũi đưa ra bay từng cụm tròn lên không và tan dần. Đôi mắt nàng lim dim như đang nghĩ về một nơi nào đó. Phin cà phê đã cạn, cái tách trắng chứa một ít nước đen ngòm và sênh sếch loáng trên mặt một màng bơ mỏng, “Nữ tặc” đưa lên môi nhấp từng tí một như một cụ già sáng mai thức thật sớm ngồi nhấp từng cụm nước trà tàu trong chiếc bình độc ẩm nhỏ xíu bằng đất nung. “Nữ tặc” yêu cầu tôi để những bản nhạc do Thái Thanh, Anh Ngọc hát và nàng hát theo thật khẽ.

Nữ tặc hỏi tôi: - “Đàn ông con trai các ông khi thất tình thì làm gì?” Tôi cười không trả lời nhưng tôi nhớ lại cảnh những đêm khuya, tôi lang thang khắp phố phường, đưa chân đá mạnh vào những thùng rác trên đường, hoặc vãi con chó đang ngái ngủ để nó thức dậy và sủa inh ỏi phá tan sự yên tĩnh chung quanh mình, như trút bớt nỗi giận hờn vô cớ đã nằm sẵn đâu đó trong tâm can. Có khi tôi rủ một tên bạn thân đến một quán cóc bên đường, định tâm sự với hắn về một người tình đã bỏ đi xa, nhưng hắn mặt vẫn đờng đờng như không muốn nghe, buồn quá nên uống rượu, không như mọi lần vui chơi với bạn bè cả mười chung rượu ăn thua gì, thế mà trong cơn thất tình chỉ một chung đã say để gọi thành tiếng dù rất nhỏ: Tuyên ơi! Rồi gục đầu xuống bàn, cuối cùng tên bạn

phải điu tôi về.

Nữ tặc tự trả lời: “Nhi nữ thường tình chỉ âm thầm biết khóc. Còn tôi khi những người tình đã bị chiến tranh cướp mất, tôi phải làm sao?”

Khi nghe tin Tân, bạn thân tôi đã tử trận từ chiến trường A Sao, tôi phải chạy một mạch ra bờ đê, đứng trên đó nhìn xuống dòng nước chảy cuộn cuộn của con sông Dinh, giang hai tay lên trời mà miệng gào to đến khàn cả cổ: Tân ơi! Tân ơi! Nuốt nước mắt và chấp nhận sự mất mát một người thân. Phản ứng khi mất bạn bè thân thích có thể khác nhau. Có người đập phá mọi đồ vật quanh mình. Có người đánh bất cứ ai. Để trút cơn đau, lại có kẻ đòi trả thù. Đi lính và bắn giết lại đối phương. Tôi định hỏi Vân Phi: “Bà làm nữ tặc để phản kháng lại những gì mình đã mất sao?” nhưng tôi lại câm miệng.

3/

Ba người bạn ngồi bàn sát thành lan can của nhà thủy tạ. Ba cốc rượu Martin, uống từng hớp một cho ấm lòng, trời lạnh như cắt, hơi nước từ hồ Xuân Hương theo gió hắt vào người làm run rẩy thân thể, rồi luồn vào tâm can. Đã bốn năm rồi từ ngày ra trường Sư phạm Qui Nhơn, bây giờ trong một tình cờ chúng tôi mới gặp được nhau. Hai người bạn đều mang tên chữ Sơn. Một người họ Trần nhưng khi làm thơ lấy bút hiệu Chu Sơn, anh khoác trên người thêm chiếc pardessus bằng vải dù màu xám, mái tóc dài bồng bênh. Một người, trong giấy khai sanh, khi đặt nhạc, khi cầm chiếc đàn guitar hát cho mọi người nghe, vẫn luôn mang tên thật của mình: Trịnh Công Sơn. Vẫn như những ngày ở Huế, ở Qui Nhơn, anh vẫn đội lên đầu chiếc mũ bê-rê nâu, choàng chiếc áo vét đen đã bạc

màu, dính đầy bụi phong trần. Tôi nghe nhạc của Trịnh Công Sơn trước khi quen anh. Những tháng ngày mùa đông xứ Huế, mưa dầm liên miên, nỗi buồn bơ vơ của tôi như những giọt mưa còn đọng nơi mí mắt. Trong một buổi tiệc cưới anh của Nhã Ca, trong gian nhà nhỏ, chỉ một chiếc bàn dài, và cũng toàn những người bạn cùng trang lứa và thân tình với Nhã Ca, tôi nghe được bài Ướt Mì, do một chàng thanh niên bằng tuổi tôi: hai mươi. Anh cũng nhỏ người như tôi, cũng gầy ốm như tôi. Anh hát với giọng trầm. Hỏi ra đó là Trịnh Quang Hà, em kế của chàng nhạc sĩ tác giả bài hát. Sau đó vài tháng, tình cờ nghe đài phát thanh Sài Gòn một giọng ca nữ, giọng trầm rất truyền cảm: Thanh Thúy. Tôi cũng hát theo và thuộc một vài câu mà tôi thích: *“Ngoài hiên mưa rơi rơi. Lòng ai đang chơi vơi... Mưa kéo dài lê thê những đêm lạnh ướt mi.”*. Tôi thích, tôi thấy hay vì hợp với tâm trạng của tôi trong những ngày thanh xuân ở Huế. Trước đó tôi thường xúc động khi nghe Bạch Yến gởi hồn mình để cất tiếng hát, bài Đêm Đông của Nguyễn Văn Thương. Cũng như Giọt Mưa Thu thánh thót qua giọng ca tuyệt vời của Thái Thanh. Giờ đây trong tôi còn có thêm Ướt Mì của Trịnh Công Sơn qua tiếng hát thánh thót của Hà Thanh.

Hằng năm đến Tết trường Sư phạm đều có buổi trình diễn văn nghệ ở nhà hát lớn nhất Qui Nhơn là rạp Kim Khánh. Để đêm diễn được thành công, chúng tôi thường phải tập dợt những mục mình đảm trách. Tôi đóng một vai phụ trong vở kịch thơ: *Người điên giữa kinh thành* của Vũ Hân. Sơn điều khiển bản hợp xướng: Dã Tràng Ca do anh sáng tác. Trong dịp ấy tôi mới quen Trịnh Công Sơn. Tôi nói với anh: “Nghe bài Ướt Mì tôi tưởng

tượng là ông già lắm. Hóa ra chàng rất trẻ.” – “Cũng vậy thôi, khi tôi đọc văn ông trên tuần báo văn học Ngàn Khơi của vợ chồng Trần Dạ Từ - Nhã Ca, thì ra chàng cũng trẻ như tôi.” Lúc bấy giờ tuổi chúng tôi chỉ trên hai mươi.

Chia tay nhau, mỗi người mỗi ngã trên khắp miền đất nước nhưng tôi vẫn nhớ về Sơn. Đó là hình ảnh một chàng nhạc sĩ, tóc bông bênh, mang chiếc kính cận, đôi mắt sáng trông đen là màu hạt dẻ, chiếc áo vét đen phong trần, đầu đội mũ bê-rê nâu, đứng ở một góc sân khấu quay lưng về phía khán giả, cầm chiếc que nhạc trường hai tay đánh nhịp say sưa, đầu gật theo tiếng nhạc, và mái tóc rủ xuống quá trán, đang điều khiển ban hợp xướng gồm cả mấy chục người vừa nam vừa nữ đứng sát cạnh nhau, hai hàng, chập cả sân khấu, mắt họ đều nhìn về phía chàng nhạc trưởng theo từng que nhịp đưa lên đưa xuống và hồn họ cũng theo từng nét mặt trầm lắng mà hòa điệu: “Dã tràng xe cát biển đông...” Và tiếng trống ai đánh vang rền, dồn dập như tiếng sóng gầm trong cơn bão biển vào đầu bài hợp xướng. Tiếng trống ấy thưa dần, nhỏ dần rồi biến mất vào đoạn cuối bản hợp xướng.

Chu Sơn cho tôi biết cả hai bạn đều đã bỏ nghề. Còn tôi cũng mang ý định một ngày nào đó không xa tôi cũng giã từ đám trẻ con để vào Sài Gòn làm báo viết văn. Trịnh Công Sơn kể cho tôi nghe những buổi du ca cùng với sinh viên các trường Đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt. Một mình với cây đàn guitar hát một lượt đến mười bài mà không thấy mệt. Trong tiếng vỗ tay cổ vũ, cũng như vỗ nhịp của tuổi trẻ làm anh phấn khởi thêm. Đêm hôm qua trong khuôn viên trường Đại học Đà Lạt, trong ánh

sáng bập bùng của lửa trại, Sơn cùng tuổi trẻ, chia sẻ nhau những khổ đau mất mát của chiến tranh, những khát vọng về hòa bình bằng tiếng hát, tiếng đàn đệm guitar của Sơn trong Ca Khúc Da Vàng anh mới sáng tác, làm tăng thêm bầu nhiệt huyết của tuổi thanh xuân.

Tôi cho hai bạn biết về quán Tao Nhân của chúng tôi. Hữu và Thành cũng là bạn học cùng lớp với Sơn. Và khách đến quán chỉ toàn những người mê nhạc. Sơn hỏi về quê tôi, vì Sơn đã đi nhiều nơi trên khắp đất nước nhưng cái thị xã Phan Rang nhỏ bé Sơn chưa dừng chân. Tôi tả cho Sơn nghe về bãi biển Ninh Chữ, cát trắng mịn màng, sạch sẽ, cùng màu xanh thẳm của biển, cùng sóng vỗ rì rào, cùng những hàng dương trơ lên những rễ cần cỗi trên mặt cát. Bãi biển ở Gành Ráng Qui Nhơn đã làm Sơn sáng tác được Biển Nhớ. Trường ca Dã Tràng. Sơn kể lại: Một lần trong phòng tắm ở cư xá nhà trường, buổi sáng rất sớm tình cờ nghe tiếng sóng vỗ rì rào vào những ghềnh đá, vào bờ cát trắng từ xa vọng lại. Sơn liên tưởng đến những gì sóng sẽ kéo theo ra biển, phải chăng những vết chân còn để lại dọc theo bờ cát ướt của chính mình lang thang trong những buổi tinh sương một mình ra biển để nhìn mặt trời mọc. Phải chăng sóng đã mang ra xa những tượng đài cát mình đã xây chơi trong những buổi tắm biển. Phải chăng sóng đã kéo ra biển những gì mà dã tràng đã xe cát. Trong Sơn dạt dào một tình cảm đang dâng lên như sóng biển, và Trường ca Dã Tràng được hình thành ngay lúc ấy.

Trịnh Công Sơn nói với Chu Sơn: “Hay bọn mình kéo nhau xuống Phan Rang, làm một đêm Ca Khúc Da Vàng đi.” Chu Sơn dè dặt hỏi tôi: “Nơi quán ông có bảo đảm an ninh cho Sơn không? Tại trường Đại học có cả một

lực lượng sinh viên bảo vệ. Còn quán ông có ai.” Tôi cười thành thật trả lời: “Chỉ có những người yêu nhạc Trịnh Công Sơn”. Tôi tưởng Trịnh Công Sơn sẽ bỏ ý định đó, nhưng không ngờ anh từ tốn nói: “Chưa bao giờ mình tự hát Ca Khúc Da Vàng trong một quán cà phê. Thử xem, cảm giác ra sao?”

Chúng tôi hẹn nhau là hai hôm sau Chu Sơn có trách nhiệm hướng dẫn Trịnh Công Sơn xuống Phan Rang tìm địa chỉ 11 Nguyễn Thái Học, hay hỏi ai đó về quán Tao Nhân. Tôi về trước để chuẩn bị đêm hát cho Sơn.

Tôi báo cho Hữu, Thành, chị Hồng tin Trịnh Công Sơn sẽ hát Ca Khúc Da Vàng tại quán Tao Nhân. Mọi người phấn khởi và bàn nhau về sự an toàn cho đêm hát. Hữu lên gác tôi mở cánh cửa hong gió sát trần nhà bắc sẵn một chiếc cầu ván sang nhà lầu bên cạnh của một người hàng xóm thân với nhà tôi. Năm lứt Nhâm Thìn cả nhà tôi đều theo kiểu này lánh nạn qua bên nhà đó. Thành lo dọn trống một góc quán để làm một sân khấu nhỏ. Tôi gắn micro vào ampli thử tiếng và bỏ sẵn cuộn băng trống để thu lại tiếng hát đêm trình diễn. Chị Hồng chạy ra chợ đến hàng bán hoa từ Đà Lạt chuyển về đặt trước những bó hoa hồng. Còn khách đến nghe là bạn bè của chúng tôi được mời bằng cách rủ tai.

Đã trễ giờ đã hẹn. 3 giờ chiều đến 7 giờ mới bắt đầu cuộc diễn. Trong 4 tiếng đồng hồ đó đủ cho tôi dẫn Sơn và các bạn đi theo về biển Ninh Chữ. Tôi biết Sơn rất mê biển. Hữu xách đàn guitar từ phòng trọ lại. Trời đã tối hẳn và khách đã vào chỗ ngồi. Hữu bảo nhỏ tôi. “Nếu không có TCS chắc có lẽ tao cầm đàn hát thế. Không phải Ca Khúc Da Vàng vì chưa nghe đến. Thôi những bản tình ca của TCS vậy.” Còn khách mời đến thì

nghĩ chắc chúng tôi đùa. Bạn bè cả.

Trong lúc chúng tôi đang luống cuống thì Sơn cùng ba người bạn mà chúng tôi đều quen, đi chiếc xe “con cóc” dừng lại trước quán. Hỏi ra mới biết theo yêu cầu của Sơn, lâu quá nhớ biển, các bạn đã xuống từ 3 giờ, nhưng lại kéo nhau xuống Ninh Chữ, tắm cho đã. Như theo lời dặn của tôi, Sơn và các bạn vào quán cứ đi thẳng ra nhà sau, và lên căn gác của tôi, để khách không nhận ra. Tôi cười với Hữu: “Thôi cha. Cho tôi xin.” Hữu cười ha hả: “Chút xíu nữa tao đóng vai giả TCS rồi.”

Tôi đóng cửa lại. Phía trước không chừng hai hàng chậu hoa như mọi hôm. Khách thường, tưởng quán không mở bán. Hôm nay các bàn ghế được sắp xếp lại, tất cả đều quay ngược về trong. Khách chỉ uống nước ngọt mà thôi. Hữu cầm micro giới thiệu, khi Sơn cầm cây đàn guitar từ nhà sau bước lên, với khán giả. Mọi người ô một tiếng như trút hết sự ngạc nhiên và thân tình xem như tất cả mọi người đều cùng là bạn thân nhau khi Trịnh Công Sơn nở một nụ cười rất thân ái.

Một bàn dành riêng cho chủ quán bốn người cùng ba người bạn của Sơn. Trong ánh đèn dịu dàng như ánh trăng. Trong không khí ấm cúng như một gia đình, tiếng hát Sơn cất lên cùng tiếng đàn guitar Sơn tự đệm theo. Chiến tranh như đã tràn vào nơi đây. *“Đại bác đêm đêm dội về thành phố. Người phu quét đường dừng chổi đứng nghe..”*

Tôi đứng dựa mình vào vách tường, cạnh cửa chính bằng gương trong suốt. Có tiếng gõ đều đều từng tiếng vào kính, tôi quay người lại và nhìn qua, chỉ thấy dáng dấp một người con gái. Tôi tưởng là Tuyên đến. Mở cửa, trước mặt tôi là Nữ Tặc Vân Phi. Hôm nay nàng mặc một chiếc áo dài tím. Nữ Tặc hỏi: “Đêm nay làm gì mà

không mở cửa bán. Bộ mấy ông đọc thơ phản chiến phải không?” Tôi ra dấu Nữ Tặc im lặng: “Không đọc thơ mà hát nhạc phản chiến. Phi vào đi, hôm nay tôi mời cô bạn ngày xưa nghe. Trịnh Công Sơn ca đó.” – “Đừng có xạo. Nữ Tặc quậy đó.” – “Thôi vào đi cho tôi đóng cửa. Bộ không thấy gắn bảng xin lỗi nghĩ bán một buổi đó sao?” – “Thấy chứ. Nên về nhà mặc chiếc áo dài thời lãng mạn đến uống cà phê nghe nhạc với các ông đây.” – “Bà là khách không mời mà đến đấy nhé!” Đâu còn một chỗ ngồi nào, tôi dẫn Nữ Tặc đến chiếc bàn dành riêng cho chúng tôi, tôi nhường chỗ tôi cho Nữ Tặc. Khách trong quán có vẻ bức bối, phiền hà vì sự có mặt của Nữ Tặc nhưng tiếng hát của Sơn làm họ quên đi rất nhanh.

“ Tôi có người yêu chết trận A Sao. Tôi có người yêu ở chiến khu D, chết trận Đồng Xoài, chết ngoài Hà Nội... Sơn hát như lời thầm thì tâm sự nỗi buồn, nỗi đau khổ, nỗi mất mát giùm cho người bạn gái Việt Nam đã mất đi những người tình trong các mặt trận từ hai phía. Phải chăng nỗi sầu của Vân Phi.

“ Một người già trong công viên, một người điên trong thành phố...nhớ xác con...” “ Ru con của mẹ...”

Suốt hai tiếng đồng hồ Trịnh Công Sơn hát liên miên, từ bài này sang bài khác mà không một lời giới thiệu, ngắt đoạn. Giọng anh trầm buồn hạp với lời tâm sự nỉ non về thân phận con người Việt Nam da vàng đang đau khổ vì chiến tranh đã gây ra cảnh tang tóc cho mọi người, từ người già ngơ ngác trong tiếng đại bác, từ em bé lơ lửng, trong công viên những người điên ru con hai lần, từ lúc con lọt lòng, và khi con chết, những người con gái yêu quê hương như yêu đồng lúa chín nay ruộng đồng đã tan nát. Những trai tráng trong làng, trong thị thành, đều khoác áo lính và bỏ mình cho tổ quốc hoặc trở về nhà

với thân tàn ma dại, chỉ còn một cánh tay, một bàn chân, đôi mắt mù lòa. Bao nhiêu cuộc tình tan nát, chia lìa. Từ đau khổ đó cuối cùng Trịnh Công Sơn rộn ràng với tiếng hát mơ một ngày hòa bình để được đi thăm Sài Gòn, Huế, Hà Nội, ba miền thương yêu nhau như bạn bè đã từng lẫn lóc và nằm ngủ với nhau cùng một chăn chiếu. Mọi người trong quán đều xúc động, mắt cay đỏ hoe và tim bị thắt lại, không phải vì khói thuốc và không khí ngột ngạt mà vì Trịnh Công Sơn đã dồn những niềm đau của từng người thành một, chồng chất lên nhau, thành một nấm mồ. Sơn hát cho mọi người nghe mà như anh hát cho ai đó, những oan hồn của người chết đâu đó trên đất nước này đang lang thang trên các chiến trường, cũng lảng vảng quanh đây, bên tiếng đàn guitar của anh, trong con mắt anh như nhận ra có họ trước mặt, nên mắt anh lảng xuống và đón nhận.

Bài hát cuối cùng đã làm mọi người như nóng lên bầu nhiệt huyết, những tiếng vỗ tay từng nhịp và hát theo anh. Gia Tài Của Mẹ: *Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu. Một trăm năm đô hộ giặc Tây. Hai mươi năm nội chiến từng ngày. Gia tài của mẹ để lại cho con một nước Việt buồn...Gia tài của mẹ để lại cho con một lũ lai căng. Gia tài của mẹ để lại cho con một lũ bội tình...Dạy cho con tiếng nói thật thà...*

Như một lời nhắn nhủ của chàng nhạc sĩ họ Trịnh, cũng như chúng ta tự nhủ thầm là trong cái đau khổ vì chiến tranh, chúng ta phải chấm dứt bằng hòa bình và ta phải dạy con cái ta sau này phải sống chân tình.

4/

Khách đã kéo nhau ra về với nỗi bàng hoàng. Mỗi người còn được quán Tao Nhân tặng một tập nhạc Ca Khúc Da

Vàng có chữ ký của tác giả. Chỉ riêng Nữ Tặc Vân Phi vẫn còn ngồi đó. Tôi đến nhắc nhưng Vân Phi yêu cầu được nói chuyện với Trịnh Công Sơn. Thấy tôi còn đang lưỡng lự, như đoán được ý nghĩ của tôi, Vân Phi nói nhỏ: “Tôi không làm phiền gì đến các ông đâu!” Khi nhìn đôi mắt Vân Phi cũng ươn ướt như vừa mới viếng thăm một đám tang của người bạn thân, tôi mới đồng ý. Tôi lên gác chuyển lại với Sơn ý định đó của Vân Phi. Các bạn ngã mình lên chiếc giường của tôi, nghỉ ngơi sau một ngày mỗi mệt và nghĩ rằng Sơn cũng cần như thế. Sơn cười: “Mình rất thích có dịp trực diện với người ái mộ mình chứ!” Tôi dặn Sơn: “Tôi xuống trước báo lại và để dọn bàn ghế lại như cũ chỉ một lát là xong, ông xuống thì vừa.”

Đèn trần bật sáng choang, các ngọn đèn mờ được tắt đi. Như sau một đêm diễn sân khấu còn bẽ bộn. Tôi chỉ chỗ cho Vân Phi, người khách duy nhất còn lại, ngồi đợi Sơn. Còn tôi cùng Hữu, Thành lo dọn dẹp nhà cửa. Chị Hồng lo rửa sạch ly tách. Hữu và Thành trở về nhà trọ và hẹn sáng thật sớm sẽ đến uống cà phê và tiễn Sơn đi.

Như qua một ngày mới, như quán vừa mới mở cửa bắt đầu cho một cuộc chơi khác. Tôi chỉ để một ngọn đèn trần mờ mờ đủ sáng như ánh trăng lưỡi liềm để Sơn tiếp người khách nữ chưa quen. Tôi lên gác nằm nói chuyện với Chu Sơn. Chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm những ngày ở Qui Nhơn cùng với các bạn khác giờ đã tản mác nơi đâu. Chu Sơn ngủ lúc nào tôi không hay và anh đã cất tiếng ngáy như sấm.

Tiếng hát trong đêm khuya, giọng trầm trầm, khàn khàn như ai vừa uống rượu say, như ai vừa hút thuốc quá nhiều còn đọng khói nơi cuống phổi, đưa hơi thở ra

ngoài, như ai đã giữ trong lòng bấy nhiêu nay một nỗi hờn căm, giận đời, giận mình, bây giờ có dịp trào ra theo tiếng hát. Tiếng đàn guitar rộn ràng, tha thiết đệm theo. Tất cả âm thanh ấy dội lên từ quán Tao Nhân của tôi, những bản tình ca của Trịnh Công Sơn.

Tiếng hát buồn quá, nghẹn ngào, tiếc nuối, trông ngóng. Tôi ngồi dậy, châm một điếu thuốc. *“Chiều chủ nhật buồn, nằm trên căn gác đầu hiu... Ô hay mình vẫn cô liêu...”* “Chiều một mình qua phố âm thầm nhắc đến tên em...” Hết bài hát này nối tiếp ngay bài khác. Tôi không thể ngờ người con gái mà cả thị trấn nhỏ bé này muốn đắm nát nằng khi nàng muốn đứng dậy sau khi ngã gục xuống bên một lề đường phố, lại có một giọng ca truyền cảm như thế.

“Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ... Chiều nay còn mưa sao em không lại. Nhớ mãi trong cơn đau vùi làm sao có nhau...” Tiếng hát của người đàn ông, quen thuộc. Đúng rồi. Của Sơn. Còn tiếng đàn, khảy từng tiếng một, rồi dồn dập, rồi vấp vấp, rồi liên tục. Không phải Sơn đàn, mà là của Vân Phi.

Tôi ra đứng dựa tay vào thành lan can, mắt nhìn lên bầu trời, chỉ còn ngôi sao mai lấp lánh trên nền xám nghit. Tôi nhớ đến Tuyên. Cô gái vai gầy, khuôn mặt liêu trai hay đến thăm tôi vào những chiều mưa. *“Mưa dầm dề đường trơn ướt tiêu điều...”* Tôi thường để bản nhạc “Em đến thăm anh một chiều mưa” của Tô Vũ, mà phải là Thái Thanh hát mới trử tình, cho Tuyên nghe. Rồi bao nhiêu buổi chiều mưa sau đó, tôi cũng tự hỏi như Sơn: *“Chiều nay còn mưa sao em không lại. Trong cơn đau vùi làm sao có nhau, hằn lên nỗi đau...”*

“Diễm xưa” của TCS. Và “Tuyên xưa” của tôi. Máy cô gái Huế, một thời lãng mạn. Một buổi sáng mùa đông,

ngủ dậy trễ, mở cửa đã thấy một cành hoa hồng ai gắn lên khung cửa sổ, một chiếc hộp như cuốn sách dày bìa cứng. Mở nắp ra, con tim thất lại, rồi ngỡ ngàng, một lọn tóc dài đánh con rít, một lọ nước hoa, một tấm ảnh nhỏ, một bài thơ ngắn: *“Yêu ai là yêu cái đã. Xin ai đừng dẫn đi. Yêu ai là yêu cái đã. Xin ai chớ hẹn hò.”* Ngơ ngẩn nhìn quanh. Người đã đi rồi. Ôi những người cô gái liêu trai, đến rồi đi như một bóng ma. Khi mình nhận ra hạnh phúc thì nàng đã bay xa.

Tiếng hát của Vân Phi, của Sơn trong những bản tình ca đã đưa tôi vào giấc ngủ từ lúc nào. Hình như có tiếng gọi rất nhỏ của Tuyên vào cánh cửa phía dưới nhà : “Anh ơi! Mở cửa cho Tuyên với.” Tôi vội ngồi dậy lần mò xuống cầu thang, đi thẳng một mạch đến cánh cửa chính, mở khóa hất cửa ra chẳng thấy bóng dáng ai. Chập chờn trong giấc mơ. Tôi dụi mắt cho tỉnh lại.

Khi ngang qua chiếc bàn đặt ở một góc quán, mới nhận ra, trên bàn có hai tách cà phê, một bình nước trà, một gạt tàn đầy nhóc tàn thuốc lá. Và tôi sửng sốt nhìn cô gái mà chúng tôi gọi là Nữ Tặc, khuôn mặt, đôi mắt nhắm nghiền, mái tóc đen mượt mà, xoa dài xuống ngang vai, hiền thực. Nàng ngả đầu dựa vào góc tường. Hai tay khoanh lại. Tôi nhận ra khuôn mặt từ bi của Phật Bà Quan Âm. Người con trai đối diện, chàng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, tay vẫn ôm cây đàn guitar, ngả người vào thành ghế, đôi mắt, sau cặp kính trắng, khép lại, còn đôi môi chàng lại nhoẻn một nụ cười đôn hậu, như vừa làm xong một việc thiện.

5/

Những người lập quán Tao Nhân ngày xưa, giờ chỉ còn

một mình tôi. Thành đã hy sinh trong chiến trường Tây nguyên. Chị Hồng đã làm mồi cho cá mập trong lần vượt biên. Hữu chết đột ngột vì nhồi máu cơ tim.

Tôi vào Sài Gòn sống đã lâu. Một vài lần gặp lại Trịnh Công Sơn. Anh nhắc lại kỷ niệm xưa và anh hỏi tôi: “Cô ấy giờ ở đâu?” Tôi hỏi lại: “Cô nào?” – “Cô Mây Trôi”. Tôi thật sự ngạc nhiên có quen ai tên đó. Sơn kể: “Có vài lần ngang qua thị trấn đó, mình nhớ đến quán Tao Nhân xưa, mình nhớ đến cô gái đã hát cho mình nghe những bản tình ca của mình. Mình hỏi tên, cô nói cứ gọi cô là Mây Trôi.” Vân Phi của mọi người, thì ra Mây Trôi của Trịnh Công Sơn.

Ngày ấy, kể từ lúc tôi mở cửa cho Vân Phi ra về, tôi mang máng nhận ra nàng đã thành một người con gái khác. Sau đó, nàng đã bỏ thị trấn nhỏ đầy thành kiến này, biệt tích giang hồ, đến một nơi xa lạ nào đó với một cái tên khác, với một tấm lòng mà nàng suýt đánh mất.

Tin Trịnh Công Sơn chết làm tôi bàng hoàng suốt buổi chiều. Tôi nợ anh mà chưa kịp trả. Tôi đã hứa sẽ tìm cho anh bản nhạc Trường ca Dã Tràng mà anh không còn, đã bị thất lạc. Tôi hứa sẽ tìm lại tung tích của Vân Phi mà chưa tìm ra.

Nếu Vân Phi còn sống một nơi nào đó, khi biết tin anh chết, nàng sẽ thấp cho anh một nén nhang, và nàng sẽ hát một mình, cho nàng nghe, hay cho hương hồn anh đang phảng phất đâu đó. Nếu nàng đã chết đi, thì nàng cũng thành “Mây Trôi” lơ lửng trên bầu trời xanh kia để đón anh đi gặp những bạn bè, người thân đã mất, về một cõi vô thường.

Thanh Hồ

Hoá thân

Đêm
không tiếng nói nụ cười
Hồn mê hoang
giữa lưng trời thâm u
Một tay
ôm nửa sa mù
Còn tay ôm nửa
buồn thu rã rời
Trông chừng
mộng cũng ra khơi
Mê cơn gió hú
nửa đời lênh đênh
Mông mênh
hồn trắng
mông mênh
Ai đem nỗi nhớ
cho em
thiên thần.

Thổn thức

Câu thơ đang hứng giữa rừng
Con chim trời giọng bỗng dừng tất luôn
Thì ra thơ phú nông cuồng
Ngồi im thưởng thức tận cùng sướng rơn.

Thanh Đào

Con sông

Mịt mù trong cõi hoang sơ
Em nằm xỏa tóc bên bờ sông xanh
Mây mùa thu, nắng long lanh
Nhạc vàng thánh thót, em nhìn hoa trôi
Anh từ luân lạc cuối trời
Trong mơ, em vẫn nói cười như xưa.

Trần Hoài Thư

Đêm vượt sông

Giòng sông phân tranh hai vùng thù nghịch
Đêm xuống đời gặp con nước nổi
Súng đưa khỏi đầu
Từng người một vượt sông ...

Rồi trước khi trèo ngọn Kỳ Sơn
Anh lạc trên cánh đồng trăng mênh mông
không biết nơi nào là cỗi dũ
Trên đôi vai anh nặng nề lịch sử
May mà còn
em
vàng trăng mười sáu
anh giữ
ở đấy ba lô...

Thơ của bạn bè khuất mặt

Nghi Hữu

Cho tôi về thăm

Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ
Mà sao phượng đỏ đỏ đầy sân
Bây giờ tháng mấy rồi Nga nhỉ
Mà sao tâm hồn quá băng khuâng

Bây giờ tháng năm hay tháng sáu
Nga mặc áo hồng hay áo xanh
Vườn xưa thơm non hay đã chín
Cho tôi về thăm Nga một lần

Tôi về như năm xưa gặp gỡ
Trời xanh và mây trắng lênh đênh
Tôi sẽ đứng gần bên song cửa
Khẽ liếc nhìn Nga rất êm đềm

Chúng mình sẽ không nói gì cả
Khi Nga đứng nhìn mây trắng bay
Khi Nga tựa mình bên song cửa
Lần đếm chấn song bằng ngón tay

Nga sẽ buồn như tôi sẽ nói
Bây giờ tháng sáu hay tháng năm
Mà sao giông giống năm tháng trước

Cũng mái nhà này cũng chốn song

Chúng mình yêu nhau ngày gặp gỡ
Một mùa nắng ấm một mai hồng
Đàn chim bên núi ngừng ca hát
Liếc mắt soi mình dưới đáy sông.

Nghi Hữu

*Bài thơ **Cho tôi về thăm** được sáng tác lúc tác giả còn học ở Sư Phạm Qui Nhơn, có nghĩa là cách đây hơn ba mươi lăm năm. Anh mất năm 1999 sau một cơn bệnh nhồi tim tại quê nhà.*

*Trong tập truyện **Tưởng Chừng Đã Quên** của Nguyễn Minh do Thư Ấn Quán mới xuất bản vào tháng 3 -2004, Nguyễn Minh đã viết về bài thơ này như sau:*

... Vào Qui Nhơn, ba chúng tôi ở trọ chung một căn gác gỗ xiêu vẹo, Hữu viết thư cho anh em các nơi gửi bài về. Suốt cả mấy đêm liền thức khuya để hoàn thành một tờ báo văn học. Và bài thơ “Cho tôi về thăm” của Hữu đã lan truyền rất nhanh các bạn bè ở Qui Nhơn. Khởi hứng cho Tín phổ nhạc. Tôi đề nghị hai bạn lấy tựa bản nhạc chỉ một chữ thôi. Nga. Tên một người con gái làm xao xuyến lòng Hữu. Mãi đến lúc này, bao nhiêu năm qua mà tôi vẫn thuộc lòng...

*(Trích **Tưởng Chừng Đã Quên**, Nguyễn Minh, Thư Ấn Quán xuất bản 3/2004, tác phẩm phổ biến hạn chế)*

Tác giả và tác phẩm

TQBT 15 xin được giới thiệu bài đọc sách của Cao Vị Khanh về Lục bát Hoàng Xuân Sơn (do Thư Quán Bản thảo xuất bản tháng 5, 2004) và của Nguyễn Lệ Uyên về thơ của Phạm Ngọc Lư (hiện sống trong nước).

Xin đọc phần Viết Chung để hiểu rõ lý do tại sao TQBT lại đăng hai bài đọc sách cùng chung một tập.

Đọc thơ Hoàng Xuân Sơn

Hơi thở rướn của lục bát

tặng bầu, mỏng đánh

Cao Vị Khanh

BẮT ĐẦU...

... BẮT ĐẦU LÀ MỘT LỜI TÁN THÁN (HAY TÁN tĩnh cũng vậy thôi) như vậy " em hai ơi sao em nhẹ hều (đẹp dần trời) như cái bông hường (mới nở) vậy mà tôi thì (uổng quá!) đã là một con bướm hết thời (quờ quạng). Nói cho văn vẻ hơn một chút thì là em-nhẹ-quá-như-bông-hường-mà-tôi-cánh-bướm-tà-dương-chập-chờn.

Như vậy tại-sao lại ra nông nổi này khi viết lại thành lục bát

em nhẹ quá (khi khổng khi không xuống hàng bắt tử)

như bông hường

mà tôi cánh bướm tà dương (lại bắt tử xuống hàng)

chập chờn

Tại-sao-không-là

*Em nhẹ quá như bông hường
Mà tôi cánh bướm tà dương chập chờn*
(như từ hồi nãy vậy đó, coi phải cái điệu thì thầm thủ thủ
dụ dỗ vo ve ong bướm ... hơn không)
Nhưng mà tại sao lại hỏi tại-sao. (có khi nào ngồi lơ mơ,
đầu óc thả lang vơ vẩn, rồi bất chợt ngó chăm bắm vào
bất kỳ một chữ nào đó-chẳng hạn như chữ tại-sao, sẽ
thấy cái chữ tại-sao này nó kỳ cục như chính cái ý nghĩa
tại sao kỳ cục của nó vậy). Không tin thử coi. Không tin
nữa, cứ thử lên giọng hỏi coi, tại-sao? Coi có câu trả lời
nào không. Hay chỉ là một sự im lặng dị thường.
Thiên hà ngôn tai!

*ngày khuya xuống trên thân . thờ
kiếp xưa chim hạc
ốm o gây mòn
hát ru trầm
điệu vai thon
gối đầu lên nổi mất, còn
thịt xương
em nhẹ quá
như bông hường
mà tôi cánh bướm tà dương
chập chờn
chẻ hai lời
vết môi hôn
mớm câu hoa mị nhiếp hồn tân toan
ừ !
kiếp vui cũng họa hoằn
thì đường quang quẻ đừng bán khoăn
chờ
tôi-nơi-em-khất-đời-thơ*

có nhau vụng dại

dăm tờ

bối thom

Xuống hàng là xuống hàng. Chấm và hết. Không có hỏi han lời thôi. Mà cũng không có phân trần lếch thếch. (thơ chớ bộ nhân tình nhân nghĩa gì sao mà ỉ ôi...)

Xuống hàng là xuống hàng. Giống y cái ngã ba đường đời vậy đó. Tới đó là phải tan-hàng-cố-gắng. Tới đó là phải anh-đường-anh-tôi-đường-tôi. Tới đó là người-lên-ngựa-kẻ-chia-bào. Có nú có kéo có trì thì cũng có cưỡng lại được đâu. Thì còn hỏi tại sao làm chi cho thêm ngớ ngẩn. Mà có hỏi thì cũng có ai trả lời đâu. Thiên hà ngồn tai !

Tới đó thì xuống hàng vậy đó. Mà điều có thấy không. Tự dừng nghe như thấm thiết hơn khi lời thơ bị bứt rời ra, đứt lìa. Và hình ảnh không còn là một bức tranh tĩnh (chết) nữa mà trở thành một hoạt cảnh (sống, động) hẫng hoi. Mà tôi cánh bướm tà dương chập chờn. Thơ đi một hơi một mạch nghĩa là vẫn còn đó, sức sống. Sự liên lạc của chữ nghĩa mang trong nó hình ảnh của gấn bó, của tồn tại... nghĩa là của hy vọng (dù le lói)? Như vậy là câu thơ không chuyển được hết cái ý nghĩa của thôi-đành, của đành-vậy, của cũng-đành, của đầu-hàng, của chịu-trận, của hết-thuốc-chữa... nghĩa là của tuyệt vọng.

mà tôi cánh bướm tà dương

chập chờn

(hai chữ "chập chờn" rớt xuống hàng dưới in hình như đôi cánh mỗi đã rụng xuống chiều nào, thấy không)

Câu thơ động đập làm hình ảnh cánh bướm xao xác, chập chới, như rụng, như rơi. Ý thơ được phụ diễn thêm bằng hình thơ. Tuyệt cú! Chẳng phải phương pháp audio-visuel vẫn được coi là cách thức truyền đạt hiệu quả nhất

sao. Nhất ông, ông hoàng...

Đã biểu xuống hàng thì phải xuống hàng, vậy thôi.

Thì

ừ !

kiếp vui cũng họa hoằn

thì đường quang quẽ đường bắn khoăn

chờ

Ờ vậy đó mà lạ lắm. Cái chữ "chờ" bỏ hàng nhảy xuống đứng trơ trọi một mình, bắn khoăn thấy rõ. Thấy không, cái tình cảnh một-mình-đứng-giữa-khoảng-chờ-vợ, cái chữ "chờ" lơ lảo đó. Dặn đừng chờ mà thật ra biết rằng không cần dặn. Nên dặn mà rất ngại ngừng. Bởi có gì hứa hẹn đâu, sự chênh lệch đó, mà chờ mà dặn mà không ngại ngừng khi dặn đừng chờ. Thành ra giữa chữ "chờ" (lẻ ra) ở trên với chữ "chờ" bỏ xuống câu dưới là một khoảng cách có thật không đo được của bao nhiêu ray rút của bấy nhiêu do dự của chừng ấy phân vân của rất mực tần ngần, của một thú nhận về sự thất bại tự thân nằm trong mối hạnh ngộ bất thường. Và... thấp thoáng trong đó, không chừng còn nguyên... một nỗi tiếc thương.

Vì vậy thơ làm sao êm xuôi cho được khi cuộc tình đã đòi đoạn như chính cái hạnh-phúc-thiên-tai vốn đã là yếu tính của cuộc tình trái cựa. Thơ phải trắc trở trặc trẹo cho đúng kiểu tréo ngoe của tình yêu trẻ nãi đó thôi. Cho nên có phải chính cái ngắt chữ bất ngờ như hơi thở đứt quãng, cái nhảy câu bất tử như cơn thở dốc đứt hơi, cái hình thức vụn vẹo như cơn mê sảng đồng điệp mới nói được hết mức cái lạng quạng cái băng hăng bó hó cái nhần nhó chần chừ cái nửa đời nửa đoạn cái dở dang tức tưởi của những toan tính muộn màng. (có nghe chăng, cái hơi thở hắt, cam đành!)

Thấy chưa, thấy cái xuống hàng lạ lắm đó chưa.

Đêm

chườm

củi, khói

ngây ngây

nhà ai sưởi muộn

cuối ngày đông miên

bước chân đi giữa vạn miền

về nghe một chút bình yên

phập phồng

đã quen đời

gánh

mênh mông

vết thương vết nhớ

mặn nồng

vết đậm...

giả sử làm ngang viết (đọc, coi, ngó...) vậy được không

bước chân đi giữa vạn miền

về nghe một chút bình yên phập phồng

đã quen đời gánh mênh mông

vết thương vết nhớ mặn nồng vết đậm

có thấy gì khác lạ không. Người nghe chắc không thấy

lạ. Nghe xuôi tai. Nghe thuận thảo. Nghe êm ái như có

ngón tay nghệ thường nào sờ soạn lên vết cắt còn rịn

máu. Nghe như có hơi thở trầm hương nào rà sát lên lớp

da non mới vừa bắt miếng. Thơ đó. Có gì lạ đâu. Thơ y

như hồi nào tới giờ. Y như cái hồi cô Kiều chảy giọt

nước mắt thất thân theo kiểu sáu-tám-ôi-kim-lang-hỏi-

kim-lang-thôi-thôi-thiếp-đã-phụ-chàng-từ-đây. Hơn nữa

muốn cho đúng điệu nhất thì phải đọc và viết rõ ràng

như vậy : (hai chấm, xuống hàng)

(thụt vô một hàng) Ôi Kim lang, hỡi Kim lang (xuống hàng)

(ló ra một hàng) Thôi thôi tiếp đã phụ chàng từ đây
Lục bát là phải vậy. Luật chơi đã rành rành ra thế. Dẫu có chịu chơi cách mấy (phá thể, biến thể... gì gì đi nữa) thì cũng phải trên dưới rõ ràng. Sáu trên tám dưới. Sáu trên tám dưới. Sáu trên tám dưới. Cứ như vậy đó mà bốn-câu-ba-vần hay trường-thiên lưu liên sao sao cũng được. (Ngoại trừ một ít bài ca dao có 8,10,12,14 chữ mỗi câu cũng chỉ phá lệ cho vui mà số lượng rất ít, không đáng kể)

Còn về nhịp thơ (tiết tấu, ngắt câu ngắt chữ) thì phải là nhịp chẵn (2/2/2/2 hay 2/2/4 hoặc 4/4) như để phù hợp với cách thở hít của người ta, nhẹ nhàng, đều đặn, hòa hoãn.

Vậy sao (lại tại-sao) mà ngang ngược trời sứt cho đến đổi thắc thẻo thất thường như vậy.

đã quen đời

gánh

mênh mông

vết thương vết nhớ

mặn nồng

vết đậm

mà không thắc thẻo sao được vì có phải vết nào cũng giống vết nào đâu. Cái làm nên thương nên nhớ đâu phải cái hời hợt cạn sốt phải rất ngoài da. Cái làm nên thương nên nhớ phải là cái hun hút thăm thẳm, cái trong trong tuyệt mù, cái người-Huế-nhớ-nhau-trọn-đời, hết kiếp. Như vậy nếu không xuống-hàng, nếu cứ viết ngang bằng thì làm sao khỏi lẩn cấn. Thử coi. Vết thương vết nhớ mặn nồng vết đậm. Vết nào như vết nấy. Ai mà chịu.

Cái vết quan trọng nhất, đầu mối của mọi thứ dấu vết trên đời này phải có cái chỗ riêng của nó, một mình, để thấy được cái chỗ đương hai hóa thành một, để thấy được bỗng chốc đầu cổ tay chân gì cũng mất tiêu ráo rọi mà chỉ còn gom lại có một chỗ duy nhất, để gọi nhau nấn nủ, tượng hình mà cũng tượng tình nhất, cái chỗ để gọi nhau "mình ơi". Vết đậm.

vết thương vết nhớ

mặn nồng

vết đậm

(có nghe không hơi thở rướn rờn rợn vết mặn nồng !)

Tại vậy đó mà thơ cứ phải dầy nầy, vùng vằn, vụt chạc vì có quá nhiều điều lẩn cấn, tức tưởi, không yên. Muốn nói cho hết, cho đủ, cho vừa thì chỉ còn cách bứt tung ra khỏi cái vòng khuôn chặt chĩa êm xuôi quen thuộc đó.

Có điều gì khó nói hay nói mà không thể nói hết. Có điều gì phải giấu lại dù vốn muốn phơi trần. Ấm a ấm ức. Lở dở. Nửa chừng. Có điều gì muốn la hét mà môi cứ ngậm câm. Hay miệng há hốc mà tiếng cứ ứ nghẹn.

ngồi bên cửa

lọt ưu phiền

để chừng năm tháng

đã quên

lòng người

một vòng dang rộng xa khơi

một ôm huyệt hẫng

phiên trời thâm căn

ngồi nghe thương thế lịm dần

với mồi meo nắng

với tần ngần

mưa

với mưa

với mưa

với mưa

với môi bần bật âm thừa khổ sai

Mắt nhắm nghe thơ hẩn cũng nói không trật rằng thì là thơ lục bát. Mà mở mắt ngó từng từng thì lại ngờ ngờ không chắc. Cái hình ảnh và nhịp điệu quen thuộc sáu tám đầu còn nữa. Ma lực của vần điệu và cú pháp đã phù phép hồn người ra khỏi cái mặt phẳng một chiều tĩnh lặng để hóa thân vào cái cõi lừng lững ba chiều. Ở đó thơ đọc đã đeo tượng. Ở đó thơ điêu khắc trầm luân. Có lúc nào thấy được chẳng cái hình người gãy gập, ngồi bó gối, gục đầu chịu trận dưới cơn mưa xối xả của định mạng, hồn thương phế, miệng ngậm câm đến nỗi mỗi tiếng hét bất lực chưa kịp thoát ra đã vỗ ngược vào lồng ngực từng tràng sấm sét. Đọc thơ, nhìn thơ mà như mừng tượng sờ được từng mảng-thơ bôi tô đắp trét. Thấy không, nỗi phiền muộn như một thứ chất lỏng dẻo nhẹ ảm rít chảy-ngấm-thấm-lọt vào lòng người vốn dĩ như cái miệng phễu nên hứng không sót một giọt nào, lệ cường toan. Thấy không cái hụt hẫng có thật, có thật đến quơ tay còn ôm được cái trống không, thật như đuôi-mắt-chân-chim đã mỏi, thật như đường-môi-cần-chỉ đã tưa, thật như sợi-tóc-ráng-chiều đã tối. Thấy không, mùa nắng đã qua, em đã xa và mùa mưa đang tới. Những giọt mưa mang hơi ẩm phủ mốc meo lên tấm lòng cổ độ. Và tình chúng ta, tình chúng ta còn lại gì ngoài một nắm di hài.

ngồi bên lệ cổ di hài

dễ chừng năm tháng

đã dài

thiên thu

*ngôi vàng vọt
bóng trắng
lu
với riêng ngôi lại
ao tù
thiết thân*

Thử chép lại bài thơ theo cái khuôn khổ ngay ngắn, nghiêm chỉnh, cân xứng như vốn dĩ đã ngàn năm coi còn có cái tác dụng huyền hoặc đó chăng ?

Câu thơ lục bát tự thân rất xuôi chèo mát mái, vần điệu thảo ngay, dịu dàng, dễ chịu. Vừa có yêu vận vừa có cước vận làm bài thơ có quá hai câu trở lên nối nhau khít rim, chặt chẽ, liền lạc như một tràng chuỗi hạt hiền lành mà vị trí và vai trò của từng hạt chuỗi được phân bổ đồng đều tạo nên một thể quân bình hoàn chỉnh. Nhìn như vậy, lục bát chính là thể thơ biểu hiện rõ nhất cho cái thể thống bằng tuyệt diệu trong lòng người Việt, bài học khôn ngoan nhất của cuộc trường chinh cam go dành đất sống với hai thế lực đối nghịch thường xuyên, thiên nhiên và ngoại xâm. Sự hòa điệu giữa người và người cũng như giữa người và thiên nhiên đã phản ánh trong cái nhịp hài hòa, thuận thảo, êm ái, tự tại... của những câu lục bát ngay từ thời còn là ca dao bay lượn trên sông nước ruộng đồng. Vì vậy, nếu có tìm đọc lại ngàn bài lục bát cũng vẫn y cái giọng điệu và nhịp tiết đều đặn, hiền lành, ngọt ngào... như ru như dỗ. Dỗ người vì chính lòng mình đã được dỗ yên.

Ngay cả đến thời gần đây, lục bát vẫn còn nguyên cái thể thống bằng dễ thương đó. Nhìn một bài thơ lục bát của Nguyễn Bính được chép tay bằng mực tím y như ngó một cô con gái nhà lành, thùy mị, phía trước phía sau tề

chính, cái gì cũng vừa vừa phải phải, như chính cái đòi hỏi chừng mực của một thời kỳ mực thước.

Nhưng mà có còn nữa đâu, cái thời vừa-vừa-phải-phải đó.

Những khám phá mới của khoa học và triết học giữa hai thời hủy diệt lớn đã làm thay đổi hẳn lối sống và nếp suy nghĩ của con người. Đã có người kêu lên thượng đế đã chết. Không biết ông ta có chết thật không chớ con người thì quả tình ngất ngư đến mất thở. Khoa học tăng hiệu năng tàn phá theo cấp số nhân, triết lý cứu rỗi con người theo cấp số cộng, chiến tranh làm mọc lên những thành phố lở lói nhanh hơn cây xanh, máy móc tăng vọt tốc độ của đời sống lẹ hơn suy nghĩ và đô thị vây khốn con người trong những giấc mộng cụt đầu cụt đuôi. Chung cư khoá trái cửa kín mít, ngã tư ngã năm ngã sáu ngã bảy, đèn xanh đỏ chớp tắt chớp tắt, chiếc đỉnh ốc của Charlot, con chó điều-kiện-hoá của Pavlov, miệng đại vực mở toác hoác ngay giữa con phố triệu người, miệng đại vực mở tanh banh ngay giữa lồng ngực ám khói, mặt trời rồ dại, mặt trăng thất tiết... Và con người, con người thành kẻ thất lạc chính mình.

mỗi lần đi

một hồi đường

tôi chậm lụt giữa nộ cuồng thế gian

giữa trăm khốc liệt giăng hàng

tìm đâu

tôi ?

ở ngổn ngang sự tình

Không phải tự nhiên mà lục bát đèo bồng làm mặt lạ.

Tại đã tới lúc người ta lạ mặt với chính mình và với cả thế giới chung quanh. Thiên nhiên không còn là cõi trú ẩn bao dung và tha nhân thì trở thành địa ngục. Con người tới và đi như khách lạ ngang qua cuộc đời tựa quán trọ buồn hiu. Cõi nhân gian rốt lại chỉ là một cõi giả hình và cuộc sống nếu có thật chỉ gom lại trong từng khoảnh khắc. Chân lý thay đổi như trò mạo hóa. Mọi đối cực của cuộc đời là trò chơi của chữ nghĩa và sự chọn lựa về một phía nhất định chỉ là thái độ nguy tín nhất của con người. Đầu-đuôi, trên-dưới, ngược-xuôi, trong-ngoài, tốt-xấu rồi ra cũng chỉ là những khái niệm hết sức tương đối, hình học không gian đã phá vỡ định đề Euclide, ở bên ngoài trái đất trên tuốt mấy tầng mây mọi thứ đã lộn nhào, và sau cuộc đổi đời năm ấy, những nấc thang giá trị cũng lộn tùng phèo trong lòng ta. Còn lại gì không, có còn lại gì không trong lòng ta, thế quân bình huyền thoại.

mỏng manh

là sợi tơ tằm

hoang mang là tiếng thơ

thầm gọi tên

là trăm con chữ tậ nguyên

là trăm con chữ tậ nguyên ? ở chữ nghĩa đã tậ nguyên nên chỉ đưa đến ngộ nhận và bế tắc.

Đến một lúc tất cả trở nên nhòe nhoẹt, lơ mờ, nhập nhằng, lộn cộn... đường ranh biên biệt đã mỏng hơn sợi tơ tằm thì còn chỗ nào để phân biệt phải-trái, đúng-sai, vui-buồn, mê-tỉnh... Đã không rõ ràng thì chỗ nào là chỗ phải dừng. Mà dừng lại có chắc đã đúng chưa khi hạnh phúc chỉ là mặt này của đau khổ mặt kia, khi tiếng cười có khi chỉ là nguy trang của tiếng khóc, khi yêu đương chỉ là mầm mống của tan vỡ, và mộng mị chính là khởi

đầu cho một cuộc tự sát dịu dàng. Vậy thì có cần phải đi
ngay về thẳng, đường đi có còn chỗ tới khi chỗ về đã bít
đường lui. Sao không lung lảng khi chính lòng ta khệnh
khạng, bối rối, mù mờ trước những đối cực bất phân. Sao
không xiên xẹo khi chính lòng ta còn không ngay ngắn,
nửa là.

chao ơi

thiệt tội đêm dài

nghiến sâu thân thể

lạc loài thể thân

chừ

trùm cái bóng phân vân

về mô cũng đọng chút gần

thịt xương

.....

ta về

nhang khói lất lay

thôi âm hồn nọ

vẫn ngày dương gian

.....

ta về

như gợn gió âm

ở lâu vết buốt

ngực trầm tích kia

giọt mưa giọt lệ đầm đìa

thất phu

nhoe buổi ta về

trắng

không

nghe không em, thơ như cái hơi thở rướn từ một vết
thương chí tử, vói, náu, bắt trầm qua cuộc sống, như cái
hơi thở hắt từ một trái tim đã mỏi nấn nướ qua bờ cõi tử

sinh. Những câu những chữ rơi, rụng bất ngờ như chính những bày-đặt-rất-tình-cờ của định mạng. Đọc lại trên môi, đọc lại trong mắt để thấy rõ ràng cái chúng ta không thấy được, bộ mặt thật của cõi người, phân vân, lay lắt, lộn xộn, lu bu, rối bù... Thơ như một cố gắng vớt vát để định hình cái không có hình dáng nhất định, cuộc đời, tình yêu, hạnh phúc, đau khổ, niềm vui, tiếng khóc, câu cười... đã không còn là cái như ta đã tưởng, đã thay đổi rồi khi chính lòng ta đã lụy, từ khi...

Bởi vậy, đâu phải khi không lục bát bỏ hàng rẽ lối, chệch choạng, khắp khểnh. Bởi chính lòng người đã thương tật nên vóc hình cũng khắp khểnh, chệch choạng, bỏ lối rẽ hàng đó thôi.

Mà hồng chừng phải vậy lục bát mới tận tụy được cùng ta, cuộc trầm luân đó.

Từ khi Picasso chẻ hình người ra làm trăm mảnh vụn thì bộ mặt nhân gian cũng đâu còn lành lặn nữa. Hoặc chỉ lành lặn theo cái mỹ cảm mới. Mỹ cảm của chất nổ banh da xé thịt, của lò thiêu người, của ám sát chính trị, của họa diệt chủng... Lần này, với Hoàng Xuân Sơn cái trật tự lành lặn cũ cũng phải bị phá đổ đi để lập lại một trật tự mới, trật tự của cuộc điêu tàn mới. Lục bát bị xé ra từng mảnh rồi ráp lại theo cái nhìn vỡ vụn của con mắt điêu linh. Chông ngược đầu xuống đất, mọi sự có dị thường hơn khi đứng hai chân trên mặt trần gian này mà làm thơ ? Thơ lộn lạo như cõi hồng trần tất tả, thơ hỗn hển khi con tim đập sai nhịp nhân gian, mệt dừ

tiễn cung . vút

một đuôi mây

hỡi ơi tình lụy

ngón tay

trẽ tràn

Từ cái vị trí lỏng chổng của cuộc sống bất an, của cái tâm bất định, của cái tình bất khả, thơ là đường bay lêu lổng của con tim bất trắc trong một thế giới bất ổn. Như vậy có gì bất thường đâu khi lục bát vắn vẹo, co rúm hay luông tuồng suông sả... chẳng qua như cái hơi thở của mình, những khi... đời dở chừng.

... khi đó, con tim nhỏ xíu đập, chồi như đuôi cá mắc cạn
... khi đó, cổ thắt nghẽn như cái cần đàn bẻ quặp lại sợi trúc ti

lệ từ trích một nét ngang

nguyên thân đuối . lả

quy hàng mỹ nương

Khi đó, lục bát là hơi thở rướn nứu ta lại với cuộc đời.

Độc thơ Phạm Ngọc Lư

Thơ như một định mệnh oan nghiệt

Nguyễn Lệ Uyên

TRONG TẬP TIỂU LUẬN *VỮ TRỤ THƠ*, KHI VIẾT về Nguyễn Du, nhà phê bình Đặng Tiến đã khoa lên một kiểu chữ nghĩa mới toanh mà gần gũi, mượt tươi mà trần trụi, khiến nhiều người khi đọc, vừa nhẩn mặt thích thú vừa nhếch môi ngạc nhiên: “*Yêu một tác phẩm nghệ thuật giống như yêu một người đàn bà ở điểm là mỗi lần*

yêu, chúng ta khám phá ở người tình một trình tiết mới. Yêu một tác phẩm là sáng tạo một trình tiết mới cho tác phẩm” (1). Hồi tưởng lại, trong cuộc đời mỗi chúng ta, khi đọc những tác phẩm nghệ thuật, đã không ít lần lòng ta bỗng rung lên với hàng hàng chữ nghĩa bay lượn trên thảm cỏ xanh rờn; khép trang sách, ta như đang sống cùng những nhân vật ấy, những “trình tiết mới” ấy. Nhưng cũng không ít tác phẩm, mới gỡ năm bảy trang đã nghe thấp thoáng mùi khoai lang sùng, cơm thiêu tỏa khắp các trang giấy trắng tinh. Không phải để non, mà chữa trâu, để quá thảng, bởi anh ta không phải làm nghệ thuật; anh ta dùng nghệ thuật để đẩy nó đi một hướng khác!

Với Phạm Ngọc Lữ, anh chưa có và không bao giờ có được cái ngời ngời của thiên tài Nguyễn Du, nhưng với tôi, Lữ là người bạn thiết (từ nửa thập niên 60) và chữ nghĩa của Lữ là “*người tình*” đích thực của tôi, kể từ khi tôi đọc một loạt truyện ngắn anh đăng trên Văn, Bách Khoa. Những nhân vật trong truyện đã mang không khí chiến tranh đi ngao du ca hát khắp cùng trời cuối đất, khi thì dưới một mái trường quê, khi thì một làng ven biển, lúc thì trong một thị trấn nhỏ miền núi, bị vây phủ tứ bề như một ốc đảo trong sa mạc... họ thuộc thế hệ chúng tôi. Tất cả đều không có giọng điệu gào thét, rên rỉ hay chửi bới dung tục, không có cả tiếng bom đạn ì ầm mà, chỉ có tiếng cười chưa thoát hẳn lồng ngực, những tiếng nói thì thầm của hai kẻ yêu nhau rờn rợn lưỡi gươm lia ngang, xẻ dọc trên đầu; cuộc sống được đếm bằng giây bằng phút. Một cuộc sống mong manh tưởng chừng không với chạm tới ngày mai qua từng câu ngắn ngủn tài hoa... Trong suốt thời gian này, tôi chưa hề thấy anh làm

thơ như những người cầm bút khác, cùng thời.

Mãi tới cuối năm 70, tôi từ Sài Gòn về từ già cha mẹ và các em để “*xếp bút nghiên...*”, buổi tối ngồi uống chén rượu lạt cùng nhau với các bạn văn trước lúc chia tay, giữa chéch choáng men say thế sự, giọng Lư hốt nhiên vang lên, nắc nghẹn:

Biên cương, biên cương, chào biên cương

Chào núi rừng thăm thẳm nhiều nhưong....

Khu chiến ngày tràn lan lửa dậy

Đá vọng Phu mọc khắp biên cương...

Đây biên cương, ghê thay biên cương

Tử khí bốc lên dày như sương...

(Biên cương hành)

66 câu thơ trong bài *hành* bắt rờn rợn da gà, gai ốc khắp người tựa hồ có hàng ngàn mũi kim nhọn buốt thịt xương. Tôi ngạc nhiên đến thích thú và đã ám ảnh tôi trên 30 năm nay; có lẽ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay, nỗi ám ảnh ấy chắc sẽ còn “*dày như sương*”!

Ngay đêm ấy, tôi lẩm nhẩm những câu gây khúc, nghe chừng *Biên cương hành*, như một dự báo về định mệnh oan nghiệt bắt đầu phủ trùm lên cuộc đời anh và đời thơ: lang thang đến sơn cùng thủy tận để mưu sinh, chân tay toé máu qua những tầng đất đá sâu hoắm cuộc đào để nuôi ba miệng ăn trong thời buổi nhiều nhưong. Có lẽ vì thế, nên ngôn ngữ thơ Phạm Ngọc Lư có phong cách rất riêng, “không giống ai”: không ảnh hưởng Thiên, không hoàng phái quý tộc, cũng không viễn mơ, ảo ảnh vu vơ, gào rống ba hoa. Đời đã xô đẩy anh tới tận cùng đáy xã hội để hiểu thấu thế nào là đau, là hận, là nhục... đối với chính bản thân và bạn bè, người thân. Đời sống của

anh vốn dĩ rất thực, không màu mè, phỉnh phờ, ma mị, lừa lọc, dối trá với chính mình và với người khác, vì vậy từ đáy lòng, anh đã đẩy những giòng thơ của chính mình lên đến chỗ tận cùng nỗi *hoan-lạc-đau-đốn-chua-cay*, trộn lẫn chút bụi cát bụi ngùi trong chén cơm hẩm, nước muối mặn đắng:

Mười lăm năm nát thân Kiều

Còn thân ta nát bao nhiêu năm rồi?

Đoạn trường tuế nguyệt gấp đôi

Từ đêm trắng mộng, vốn lời trắng tay!

(Chỉ còn đan tâm)

Có lần Lư viết cho tôi: “...Nhà thơ = lãng mạn + cô đơn + kiêu hãnh + bi thương, trong đó “cô đơn” là thuộc tính bi thảm nhất. Chính trong cái cô đơn cùng cực, tôi thấy mình chết, ra đi và đã viết:

Tâm hồn bật một tiếng kêu

Vỡ ra lênh láng giữa chiều tang thương

Am ba đồng vọng mười phương

Có ai thiên cổ đoạn trường hồi âm

Tay ai nâng nhẹ phù thân

Dù tôi đi giữa phù trầm khổ đau

Tôi và nước mắt đau nhau

Bơi qua bể khổ muôn màu lô nhô

Tôi và cát bụi ngu ngơ

Bay quanh trời đất đợi giờ tương sinh”.

(Thư riêng đề ngày 27.10.02)

Nếu hiểu thơ ca là niềm lạc quan, hoan lạc của loài động vật trong mùa tình động, nhằm cung phụng cho một ý đồ thì quả thực thơ Lư không bao giờ có một chỗ đứng nếu không muốn nói là bị chìm xuống tận đáy thăm thẳm sâu của thứ búa rìu phê phán! Nhưng khốn nỗi và may mắn

thay những ý tưởng của Lã Bất Vi cũng chỉ tung hoành một thời gian ngắn ngủi. Thơ ca vẫn cứ là thơ ca, như tiếng lòng trung thực vốn có, không hề méo mó, dị dạng, rỗng rít trên đường một chiều, để ngày nay thiên hạ vẫn say sưa đọc Thôi Hộ, Lý Bạch, Mạnh Hạo Nhiên... để, Tỳ bà hành, Cung oán ngâm, Tuyện Kiều... vẫn sừng sững như một núi đá cao ngất! Và riêng tôi được đọc những câu thơ “cùng khổ” của người bạn thân. Được cùng anh sướng điên lên, đau chùng xuống, la đà cùng hơi men chếch choáng theo những câu chữ phơi bày cả ruột gan, không thêm thập thò ngần ngại, giả bộ nhấc tuông, đóng kịch. Bởi Phạm Ngọc Lữ là Phạm Ngọc Lữ. Thơ Lữ là của chính hấn ta chứ không phải kẻ nào khác nhảy vào múa may, quay cuồng la hét ồm tỏi như đám sơn đông mãi võ rao bán thuốc trường sinh.

Hơn ai hết, Lữ hiểu được thơ ca là cuộc tình thủy chung và đau khổ giữa chính nó và anh, không thể xoá nhòa phân ly.

Và cũng bởi, chỉ vì anh hiểu ra rằng, thơ ca chẳng những là hệ lụy nhân sinh mà còn là cuộc rượt tìm cái đẹp đầm đìa máu me cuộc sống, rờ đụng sự tan tác chia lìa trăm năm nhân thế, nếm ngửi, ngụp lặn trong chốn cùng tận ta bà, nên anh có quyền chìm đắm trong cõi hư huyền kia, ngay thẳng thật thà. Vì vậy, khi tôi được đọc thơ Phạm Ngọc Lữ, không hề nhìn thấy bị phỉnh phờ bay mây lướt gió mà, ngược lại như cùng được kéo xuống tầng địa ngục sáng-loá-hào-quang-con-người thật, rất thật con người; đến độ có nhiều người đọc hay nghe anh tự đọc thơ mình phải nhắm mắt, bịt tai; thậm chí còn len lén bỏ

đi nơi khác:

...

Phải người ba chìm bảy nổi

Bắt ta mười bốn long đong

Mây có – gió không

Tình câm – thơ điếc

Giai nhân còn mà anh hùng hết!

Chưa mùa đông sao tóc xanh rơi bạch tuyết

Ngũ thập rồi, tay trắng xoá bạch vân.

(Tuý Hoài)

Làm thơ, viết văn bây giờ như một thử thách ghê gớm... Và nói như nhà văn Albert Camus khi đọc bài diễn văn tại thính đường của Viện Đại học Upsal Thụy Điển khi ông đến nhận giải Nobel văn chương (1957), thì: "*Créer aujourd'hui, c'est créer dangereusement. Toute publication est un acte et cet acte expose aux passions d'un siècle qui ne pardone rien*" (Ngày nay, sáng tạo tức là sáng tạo một cách đầy nguy hiểm. Tất cả mọi sự công bố tác phẩm đều là một hành động, và hành động ấy bắt buộc phải gánh chịu những giông bão của một thế kỷ không thể nào tha thứ (2). Ông nói tiếp: "Mọi văn nghệ sĩ đều bị đẩy xuống con thuyền của thời đại của họ. Họ phải bầm bụng mà chịu vậy, dù họ có cho rằng con thuyền ấy tanh ngòm mùi cá, rằng bọn cai tù ở trên thuyền quá nhiều và, tệ hơn nữa, rằng con thuyền đi lạc hướng. Chúng ta đang ở giữa đại dương. Văn nghệ sĩ cũng như mọi người phải bắt tay vào mái chèo, khi đến lượt họ, chèo mà rán đừng chết gục, nghĩa là có thể tiếp tục sống mà sáng tác" (2) .

Như vậy có nghĩa, nhà văn phải đương đầu với mọi sóng

gió thời đại để hoàn thành một sứ mệnh cao cả: tìm đến cái đẹp, lôi nó ra cho thiên hạ ngắm nhìn. Còn thái độ của họ ra sao khi nhìn ngắm là chuyện của họ, thậm chí tác phẩm của anh ta bị bọn quá khích thắt dây thòng lọng treo lên thập tự giá!

Người bạn của tôi đang bước đi trên con đường chông chênh đầy nguy hiểm đó, để kiếm tìm điều mà số đông khao khát: cái đẹp!, để đêm đêm lần ngày ngày, một mình ngồi trên bờ đá rêu phong dõi mắt qua muôn dặm trường:

*Mỗi mồn tiếng sóng nghe chung
Bờ Tây tóc rụng... bờ Đông bạc đầu!*

(1) Đặng Tiến, *Vũ Trụ Thơ*. Nxb Giao Điểm, SG 1972

(2) Albert Camus, *Conférence du 14 Décembre 1957*, *Upsal Université*.

Liên lạc nhận Thư Quán Bản Thảo:

Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư, Trần Bang Thạch
(USA), Cao Vị Khanh (Canada)

Đặc trách bài vở, layout: Phạm Văn Nhân
Đặc trách kỹ thuật in ấn, bookbinding: Trần Hoài Thư

Liên lạc tòa soạn:

e.mail: tranhoaithu@yahoo.com

nhanvanpham@yahoo.com

hay:

Trần Hoài Thư

P.O.Box 58

S. Bound Brook, NJ 08880 (USA)

**TQBT là một tạp chí phổ biến hạn chế, nên những
trích đăng hay sao lại xin vui lòng liên lạc với
TQBT... Trân trọng cảm ơn.**